

I THÁNG 3 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

NGUYỄN HIỂN LÊ *nguy cơ xuất não* * VÕ PHIẾN
ngày Xuân nói chuyện áo quần * NGUYỄN-THỊ NGỌC-
THẨM *phụ nữ Việt-nam trong cộng đồng dân tộc* *
TỪ MINH *sự biến chuyển của đồng Mỹ-kim từ năm*
1934 tới ngày nay * VIỆT PHƯƠNG *Mujib Rahman,*
Ông là ai? * TRẦN-LÊ NGUYÊN - VŨ *đường lên*
Berlin * NGUYỄN MỘNG GIÁC *tên đào ngũ* *
TỔNG CHÂU ÂN *mùa xuân, một người nào* * ĐỖ
NGHÊ *bài về thứ nhất* * HÀN VŨ *GIANG CHÂU*
xuân xa * BÁCH KHOA *đàm thoại với Sơn-Nam,*
tác giả * Miền Nam đầu thế kỷ XX *Thiên-Địa-hội*
và cuộc Minh - tân *
SINH HOẠT *thời sự thể*
giới * *thời sự văn nghệ*

364

SỐ TÂN NIÊN

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:
Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Đồa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Số Tân niên

BÁCH KHOA

Số 364 ngày 1-3-1972

NGUYỄN HIỂN LÊ <i>nguyên cơ xuất não</i>	05
VÕ PHIẾN <i>ngày xuân nói chuyện áo quần</i>	17
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM <i>phụ nữ Việt-nam trong cộng đồng dân tộc</i>	25
TỪ MINH <i>sự biến chuyển của đồng Mỹ-kim từ năm 1934 tới ngày nay</i>	31
VIỆT PHƯƠNG <i>Mujib Rahman, Ông là ai ?</i>	37
TRẦN-LÊ NGUYỄN-VŨ <i>đường lên Berlin (du ký)</i>	43
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>tên đào ngũ (truyện ngắn)</i>	53
TỔNG CHÂU ÂN <i>mùa xuân, một người nào (truyện ngắn)</i>	63
ĐỖ NGHÊ <i>bài về thứ nhất (thơ)</i>	68
HÀN VŨ GIANG CHÂU <i>xuân xa (thơ)</i>	69
BÁCH KHOA <i>đàm thoại với Sơn-Nam, tác-giả « Thiên-Địa-hội và cuộc Minh-tân »</i>	71

SINH HOẠT

TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	79
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Biên soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Nẻo vào Thiền học của Nhất Hạnh do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 244 trang gồm 6 chương, từ Thập sát hiện hữu, Hương vị một tách trà... đến Có không mất dấu. Tìm lại con người. Bìa của Đình Cường, phụ bản của Võ Đình. Bản đặc biệt. Giá 280 đ.

— Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay của Tạ Tỵ do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 700 trang, trình bày 10 văn nghệ sĩ qua những tác phẩm của họ : Trịnh Công

Sơn, Túy Hồng, Nguyễn thị Thụy Vũ, Dương nghiễm Mậu, Nguyễn đình Toàn, Nhật Tiến, Thế Uyên, Thế Phong, Bùi Giáng, Võ Hồng. Mỗi « khuôn mặt » đều có một chân dung dưới nét bút của Tạ Tỵ và những hàng thủ bút cùng chữ ký. Trình bày rất đẹp Bìa của Đình Cường. Bản đặc biệt. Giá bản thường 800 đ.

— Đức Phật và vấn đề cải tạo xã hội. (The Buddha and social reform) của Trần Ngọc Ninh, do Tu thư Vạn Hạnh ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm phần trên là Việt-ngữ và phần dưới là bản dịch ra Anh-ngữ của Giáo sư Trần văn Từ. Bản đặc biệt.

— Tuyên Trưng hầu Nguyễn văn Tuyên biên khảo của Nguyễn văn Hầu do Ủy ban Xâp cất lăng miếu Tuyên Trưng Hầu ấn hành và gửi tặng. Sách dày 32 trang. Bản đặc biệt.

GIÁ BÁO từ tháng 1/1972

MỖI SỐ
SÁU THÁNG
MỘT NĂM

70đ.

770đ.

1.500đ.

Cao Nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí 360đ. một năm.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
	oOo			
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Nguy cơ xuất não (1)

Hiện tượng "nhân tài di cư" từ xưa tới nay

Nhân tài là tinh hoa của quốc gia, bộ óc của dân tộc, nên nhà cầm quyền thời nào và nước nào cũng lo việc đào tạo nhân tài, và khi xâm chiến một nước khác thì tìm kiếm tất cả nhân tài nước đó đưa về nước mình: như năm 1944 quân đội Đồng minh vào Berlin, công việc đầu tiên của Mi, Nga, là lùng bắt các nhà bác học Đức đã chế tạo những vũ khí tối tân, ép buộc họ hợp tác và chính một phần nhờ sự hợp tác đó mà Mi Nga mới tiến bộ rất mau trong việc chế tạo các vũ khí hạch tâm và các hỏa tiễn đưa lên cung trăng.

Riêng Trung Hoa thời xưa còn bắt các nước thần phục phải cống nhân tài nữa. Theo Trần Trọng Kim, trong *Việt Nam sử lược* thì Mông Cổ buộc nước ta ba năm phải cống một lần, mà lệ cống thì phải chọn nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán số và thợ thuyền mỗi hạng ba người. Mông Cổ có lẽ chỉ muốn biết nhân vật, học văn, kĩ thuật nước ta ra sao để tính cách xâm chiếm chứ, không có ý trọng dụng các nhân vật đó, mà các vua Trần cũng không đại gì «cống» họ các nhân tài trong nước; nhưng lệ cống đó đủ chứng tỏ rằng nhân tài thời nào cũng được coi trọng nhất.

Thờ Nhị Ki xưa có lệ huyết cống: cứ ba bốn năm cho lính đi lùng bắt những trẻ khoảng 10 tuổi, khỏe mạnh, thông minh ở các thuộc địa đem về

Istamboul (kinh đô) đặt tên Thờ, bắt theo Hồi-giáo, dạy dỗ theo Thờ, để sau phục vụ Thờ.

Coi trọng vì đã hiếm, mà đào tạo lại tốn công. Ngay thời đại này, tại những nước giáo dục các cấp rất phổ biến, như ở Mi, mà cứ 100 trẻ vô tiểu học thì chỉ có mười, mười hai em sau này lên được tới đại học, mà không phải cứ ở đại học ra là đã thành nhân tài ngay đâu. Phải vừa làm việc vừa học thêm trong nhiều năm nữa, phải có kinh nghiệm, có sáng kiến; tính ra cứ 10 người tốt nghiệp đại học mới có được một hai người sau thành nhân tài. Một trái bom thả xuống làm tan tành một đường đường thì chỉ sáu tháng hay một năm sau xây cất được một đường đường khác tối tân hơn; bao nhiêu dụng cụ y khoa và dụng cụ thí nghiệm chỉ một ngày sau (nếu có sẵn trong nước) hoặc vài tháng sau (nếu phải mua ở nước ngoài) là có thể thay thế được; nhưng nếu chỉ một y sĩ bị bom đạn mà chết thì ít nhất phải bảy năm mới thay thế được, nếu y sĩ mới ở trường ra; nếu là một y sĩ đã có vài chục năm kinh nghiệm, thì có thể nói rằng sự thiệt hại cho quốc gia không sao đền bồi được.

Điều đó, ai cũng hiểu. Nhưng có điều ít nhà cầm quyền chú ý tới, là không tìm cách giữ lại các nhân tài, cứ để cho họ lần lần «di cư» ra

(1) *Tiếng xuất não* này cấu tạo cũng như tiếng xuất huyết.

nước ngoài hết, gây ra một tình trạng tai hại tôi gọi là «xuất não».

Có khi là do vô tình, như trong lịch sử phương Tây, thế kỉ thứ IV trước công nguyên, rất nhiều nhà trí thức Hi Lạp bỏ Athènes mà qua Alexandrie ở Ai Cập (dưới triều vua Ptolémée Sôter đệ nhất : 367—283) vì không khí dễ chịu của triều đại đó, nhất là vì thư viện Alexaudrie nổi tiếng nhất thế giới, có đủ các sách quý. Do sự di cư đó mà Athènes suy lặn, và Alexandrie thành trung tâm văn hóa của phương Tây.

Có khi là do quốc gia suy vi, như ở thế kỉ XV, đế quốc Byzantin sụp đổ, thành Constantinople bị vua Thô Mehmet đệ nhị chiếm cứ, tàn phá, bao nhiêu nhà trí thức Constantinople di cư qua phương Tây hết, lập những trung tâm văn hóa ở Padone, Oxford, Prague, Heidelberg do đó mà sau mới có phong trào Văn nghệ Phục hưng ở châu Âu.

Có khi do chính sách sai lầm của nhà cầm quyền : như năm 1685, vua Pháp Louis thập tứ hủy bỏ sắc lệnh Nantes (do vua Henri đệ tứ ban hành năm 1598), cấm ngặt Tân giáo, đàn áp các giáo sĩ Tân giáo, phá hủy các giáo đường Tân giáo khiến cho ba trăm ngàn tín đồ Tân giáo (huguenot) mà một số lớn là những nhà trí thức, những thợ giỏi, phải trốn qua Anh, Hòa Lan, nhất là Đức, giúp cho những nước này thịnh vượng lên, sau chống lại Pháp.

Pháp vì kì thị Tôn giáo để mất một số lớn nhân tài mà kinh tế suy vi, làm cho Đức mạnh lên; nhưng rồi chính Đức không học được bài học đó, dưới thời Hitler, lại kì thị chủng tộc, muốn tận diệt Do Thái, để mất những bậc óc thông minh nhất như Albert Einstein, Léo Slizard..., làm lợi cho Mĩ, và Mĩ nhờ những nhà này với Enrico Fermi mà chế tạo được bom nguyên tử, thành quốc gia hùng cường nhất thế giới. Nếu Hitler không bị lỗi lầm nặng đó thì chưa biết chừng đã có bom nguyên tử trước Mĩ mà cục diện thế giới đã thay đổi hẳn. (1)

Ở phương Đông chúng ta, không có những phong trào nhân tài di cư rầm rộ như ở phương Tây, nhưng trong sử cũng đã ghi chép rất nhiều vụ.

Chính Khổng Tử đã có lần chán ngán vì bốn ba mấy chục năm, tìm một ông vua biết dùng đạo của mình để cứu loạn cho thiên hạ, mà không gặp, muốn bỏ Hoa Hạ, qua ở các miền mọi rợ. Có người hỏi ông : «Những nơi đó quê mùa quá, ở sao cho nổi?» Ông đáp : «Người quân tử lại ở đó thì cải hóa phong tục đi, còn gì nữa mà quê mùa?» Nghĩa là ông muốn bỏ tổ quốc, đem bộ óc của ông giúp các nước

(1) Mao Trạch Đông học được bài học của Hitler, nên năm 1966, trong cuộc Cách mạng Văn hóa, cho bọn Vệ binh đỏ mật sát các nhà văn, cả những nhà đã có công với đảng như Quách Mạt Nhược, Lão Xá, Đinh Linh, Mao Thuần, nhưng tuyệt nhiên không được đụng tới các nhà bác học, để yên họ chế tạo bom nguyên tử và hỏa tiễn.

ngoài vì trong nước không ai biết dùng ông. Chuyện đó còn chép trong *Luận ngữ*, thiên *Tử hãn*. Nhưng may cho Trung Hoa, ông chỉ thoáng nghĩ vậy thôi, chứ không thực hành. Ông có đủ lương tri để hiểu rằng thời đó, có qua ở các miền bán khai kia thì vị tất đã làm được gì, thà cứ ở lại Hoa Hạ, dạy học, viết sách mà lại hơn.

Đời sau, Thương Ương bỏ Vệ mà qua Tần, làm cho Tần thịnh lên; Hàn Phi không được vua tồ quốc trọng dụng, cũng bỏ Hàn mà qua Tần, chẳng may bị bạn học là Lí Tư ghen tài, hãm hại, nếu không thì đã thành đệ nhất công thần của Tần Thủy Hoàng như Lí Tư rồi. Những trường hợp như vậy ở thời Chiến Quốc không sao kể cho hết được.

Thời Tam Quốc, Trung Hoa loạn lạc, có một số nhà Nho ở đất Ngô bỏ quê hương mà qua nước ta, tôi chưa tra cứu được phong trào đó ra sao. Nhưng chúng ta không ai mà không nhớ cuối thế kỷ XVII, một số nhà ái quốc Trung Hoa không chịu nhận chủ quyền của Mãn Thanh như Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu, bỏ tồ quốc dắt bộ hạ qua qui phục chúa Nguyễn, giúp chúa Nguyễn khai khẩn đất Đồng Nai, Mỹ Tho, Hà Tiên, riêng họ Mạc, tới đời thứ nhì là Mạc Thiên Tích còn làm cho Hà Tiên thành một nơi văn vật nữa, lưu lại cho ta mấy tập thơ mà cổ thi sĩ Đông Hồ đã đem ra giảng ở đại học Văn khoa Sài Gòn mấy năm trước khi mất.

Ở nước ta, thời Nam Bắc phân

phân tranh, Đào Duy Từ và Nguyễn Hữu Chỉnh không được trọng dụng ở Bắc, lên vô Nam, giúp chúa Nguyễn và nhà Tây Sơn, công lao rất lớn.

Và thời đại chúng ta, lại có cuộc phân chia Nam Bắc nữa, năm 1954 non một triệu đồng bào Bắc di cư vô Nam, giúp cho nhiều miền trong này mau được khai thác (như miền Cái Sắn), đặc biệt là làm cho văn học miền Nam (tiểu thuyết, báo chí...) có một sinh khí mới mẻ chưa từng thấy trước chiến tranh. Ngược lại những đồng bào ở Nam tập kết ra Bắc, chắc cũng đã ảnh hưởng một phần nào tới miền Bắc.

Vậy từ thượng cổ tới nay, ở đâu cũng có những bộ óc di cư, nhưng trước kia chỉ hạn chế trong một khu vực nào thôi, khu vực đó nhỏ thì là trong một nước, lớn thì trong đám ba nước ở gần nhau, rộng hơn nữa thì như từ Hi Lạp qua Ai Cập, từ Constantinople qua châu Âu. Mới trong khoảng hai chục năm nay, hiện tượng «các bộ óc di cư» thành một phong trào âm thầm l n khắp thế giới — ít nhất là trong thế giới tư bản. Đặc biệt nhất là phong trào đó theo một hướng nhất định: các bộ óc ở những nước nghèo, kém phát triển di cư qua các nước giàu hơn, phát triển mạnh hơn và các bộ óc ở những nước này lại di cư qua những nước giàu hơn nữa phát triển mạnh hơn nữa, mà nước mạnh nhất, giàu nhất dĩ nhiên là Mĩ, thành thử như có một dòng lưu chuyển: nước trong các vũng chảy ra sông con,

sông con đổ ra sông lớn, sông lớn rút ra biển. Vì vậy Dimitris N. Chorafas trong cuốn *The Knowledge revolution* (George Allen and Unwin Ltd-1968- Bản tiếng Pháp của nhà Arthème Fayard : *La fuite des cerveaux*, (1969) dùng tiếng *Brain drain* để chỉ phong trào đó, *brain* là óc ; *drain* là rút nước, tháo nước, các bộ óc ở các nước nghèo, kém phát triển, rút qua các nước giàu, như nước trong đồng rút ra sông. Và khi cánh đồng mà hết nước thì ruộng sẽ khô, lúa sẽ chết.

Tây Âu bị xuất não

Trước hết chúng ta hãy xét hiện tượng Mi «rút» óc của Tây Âu đã. Không một nước nào ở Tây Âu mà thoát khỏi : Na Uy, Thụy Sĩ, Pháp, Ý, Hòa Lan, Tây Đức..., nhưng chưa xót nhất là Anh.

Mới đầu thế kỉ, Anh còn là cường quốc số một trên thế giới, dân tộc Anh còn tự hào rằng mặt trời không bao giờ lặn trên lá cờ của họ, mà chỉ sau hai thế chiến, Anh bây giờ đã thụt xuống địa vị thứ tư, sau Mi, Nga, Trung Cộng, và chỉ vài chục năm nữa, sẽ còn tụt xuống địa vị thứ bảy, sau Nhật bản, Tây Đức, Gia Nã Đại, còn gì là cường quốc nữa. Đã vậy, chính phủ Anh lại thấy chính những tinh hoa, những bộ óc của dân tộc mỗi ngày mỗi kém tin tưởng ở quốc gia, bỏ quê hương mà qua bên kia Đại Tây dương, hưởng ứng tiếng gọi của các nhà kinh doanh Mi. Trên các nhật báo và các tạp chí chuyên

nghiệp của Anh, người ta thường đọc thấy những lời mời mọc của các xí nghiệp Mi như sau : «Phí tổn chỗ chuyên, hăng chịu hết... có đủ phương tiện học thêm, nghiên cứu thêm và ngành chuyên môn của chức vị... tăng lương, thăng chức mau» mà lương thì thường cao gấp hai lương ở Anh. Hấp dẫn như vậy người Anh làm sao còn «phót tỉnh» cho được!

Cho nên nội năm 1964, đã có tới 4.900 giáo sư, 4.400 nữ điều dưỡng, 4.200 kĩ sư, 1.200 y sĩ quốc tịch Anh — tức 40% những sinh viên mới ra trường — di cư qua Mi. (1)

Tai hại nhất là những nhà bác học đại tài cũng bị quyến rũ. Như nhà nghiên cứu về y khoa, Ian Bush, ba mươi tám tuổi, dấn theo cả một ekip nghiên cứu của ông để qua giúp việc cho Cơ quan nghiên cứu y học ở Worcester (Massachusetts). Các y sĩ Anh bỏ đi nhiều như vậy ở Mi các đại học y khoa không đào tạo đủ y sĩ : mỗi năm thiếu trung bình 5.500 y sĩ, phải tuyển thêm các y sĩ ngoại quốc và số này chiếm tới 28% tổng số y sĩ Mi, do đó Anh mất đi mỗi năm khoảng 25% các y sĩ chính Anh đào tạo.

Ở nước ta, mấy năm gần đây, Mi lập một kì thi cho các bác sĩ Việt Nam ai đậu thì được coi là bằng cấp tương đương với bằng cấp y sĩ ở Mi, và tôi nghe nói mỗi năm có mười bác sĩ dự thi. Ở Anh cũng vậy, tháng

(1) Theo Ronald Schiller trong một bài đăng trên *Sélection du Reader's Digest* năm 1967.

hín năm 1966, có khoảng 600 y sĩ ở Londres dự thi đề được phép hành nghề ở Mĩ. Bộ Y tế Anh bắt măn lăm, nhưng không có cách nào ngăn cản được. Theo Dimitris N. Chorafas trong cuốn *The knowlege revolution* thì từ 1961 tới 1966, Mĩ đã «rút» của Anh mất 23.000 kĩ thuật gia, tức khoảng 25% bộ óc do Anh đào tạo. Thực là cái cảnh «tò vò nuôi con nhện».

Tiến sĩ khoa học Anh D.E. Clark thấy rõ nguy cơ đó, năm 1967 bảo : «Nước Anh may lắm là sống sót được năm năm nữa trong các khu vực khoa học và kĩ thuật». Rồi ông buồn rầu nói thêm : «Tôi cũng muốn tiếp tục làm việc ở Anh lắm, nhưng coi cái tình hình trong nước tôi như vậy, thì ít năm nữa, chắc tôi phải di cư qua Mĩ thôi. Ngay các sinh viên của chúng tôi (của Anh) cũng tìm cách sau này sẽ bán dịch vụ của họ cho Mĩ. »

Về phần nước Ý, sự «đóng góp» cho Mĩ còn nặng hơn nữa. Ông Paolo Franzini, người Ý, giáo sư vật lí ở đại học Columbia (New York) bảo rằng 10% các giáo sư vật lí ở Mĩ là người Ý. Chỉ riêng năm 1966, Mĩ đã thu hút được 5.479 nhà tìm tòi và kĩ sư Ý, 5.164 giáo viên và giáo sư, 1623 nhân viên kế toán, 4.277 điều dưỡng viên, 2552 kĩ thuật gia, không kể hằng vạn thợ chuyên môn mọi ngành. Thật là thương vàng hạ cám, Mĩ vơ vét cho hết.

Tôi không có những chi tiết về mỗi nước khác ở Tây Âu, chỉ biết

rằng cũng theo Chorafas, từ 1961 đến 1966, trong khi Anh mất 23.000 kĩ thuật gia thì, thì Tây Đức mất 11.000.

Điều làm cho tôi ngạc nhiên nhất là ngay Nhật, một dân tộc có tinh thần quốc gia rất cao, kĩ thuật phát triển mạnh, nhất là kĩ thuật điện tử, vậy mà một nhà bác học nổi danh Nhật, tiến sĩ Leo Esaki, được khắp thế giới áp dụng những phát minh về điện tử, cũng đem tài năng để phụng sự một xí nghiệp Mĩ ! (1) Vậy thì còn có dân tộc nào trên thế giới chống cự nổi sức quyến rũ của đồng đô la ?

Tây Âu rút óc lại của các nước nhược tiểu

Các nước Tây Âu đó đào tạo không đủ nhà bác học, nhà kĩ thuật để dùng mà óc bị rút rĩa nhiều như vậy, tất nhiên phải quay về rút óc lại của các nước nhược tiểu, của thế giới thứ ba, tức các nước hồi trước người ta gọi là «kém phát triển» (sous—développés), ngày nay người ta nhĩ nhận hơn, gọi là «đương phát triển» (en voie de développement).

Về điểm này tôi tiếc không có thống kê, ông Chorafas chỉ cho chúng ta biết phỏng chừng rằng trong số 700.000 nhà khoa học làm việc ở Anh Mĩ, Gia nã Đại, Tây Đức, có từ 20.000 tới 35.000 người Ấn Độ, và cuối năm 1965, có 2.122 y sĩ tốt nghiệp các đại học Ấn Độ, hành nghề ở Anh.

(1) Theo Ronald Schiller—bài đã dẫn.

Ở Pháp, số y sĩ và giáo sư Togo làm việc còn nhiều hơn số y sĩ và giáo sư Pháp gọi qua Togo. Ở Tây Âu số bác học và kĩ sư Thổ Nhĩ Kỳ và Ả Rập qua làm việc còn nhiều hơn số bác học và kĩ sư ở lại trong xứ họ. Năm 1964, Mỹ cướp mất của Gia Nã Đại 920 kĩ sư, thì đền bù lại, Gia Nã Đại kêu gọi được 2000 kĩ sư ngoại quốc, một số lớn gốc Ý, Pha Nho và Argentine (Nam Mỹ). Riêng về Việt Nam chúng ta, ông Schiller năm 1967 viết : «Pháp dùng 3500 người Việt miền Nam có bằng cấp, mà quốc gia tội nghiệp của họ thiếu biết bao hạng chuyên môn đó».

Israël chỉ có vài ba triệu dân mà cũng mất từ 4.000 tới 5.000 kĩ thuật gia ở các đại học ra.

Tai hại nhất là những nước nhược tiểu mà ngoại ngữ là tiếng Anh. Nhân tài của họ dễ bị quyến rũ nhất vì dễ kiếm việc ở ngoại quốc nhất.

Vậy Mỹ rút óc của Tây Âu, Tây Âu rút óc lại của thế giới thứ ba, thì cũng tức như Mỹ gián tiếp rút óc của thế giới thứ ba. Tây Âu dĩ nhiên vẫn bị thiệt, chỉ được đền bù một phần nào thôi, vì số nhân tài họ mất phần lớn có giá trị hơn những nhân tài họ thu được của các nước nhược tiểu. Thiệt nhất là các nước này, chẳng có nước nào nhược tiểu hơn mình để mà bơm, mà rút, hầu bù lại được.

«Nước giàu nhất hể giới được các Nước nghèo giúp đỡ»

Nào nhải họ chỉ bị Mỹ gián tiếp rút óc mà thôi, còn bị trực tiếp rút nữa chứ, rút mạnh hơn các nước Tây Âu nhiều.

Theo Schiller trong bài đã dẫn, ở Mỹ, 80% các y sĩ ngoại quốc gốc gác ở các xứ đương phát triển : Ấn, Hồi, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Colombie, Pérou, Nam Hàn, vân vân..., còn 20% ở Tây Âu qua. Mà ai cũng biết rằng các nước đương phát triển đó thiếu rất nhiều y sĩ : có nước cứ 5.000 hay 10.000 người dân mới có một y sĩ, như Ấn, Hồi, Việt Nam. Năm 1963, ở Nam Hàn, trong nửa số các «district» (tôi không hiểu có tương đương với quận của mình không), không có được một y sĩ, mà Nam Hàn gọi qua Mỹ tới 207 y sĩ !

Bi đát nhất là tình trạng đó mỗi ngày một thêm nghiêm trọng. Mỗi năm Mỹ mở hai kì thi cho 18.000 y sĩ khắp các nước lấy một chứng chỉ được phép hành nghề ở Mỹ, và khoảng 7000 y sĩ thi đậu.

Theo ông Chorafas (sách đã dẫn) từ 1959 đến 1961, trên 43.000 nhà tìm tòi và kĩ sư di cư vào Mỹ mà đa số gốc ở các nước đương phát triển.

Muốn cho công bằng chúng ta phải nhận rằng Mỹ đã gọi chuyên viên đi khắp nơi, gắng sức bỏ ra những số tiền lớn lao để truyền bá giáo dục tại các nước đương phát triển, đào tạo nhiều chuyên viên cho họ. Tôi không biết rõ mỗi năm hiện nay nước ta có mấy trăm sinh viên du học và công chức tu nghiệp ở Mỹ.

Theo Schiller thì năm nào cũng có khoảng 100.000 sinh viên khắp các nước vô các trường đại học ở Mỹ để sau trở về phục vụ cho xứ sở. Dĩ nhiên như vậy cũng có lợi cho Mỹ, vì nước nào dùng kĩ thuật gia đào tạo ở Mỹ thì tất cũng dùng máy móc, sản phẩm của Mỹ, nhưng dù sao thì công việc cũng vẫn đáng khen.

Nhưng có điều mỉa mai là 90% sinh viên châu Á, 50% sinh viên Cận Đông, Hi Lạp và một số công sinh viên châu Phi, châu Mỹ la-tinh hễ đi rồi thì không trở về.

Đó là theo Schiller. Theo Pierre Rondière trong cuốn *Rendez-vous 1980* (Payot, Paris-1968) thì ở Mỹ có nhiều kĩ sư giỏi gốc ở Nam Hàn, Đài Loan, Ba Tư hơn là ở chính những nước đó, và chỉ có khoảng 150/0 các sinh viên hạng đó thành tài rồi, trở về phụng sự tổ quốc. Trong một cuộc điều tra mấy năm trước đây ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Hồi quốc người ta thấy 50% các nhà tìm tòi khoa học đào tạo ở ngoại quốc — phần lớn là ở Mỹ — không bao giờ trở về nước. Từ 1957 tới 1963, trong sáu năm, mà có tới 7.400 sinh viên Đài Loan (chúng ta nhớ dân số Đài Loan thấp hơn dân số miền Nam chúng ta) đi học ở ngoại quốc — cũng đa số ở Mỹ — mà chỉ có không đầy 500 sinh viên về nước; tỉ số chưa đầy 7 phần 100. Ở Nam Hàn, và Ba Tư, người ta làm thống kê trong mười năm, thấy có tới 85% sinh viên hễ đặt chân lên đất Mỹ rồi thì

không nhớ gì tới tổ quốc nữa. Còn ở nước ta ra sao? Tôi thú thực không sao biết được. Bộ Quốc Gia Giáo Dục có làm thống kê không? Hay là làm mà không công bố? Tôi hỏi một nhân viên quan trọng trong chính quyền, ông cũng không biết đích xác, chỉ lắc đầu thờ dãi: «May lắm là được một phần trăm sinh viên hồi hương».

Chính một Thượng nghị sĩ Mỹ, ông W.F. Mondale đã bảo rằng các «nước giàu nhất thế giới được các nước nghèo giúp đỡ.»

Vậy thì ra Mỹ cho tay này mà lấy lại bằng tay kia sao? Tôi không nghĩ rằng chính quyền Mỹ lại tính toán lợi hại như vậy khi đào tạo kĩ thuật gia cho thế giới, nhưng sự thực rành rành ra đây.

Lại còn những đạo luật nhập cảnh của Mỹ nữa cũng đáng cho chúng ta suy nghĩ. Trước kia, Mỹ định một tỉ số nhập cảnh cho mỗi ngoại quốc; năm 1965, Mỹ bỏ lệ đó đi, và cho các nhà chuyên môn ngoại quốc, bất kì quốc tịch nào, được ưu tiên vô Mỹ. Điều đó đáng khen: không còn kì thị màu da và chủng tộc nữa. Nhưng chính năm đó, số nhà chuyên môn Ấn vô Mỹ vọt lên kinh khủng: từ 54 lên 1750, trên 30 lần! số nhà chuyên môn Nam Hàn tăng lên ít hơn, từ 51 lên đến 400, chỉ gấp tám thôi, nhưng ta nên nhớ Nam Hàn chỉ có 30 triệu dân còn Ấn có tới 500 triệu!

Các người ngoại quốc có một bằng cấp y sĩ, kĩ sư, toán học, vật lí học,

hoặc hóa học thì hễ làm đơn xin là được nhập cảnh, chẳng cần phải trình giấy tuyên dụng của một xí nghiệp hoặc một trường học Mĩ.

Và từ tháng 7 năm 1968, các nhà trí thức ngoại quốc đó được ưu tiên vào Mĩ, trên cả những con cái có gia đình rồi của một công dân Mĩ nữa ! Như vậy nghĩa là Mĩ chẳng cần biết những người xin nhập cảnh có liên lạc xa gần gì với Mĩ không, chỉ cần biết họ có giúp cho Mĩ nhiều không. Đúng là tinh thần «pragmatique» (thực tế) của Willam James.

Chúng ta không có lí do gì để trách họ được. Họ sẽ đáp: Các người có nhân tài thì các người phải giữ chứ. Chính Mc. Namara đã bảo: «Bộ óc cũng như trái tim, hễ ở đâu được quý trọng thì hướng về đó».

Chỉ tội nghiệp cho các nước nghèo !

Rút óc ngấm

Nhưng chưa hết. Hiện tượng rút óc, ngoài hai hình thức gián tiếp và trực tiếp kể trên, còn một hình thức ngấm nữa.

Hiện nay ở Tây Âu, chắc có tới 50% các kĩ nghệ tối tân thuộc về Mĩ. Một số kinh tế gia Mĩ đã tính phỏng rằng trong mười năm nữa, 75% những kĩ nghệ đó sẽ thuộc về Mĩ, và chín phần mười tiền lời của những kĩ nghệ đó sẽ vào tay người Mĩ. Ngay bây giờ đây, mà các hãng Mĩ đã kiểm soát được 90% kĩ nghệ điện tử của Tây Đức và của Pháp. Ở Anh, ngành sản xuất các máy đánh chữ, gần như 100 phần 100 nằm trong tay người Mĩ.

Ở Tây Âu mà còn vậy, huống hồ các nước khác. Có thể nói rằng Mĩ kiểm soát 90 phần 100 các kĩ nghệ châu Mĩ La tinh. Ở nước ta, chính quyền mới khuyến khích người Mĩ đầu tư trong việc kiến thiết Việt Nam. Hết chiến tranh, chắc chắn là mọi kĩ nghệ hơi lớn một chút sẽ bị Mĩ kiểm soát hết. Nếu nước mình có mỏ dầu lửa — thì còn có nước nào vào đây tranh được với Mĩ ?

Mà bất kì ở đâu : Anh, Pháp, Đức Ý Thụy Điển, Thụy sĩ vân vân... hễ có các công ty Mĩ là có các kĩ thuật gia, kĩ sư, bác học, thợ chuyên môn bản xứ làm việc cho họ. Vậy các bộ óc bản xứ, bề ngoài là làm việc trong nước mình, cho sự phát triển của nước mình mà sự thực là phục vụ cho Mĩ ; vì vậy mà gọi là bị Mĩ rút óc «ngấm».

Còn một hình thức rút ngấm nữa, là các nhà bác học các nước khác tuy không làm việc cho Mĩ, mà bán bằng phát minh cho Mĩ. Cái hại cho xứ sở cũng đáng kể lắm, và sẽ chỉ mỗi ngày mỗi tăng chứ không thể giảm được vì chỉ các xí nghiệp Mĩ mới đủ tiền trả giá cao và đem thực hiện liền được.

Hình thức rút óc ngấm thật nguy hiểm : trước hết có người cho rằng nó quan trọng gấp hai lần rủi sự rút óc hiển hiện, lại thêm người nào làm cho một công ti Mĩ tất nhiên phải trung thành với Mĩ, coi quyền lợi của Mĩ là quyền lợi của mình, nếu không thì Mĩ đại gì mà dùng ; nhưng đã trung thành với Mĩ thì còn làm sao trung thành với tổ quốc mình được nữa ? Vấn đề thật là nan giải.

(con tiếp)

NGUYỄN HIỂN LÊ

Kỳ tới : Cái hại của sự xuất nào

Ngày Xuân nói chuyện áo quần

Mùa thu năm Hợi, cuộc cách mạng kinh tế bùng nổ ồn ào quá, làm lu mờ hai cuộc cách mạng khác: cuộc cách mạng quần xuất hiện trước đó ít lâu, và cuộc cách mạng áo xuất hiện sau đó ít lâu. Áo và quần nói đây là của đàn bà con gái Việt nam.

Trước, hãy nói qua chuyện quần. Kể từ khi đàn bà con gái xứ ta vâng lời vua tụt váy ra để mặc quần vào, thì họ vẫn giữ gần như nguyên vẹn chiếc quần ấy cho đến nay, qua nhiều thế kỷ.

Màu sắc, bất quá chỉ là đen với trắng. Kích thước, khi dài khi ngắn khi rộng khi hẹp, quanh đi quẩn lại cũng không cách xa nhau là bao. Những dẫn vật bắn khoắn táo bạo nhất có lẽ đều dồn vào chỗ thắt lưng: khi lưng vặn, khi thì lưng buộc với giải rút, có thời dùng dây cao-su, có thời khác lại cài nút v.v... Dù sao, những cái biến ấy đều ở trong vòng che đậy kín đáo. Và thực ra đều nhỏ nhặt.

Thế rồi, đột nhiên, giữa năm 1971, chiếc quần cò truyền bị thay bằng chiếc quần pat Tây phương phụ nữ Việt nam mặc quần pat với áo dài!

Đây không phải là chuyện ảnh hưởng, chuyện cải cách v.v... Đây là một sự thay thế, một vụ truất phế ngang xương.

Dẫu sao, không nên trách đàn bà con gái nước mình. Dân tộc ta tiếp xúc với Tây phương từ những thế kỷ thứ 16, 17; văn hóa Tây phương

đã xâm nhập ồ ạt vào biết bao lãnh vực trong cuộc sinh hoạt vật chất và tinh thần của ta. Thế mà văn hóa Tây phương phải chờ đến hơn ba trăm năm mới xông vào hạ nổi chiếc quần đàn bà: đâu phải phụ nữ Việt-nam không bền lòng kiên trinh?

oOo

Tuy nhiên, lần này cốt yếu là nhằm nói về cái áo. Và đây mới càng là một sự kỳ lạ. Người phụ nữ Việt-nam đã giữ riết lấy tấm áo của họ dai dẳng một cách khác thường.

Theo lẽ thường, đàn ông không hay đua đòi theo thời trang bằng đàn bà: áo vét, cà-vạt v.v.. đòi một chặm hơn váy, khăn quàng, vòng cổ, xuyến tay v.v.. Thế nhưng hiện nay trừ các cụ già, các nhà tu hành, thì hầu hết đàn ông Việt-nam tại các thôn ấp xa xôi đều mặc âu phục, trong khi ấy thì đa số phụ nữ, cho đến các cô ở những đô thị lớn nhất cũng vẫn trung thành với chiếc áo dài.

Hơn nữa, người đàn bà Việt nam không phải chỉ ăn đứt có người đàn ông Việt nam về đức trung thành. Kiêu hãnh về nền văn hóa lâu đời như Trung hoa mà ngày nay trong đồng phục của nữ sinh trung tiểu học: họ cũng đành chấp nhận kiêu Tây phương, trong khi đồng phục nữ sinh chúng ta vẫn là áo dài, Nổi tiếng lưng lẩy như chiếc kimono

mà ngày nay trên các đường phố khắp đất Nhật thứ trang phục cổ truyền cầu kỳ ấy mỗi ngày mỗi hiếm, trong khi áo dài Việt-nam luôn luôn đại thắng y phục Tây phương trên khắp các nẻo đường đất nước.

Chúng ta không vội mong khám phá ra cái bí ẩn đã khiến cho người phụ nữ Việt nam dấn lòng trước cám dỗ, nhất mực chống lại tính ham thích thời trang, khiến họ thiết tha với chiếc áo cổ truyền đến thế.

Chỉ nhận thấy giữa họ và cái áo mà họ thiết tha hình như quả thực có những chỗ hợp nhau.

oOo

Trước hết, vóc dáng ấy và trang phục ấy hợp nhau.

Bảo rằng quần áo cũng đòi hỏi một vóc người, như thế không phải là nói quá. Thịnh thoảng vẫn thấy những phụ nữ Âu Mỹ mặc áo dài Việt nam. Đó hoặc là những bà lấy chồng Việt và muốn tỏ thiện chí đồng hóa với người Việt, hoặc là những du khách thành thực tán thưởng một kiểu y-phục địa phương v.v. Nhưng trông họ, người ta thấy rõ người ra dáng người áo ra dáng áo. Thân hình của họ, dáng đi của họ toa rập nhau giễu cợt chiếc áo dài của ta. Giữa đôi bên không có thỏa hiệp, chỉ có sự gán ghép miễn cưỡng trông thấy.

Thân hình họ vạm vỡ quá, lực lưỡng quá. Tà áo thướt tha thích chọn một hình vóc mảnh mai hơn. "Tân phi Việt sấu", nét gầy của ta đã

đi vào tục ngữ Trung-hoa. Nét ấy tương phản quá xa với vóc người Âu Mỹ.

Dáng đi của họ lại mạnh bạo quá, gấp gáp quá. Ở một người cao lớn bước đi như thế, những tà áo dài sẽ nhảy lưng tung vội vã một cách thảm hại. Đề có thể phe phẩy nhẹ nhàng, nó thích chọn một dáng đi uyển chuyển hơn.

Có lẽ cũng vì những lý do về vóc dáng ấy mà cho đến nay chiếc áo dài chưa chấp nhận được mọi sắc dân trên đất nước Việt nam. Gái gốc Chăm, gốc Miên gần đây đã mặc áo dài, nhưng thật hiếm thấy những cô gái Rhadé, Jarai, Sédang v.v. mặc áo dài.

Sự ngần ngại của gái Cao nguyên có lý, không phải họ không ham "văn minh": đàn bà Thượng vui lòng mặc sơ-mi, áo thun, mặc xu-chiêng, mặc đồ đầm nữa, nữ sinh Thượng cũng nhiều em mặc jupe lắm... Nhưng đối với chiếc áo dài thì những bờ vai quá khoẻ, thì dáng đi nhô mông và lụp chụp của người leo núi v.v., những cái ấy chưa thích hợp. Áo dài dân tộc còn phải chờ đợi một thời gian nữa, để hoàn cảnh sinh sống cảnh cải kịp trao cho vóc dáng bạn gái Cao nguyên những nét thanh tú hơn.

oOo

Ngoài chuyện vóc dáng, tướng cũng có thể nói đến chút liên quan giữa trang phục và tâm hồn con người.

Và bảo rằng áo quần cũng đòi hỏi một tâm hồn xứng hợp, lại vẫn chưa hẳn là nói quá đâu.

— Thế «tâm hồn mặc áo dài» là cái thứ tâm hồn ra làm sao?

— Đặt vấn đề để bắt bí nhau như thế có ác đấy nhé. May mà có ông Pazzi đến tiếp tay chúng ta. Ông nhận thấy mặc dù ở xứ lạnh lẽo, đàn bà Tây phương và Trung Hoa có những kiểu áo hở hang hơn đàn bà Việt nam nhiều. Về sự hở hang ta đành không dám sánh với Tây phương, riêng các bạn láng giềng Trung hoa, họ cũng mặc thứ áo dài để lộ cánh tay trần đến tận nách và để hở cả chân đến tận đùi!

Nách và đùi không là chuyện tâm hồn? Xin đừng khắt khe: Chính nó đấy, chính là tâm hồn đấy mà. Ít ra đó là những món có liên quan đến việc tìm hiểu tâm hồn một dân tộc.

Tây phương chấp nhận những món đó trong hội họa, Trung hoa chấp nhận những món đó trong tác phẩm văn chương, trong lối trang phục v.v... trong khi chúng ta nhất định từ chối: Ông Pazzi đã nói đến tinh thần thiết thực và một ý thức luân lý rất cao nơi người Việt nam. Chuyện dính dáng tùm lum đến nào là văn học nghệ thuật, nào là luân thường đạo lý như thế, sao lại không soi sáng được một khía cạnh nào đó của tâm hồn dân tộc?

Ở Đông-phương có một kiểu nữ phục danh tiếng nữa, là chiếc kimono của Nhật. Trông một người đàn

bà mặc kimono, thật là cả một công trình. Công trình xếp đặt kỹ quá, khéo quá, che lấy hẳn thân người, rốt cuộc không còn đâu là thân người nữa. Đường nét tự nhiên bị xóa mất cả. Thân người chỉ còn như là cái có cho sự xây dựng một công trình mỹ thuật.

Cải biến tự nhiên là dấu hiệu của văn minh. Ăn sống với ăn chín (le cru et le cuit) là một cách biệt về văn hóa. So sánh thức ăn có nhiều gia vị cầu kỳ của người Tàu với những món Tây phương nấu nướng không làm mất cái vị tự nhiên của thức ăn, Lâm-Ngữ Đường dường như đã lấy làm hãnh diện về cái lưới của đồng bào ông, cái lưới đã tiến đến mức tinh tế không chịu được sự tiếp xúc thô sàng với thức ăn còn gần tình trạng tự nhiên, không chịu được cái xúc động quá mạnh mẽ do thức ăn còn giữ nguyên vị gây nên. Như thế lại cao hơn trình độ ăn chín thêm một bậc nữa. Lại càng xa thiên nhiên, càng cao thêm trên bậc thang văn hóa.

Một người đẹp trong áo kimono, thật không còn cái đẹp nào xa tự nhiên hơn, nhiều tính cách nhân vi hơn. Mà thật ra, người Nhật có bằng lòng với cái đẹp nào không do công phu xếp đặt? Uống trà thì có đạo có luật, cắm hoa thì có phép có thuật, cho đến việc tự sát cũng có nghi thức cẩn thận! Có lẽ trong xã hội ấy từng nụ cười, từng câu chào hỏi nhau, từng bước đi lối đứng điệu ngồi v.v... trong cuộc sống thường nhật, mỗi mỗi đều có công thức, ước lệ qui định sẵn.

Ở một xã hội như thế, thậm chí người người ăn nói với nhau hàng ngày cũng không dùng thứ ngôn ngữ hồn nhiên. Người Nhật nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ trịnh trọng, kiểu cá h, chứa đựng rất nhiều tiếng kính ngữ. Cả đến vợ chồng, con cái, anh em trò chuyện với nhau cũng đều dùng kính ngữ. Thượng tọa Thích Thiện Ân có lần cho rằng lắm khi một người đàn bà Nhật dạy về con cái trong nhà mà người cách tường cứ tưởng lầm như bà ta tiếp khách lạ mới đến.

Trong Thập thất điều Hiến pháp, bản hiến pháp đầu tiên của Nhật kể từ ngày lập quốc, công bố dưới thời Thánh Đức thái tử đã có ghi : « Thần dân bách tính phải lấy lễ làm gốc. »

Một cuộc sống « lấy lễ làm gốc » từ ngoài nhìn vào không khỏi thấy toàn những điều bộ, nghi thức, đẹp đẽ mà giả tạo. Nhưng cũng có lẽ từ trong xã hội ấy nhìn ra các lối sống khác, người Nhật biết đâu không cho cái hồn nhiên giản dị là sở sảng là kém văn minh, là chưa khai hóa ?

Cuộc sống « lấy lễ làm gốc » khiến ai nấy ra sức chế ngự bản năng, giấu nhẹm tình cảm. Tác phẩm nghệ thuật của Nhật thường thường cô đọng, kín đáo. Từ sau giải Nobel 1968, chúng ta có nhiều cố gắng để làm quen với văn nghệ Nhật bản. Nhưng nhiều truyện của những Kawabata, Mishima v.v.. không khỏi làm bối ngỡ chúng ta vì một vẻ

lững lờ, như không nói hết lời, có khi tưởng không định nói gì.

Đọc cuốn Banka của Yassuko Harada chẳng hạn, chúng ta ngạc nhiên trước cái bình tĩnh, cái đức tự chủ, cái kín nhẹm của tác giả. một thiếu nữ chưa đầy hai mươi tuổi. Tác giả và gần hết mọi nhân vật đều thế cả. Vợ chồng Katsuragui, anh Mikio Hisada, anh Tatsumi Kossé v.v..., bấy nhiêu nhân vật nam nữ họ đều có thái độ nhã nhặn, khả ái, đều có những cử chỉ lời lẽ lịch sự, dịu dàng với nhau. Nhưng những bề ngoài ấy che đậy cái gì bên trong thì có trời biết được. Người Nhật cũng có nhiều bản năng, tình cảm mãnh liệt như ai, nếu không phải là hơn ai. Nhưng giáo dục, văn hóa, nhưng cuộc sống « lấy lễ làm gốc » đã đè nén tất cả, đã cải biến tất cả thành một nụ cười, hòa nhã mà bí ẩn thăm thẳm. Chính bởi vậy cho nên người nào người ấy trong cuốn truyện nọ đều có những phản ứng bất ngờ, dữ dội, họ yêu dữ tợn, họ chết dữ dằn. Ai nấy như tuồng bình thản mà khốc liệt. Bởi vì thực ra cái bộ mặt bình thản dịu dàng trong cuộc sống ấy đã đạt được bằng một ý chí khốc liệt.

(Trong một cuộc sống « lấy lễ làm gốc » như thế, cô Reiko là một quái tượng. Cô bé đó không có giáo dục : mẹ chết, cha lêu lồng, và lại cô ta là cái « tuổi trẻ hôm nay » của Tây phương sống sượng thả vào cái xã hội kín đáo nhất của Đông phương kín đáo. Cô là sự bông bột, lắc cắc,

nhằng nháo. Cô ta là thiên nhiên hoang dại. Đưa vào đề làm nổi bật những đặc tính của văn hóa cổ truyền Nhật. Đưa vào đề cái sống làm nổi bật cái chín, cái quá chín.

Trong nền văn hóa của cái quá chín ấy, cảm hứng thi ca là cái bông lông vẫn phải khẹp mình vào thứ kỷ luật khắp khe nhất, vào hình thức cô đọng nhất, một bài đơn ca (tanka) 31 chữ phải ngắt làm từng câu 5-7-5-7-7 chữ, một bài hài cú (haikai) 17 chữ lại phải chia làm 5-7-5 chữ : sao mà gò bó quá vậy !

Trong khi ấy, lục bát của ta co dần từ những bài hai câu cho đến những bài mấy vạn câu, gieo vần ở chữ thứ sáu tốt nhất, mà ở chữ thứ tư cũng xong. Ngắt nhịp có trăm nghìn cách khác nhau. luật bình trắc cũng có thể linh động... Mọi chuyện đều đại khái, dễ dãi. Cái xuề xòa này trái nghịch hẳn với những hình thức nghiêm khắc kia. Từ những cố gắng phi phạm đầy điệu bộ kia trở về với cái giản dị tự nhiên của dân tộc, chúng ta thở phào, nhẹ nhõm, thoải mái.

Cũng có thể nói đến một cảm tưởng tương tự khi đối chiếu chiếc kimono Nhật với chiếc áo dài Việt-nam.

Và khi chiếc áo dài đã tự liên hệ được như thế với thi ca, ngôn ngữ, với tiêu thuyết, nếp sống v.v...thì chắc chắn nó cũng phản ánh phần nào một nét tâm hồn dân tộc.

oOo

Dù có chỗ hợp với vóc dáng và tâm hồn người Việt, đó cũng không phải là một bảo đảm cho sự bất diệt của áo dài.

Nếu muốn, ai bảo chúng ta không thể nghĩ ra những kiểu y phục khác, cũng hợp với vóc dáng với sở thích của chúng ta như vậy, mà lại còn hợp với các nhu cầu của cuộc sống trong thời đại mới hơn ? Người Nhật không phải đang loại bỏ dần dần một số y trang rất tiêu biểu cho tâm hồn họ đó sao ? Vậy sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu trong tương lai có ngày áo dài bị đào thải.

Tuy nhiên, những "biến cố" xảy đến cho áo dài những ngày gần đây vẫn có tính cách khác thường.

Đã lâu lắm, áo dài không phải chịu những biến cải quá lớn. Sự can thiệp của họa sĩ Cát Tường hơn ba mươi năm trước, của bà Nhu vào mười năm trước, cùng cái vai raglan từ vài năm nay, đều không có gì quan trọng. Trong khi áo kimono tàn lụi mà chiếc áo dài vẫn còn đó gần nguyên vẹn, như thể chúng tỏ nữ phục ta có nhiều tính cách dễ thích ứng với khung cảnh sinh hoạt mới hơn, ít ra là cho đến lúc này. Do cái đơn giản, tự nhiên của nó.

Thế rồi, đột nhiên, gần đây hàng loạt kiểu mới được tung ra : áo dài cổ sơ-mi, áo dài xẻ vạt trước, vạt sau, áo dài cài nút giữa ngực, áo dài với cái đai trước bụng, áo dài sát nách, áo dài trên đầu gối, áo dài hở

lưng v. v... Trong một đêm Giáng sinh 1971, nếu chịu khó đi lòng cho khắp các đám đông, có lẽ còn bắt gặp được nhiều kiểu khác nữa.

Đã xong chưa đây? Nào ai biết được. Một khi người ta đã mở được lưng ra có gì đoán chắc là sẽ không có vụ hở ngực, hở rốn? Một khi đã chuyển được hàng nút bên hông ra trước ngực được, ai bảo không thể xảy ra vụ cài nút sau lưng? Ai mà biết được giới hạn của những sáng kiến ấy?

Người ta tự hỏi: Có chuyện gì vậy? Nguyên nhân nào xui khiến những biến cải táo bạo, cực đoan, triệt để và dồn dập như vậy?

Đó có lẽ không hẳn là vì lý do thẩm mỹ, bởi có được bao nhiêu kiểu mới trông đẹp mắt? Cũng không hẳn là vì lý do nhu cầu của cuộc sống mới, bởi có những kiểu mới còn rườm rà lướt thướt hơn kiểu cũ.

Vả lại, người ta sẽ dễ dàng tin ở những lý do thiết thực nếu các biến cải được tiến hành thận trọng hơn, phải chăng, từ tốn hơn. Đáng này, nó xảy đến ào ạt như những trận tấn công tới tấp. Nó xảy ra không giống như một sự cải cách, mà là một phản ứng hùng hồ của... cách mạng.

Chiếc áo dài của đàn bà con gái không phải đang được sửa đổi để cho thích hợp với cái gì hết. Nó không được sửa đổi, nó dường như bị chọc ghẹo, gậy gẽ, bị phá phách

toại bời...

Người ta nghĩ đến các cuộc nổi dậy của thanh niên những năm vừa qua trong cái phong trào cách mạng văn hóa ở Âu Mỹ, đến những khẩu hiệu ngang ngược, tục tằn, đến những lời phỉ báng của họ đối với các giá trị tinh thần cũ.

Nói thế có vẻ là làm to chuyện quá. Nhưng sau những đạo đức, tín ngưỡng, những tổ chức học đường, những tập quán, thành kiến xã hội v. v..., rất có thể ở ta chiếc áo dài truyền thống, đến lượt nó, nó cũng đang làm một mục tiêu tấn công của tuổi trẻ hôm nay. Mục tiêu vô nghĩa, so với những đối tượng cách mạng khác.

Tuy nhiên, cần gì cái nghĩa? chỉ cần làm một cái có để tuổi trẻ trút đồ sự chán ghét của mình đối với những khuôn mẫu cũ kỹ, thí nghiệm sức phá phách của mình, biểu diễn sự ngồ ngáo của mình.

Phá chơi vậy thôi. Chuyện trong chốc lát. Hẳn là các cô không có ý cố thủ duy trì lâu dài những cái đai ngang bụng, những hàng nút giữa ngực áo dài. Chẳng qua là một hành vi vô có (acte gratuit) để chứng tỏ sự tự do.

Mục tiêu vô nghĩa của một hành vi vô có, chiếc áo dài vô tội có lẽ không đến nỗi lâm nguy thật sự. Rồi các xáo trộn qua đi, nó lại có hy vọng thoát hiểm, ít ra là lần này, để tồn tại.

1 - 1972.

VÕ PHIẾN

Phụ nữ Việt-nam trong cộng đồng dân-tộc

Cơn gió lạ

Thế rồi cuộc cách mạng Tân Hợi cùng ảnh hưởng của Tây phương ở đầu thế kỷ XX đã thổi vào Việt Nam một luồng gió mới. Những tư tưởng phóng khoáng và nhân bản của Montesquieu, Rousseau, Diderot, Gibbon, Herder... được thay thế dần cho tư tưởng Khổng Mạnh. Lớp thanh niên Tây học ngày càng nhiều. Đồng thời với sự thay đổi cái nhìn về cá nhân, gia đình, tổ quốc và thế giới, họ cũng có một cái nhìn mới hẳn về ái tình và hôn nhân: Tình yêu bây giờ chính là trọng tâm của hôn nhân. Người vợ được cưới về không phải chỉ để sinh con đẻ cái và gánh vác giang sơn nhà chồng. Người vợ cần được quan niệm như một người có sức hấp dẫn, từng làm xao xuyến con tim của họ và sẽ cùng nhau xây dựng hạnh phúc riêng tư.

Khi đàn ông quan niệm ái tình và hôn nhân như thế thì cái đối tượng trực tiếp của họ là đàn bà dĩ nhiên cũng không thể bất động. Thế là phụ nữ Việt Nam bắt đầu đặt mình trong một cuộc thay đổi quan trọng. Nói rằng đây là một cuộc giải phóng phụ nữ cũng được.

Cuộc cách mạng này được thúc đẩy bởi nhiều động lực khác nhau. Nhưng có hai động lực nòng cốt. Đó là sự cổ vũ của phía đàn ông theo Tây học và sự dẫn thân của lớp phụ nữ được hấp thụ nền giáo dục mới.

Riêng phía thanh niên, dù được giáo dục ở ngoại quốc hay ở trong nước (1) họ cũng đã bị ảnh hưởng sâu đậm bởi thứ cá nhân chủ nghĩa tràn ngập trong thơ văn nước Pháp thế kỷ XVIII và XIX. Những Chateaubriand, Lamartine, Hugo, Musset, Vigay... chắc chắn đã gieo vào tâm tư họ thật nhiều lãng mạn, mơ mộng và phóng túng. Với tâm hồn như thế, họ cảm thấy vừa bức bối tù túng trong khuôn khổ gia đình cũ, vừa cô đơn buồn tẻ vì thiếu người đồng điệu. Do đó họ phản ứng lại bằng cách, một mặt phê bình, chống đối đời sống cổ hủ, một mặt kêu gọi khuyến khích các bạn gái thoát ly gia đình. Họ diễn thuyết làm báo, viết sách... để công kích nền luân lý cũ. Nhiều nhà văn thuộc các nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Tân Dân, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiểu Thuyết Thứ Bảy... tung ra các tiểu thuyết, trong đó phơi bày tất cả những bức bách bi thảm và tối tăm của đời sống cũ; đồng thời phác họa ra những viễn tượng thật tươi sáng và tốt đẹp của đời sống mới.

Độc mỗi tình của chàng sinh viên Ngọc với cô tiểu Lan giả trai trong «Hồn bướm mơ tiên» hay chuyện tình

(1) Ngày 21-12-1917, Toàn Quyền Đông Dương chính thức ra một nghị định tổ chức lại nền giáo dục ở Việt Nam.

của Hiền và Vội trong « *Trống mái* » của Khái Hưng chúng ta thấy ái tình đã tỏa ra một hương vị thật mới mẻ. Ngọc đã biết tôn thờ một thứ « ái tình lý tưởng ». Còn cô Hiền thì biết ưa thích thể thao và ngưỡng mộ cái đẹp của một thân thể cường tráng. Hình ảnh của một « người vợ máy dệt và tôi đòi » cùng cái hình ảnh lý tưởng của đức ông chồng khăn đóng áo dài, thư sinh thướt tha, móng tay công vút nhỏ nhả hình như không còn được ưa chuộng.

Tuy nhiên trước thành trì kiên cố của chế độ gia đình cũ, những làn sóng văn minh mới không dễ gì phá vỡ trong phút chốc. Người ta thấy bày ra cái cảnh xung đột không kém phần bi thảm giữa mới và cũ. Một bên thì cha mẹ cố cấm cản, trì kéo con cái để khỏi bị « hư hỏng ». Một bên các cô các cậu náo nức, khát khao « theo mới ». Bà Án với Mai và Lộc trong truyện « *Nửa chừng xuân* », ông Tuần với Loan và Dũng trong « *Đoạn tuyệt* », ông Phủ với Nga và Chi trong « *Lá ngọc cành vàng* » v. v... đều là những kiểu mẫu điển hình cho sự xung đột giữa mới và cũ lúc bấy giờ.

Đó là sự khởi xướng và hỗ trợ phong trào giải phóng phụ nữ về phía đàn ông. Còn về phía phụ nữ ta thấy gì?

Trước hết, phải nói rằng các cô gái có học và các nữ sinh ở thành thị chính là những người đầu tiên có công trong việc cải cách đời sống phụ nữ. Họ được hấp thụ những tư tưởng mới đầy tính cách phóng khoáng, tự do, nhân bản và

bình đẳng... Họ được bước ra khỏi nhà nhiều hơn, có dịp tiếp xúc với bạn trai nhiều hơn. Họ lại được khuyến khích và tán trợ để bước vào một nếp sống gia đình mới thoải mái hơn, lãng mạn hơn và cũng hứa hẹn nhiều hạnh phúc hơn. Bởi vậy họ là lớp bạn gái đầu tiên dám dẫn thân vào một đời sống mới. Họ chính là cô Loan, cô Tuyết, cô Chi... trong tiểu thuyết thời đó.

Thứ đến ta phải kể các cô gái tỉnh thành. Họ là hạng người ít học nhưng lại chịu ảnh hưởng của các tiểu thuyết diễm tình và ham đua văn minh. Cái văn minh với « áo lơ muya », giày cao gót, nước hoa, son phấn có sức hấp dẫn họ hơn là dép cong, nón quai thao, khăn mỏ quạ. Thế rồi cái phong trào « gái tân thời » từ đám phụ nữ có học lan dần qua lớp « gái tỉnh » rồi đến cả « gái quê » ở ngoại ô và các quận lỵ.

Song song với sự cổ vũ của thanh niên và sự hưởng ứng của lớp phụ nữ mới, những trò giải trí lúc bấy giờ cũng đã kích thích rất nhiều cho sự « theo mới ». Nào là màn ảnh với những pha tình ái lãng mạn, mùi mẫn. Nào là những bài ca tình tứ nồng nàn. Nào là chợ phiên, ở đó trai gái tha hồ khoe đẹp khoe tươi, nhõn nhõn vui lượn. Nào là những dịp khiêu vũ trai gái kề cận... Cả cái bầu không khí đó như hâm nóng cái xã hội Việt Nam vốn trầm lặng và yên tĩnh.

Trải qua bao năm bị thua thiệt và bị áp chế đủ điều nay giới phụ nữ mới có dịp được giải phóng. Họ theo mới càng ngày càng nhiều. Nhưng vì hoặc

chưa có một quan niệm vững vàng về nếp sống mới, hoặc chưa đủ khả năng tự lập, chưa đủ bản lĩnh để chống lại sự cám dỗ của đàn ông. Cho nên nhiều cô đã bị vấp ngã bi thảm. Người thì « vỡ mộng », người thì « thất vọng », người thì tự vẫn. Có người lại buông thả trong kiếp bán phần buồn hương. Bởi vậy mà tờ báo Loa thuở ấy đã mô tả lớp gái tân-thời như sau :

*Thìa la thìa lầy
Con gái bảy nghề
Đang-xê là một
Theo một là hai
Bạc bài là ba
Đàn ca là bốn
Trốn nhà là năm
Nằm « sấm » là sáu
Tí nhau là bảy*

Bảo rằng gái tân thời toàn là hạng chỉ biết nhảy nhót, cờ bạc, xướng ca trốn nhà theo trai, chữa hoang, tự tử... là điều quá đáng. Thực ra bên cạnh hạng gái hư hỏng truy lạc, ta cũng gặp được nhiều cô gái tân tiến tìm được hạnh phúc trong nếp sống mới. Chính lớp phụ nữ này đã giúp cho người đương thời có quan niệm tốt đẹp về công cuộc giải phóng phụ nữ và khiến cho lớp trẻ đến sau có đủ tin tưởng để thay đổi nếp sống của mình.

Nghịch cảnh cuộc giải phóng phụ nữ thuở ấy quả là điều không thể tránh được. Sự thất bại nhiều hơn là thành công trong buổi đầu của phụ nữ ít ra cũng mở màn cho một thay đổi vô cùng quan trọng. Và cơn khủng hoảng trải

qua buổi đầu cũng chính là giai đoạn thiết yếu để đưa đến một nếp sống quân bình hơn. Dần dà giới phụ nữ tỏ ra tự chủ, vững vàng, tự lập và hạnh phúc hơn trong cái tiểu gia đình gồm chồng và con cái của họ.

Tình trạng đó được cải thiện mỗi ngày một khá hơn cho đến thời Đại chiến Thế giới lần thứ II thì phong trào giải phóng phụ nữ hầu như bị chìm đi. Giặc già cùng những cảnh tang tóc, kinh hãi, đói kém hằng ngày khiến cho người ta phải nghĩ đến cảnh trước mắt hơn là những chuyện khác.

Do đó phải đợi đến cách mạng 1945, phong trào giải phóng phụ nữ mới bùng sống lại và mang một sắc thái mới. Bấy giờ là lúc toàn dân đứng dậy kháng chiến chống Pháp. Người người sôi sục một lòng căm hờn và quyết tâm đánh đuổi xâm lăng. Chị em phụ nữ từ thành thị đến thôn quê, đầu đầu cũng sẵn sàng tham gia kháng chiến. Không chỉ giới phụ nữ thành thị mà ngay cả phụ nữ ở thôn quê từ lâu chỉ quen sống với ruộng lúa, nương dâu, nong tầm, đàn lợn... cũng thoát ly gia đình. Đây là một cuộc thoát ly có ý nghĩa hoàn toàn lành mạnh. Họ thoát ly gia đình êm ấm để dẫn bước vào cuộc sống đầy chông gai nguy hiểm. Họ rời khỏi gia đình để hiến thân cho tổ quốc. Có được chứng kiến hoặc được nghe kể lại sự chuyển mình của phong trào phụ nữ lúc đó ta mới thấy vô cùng phần khởi. Đẹp nhất là bên trong những tấm thân mảnh mai kiêu diễm lại sục sôi một ý chí đấu tranh quyết liệt. Khắp toàn quốc chị em phụ nữ đua nhau cắt tóc ngắn. Những sợi tóc dài óng chuốt tuần tự biến mất... Chúng bị cắt đứt

như người ta cắt đứt một quá khứ như
nhược và nhường chỗ cho những mái
tóc gọn gàng thích hợp với sự quật khởi
đứt khoát và mãnh liệt. Ta hãy nghe:

*Người ta cắt tóc vào chùa,
Em tôi cắt tóc giữa mùa chiến chinh.
Người ta cắt tóc tu hành,
Còn em cắt tóc theo anh lên đường,*

Lên đường đi đâu? Các cô nói rõ
thêm:

*Cùng chung một gánh sơn hà
Trai gươm Lê Lợi gái cờ Trưng
Vương,*

*Em tuy sức yếu tài hèn,
Theo anh làm nữ cứu thương chiến
trường.*

Hình ảnh người phụ nữ cứu thương
là một hình ảnh rất phổ biến của phụ
nữ trong thời kháng chiến. Thực ra
ngoài chuyện cứu thương họ còn đảm
nhận nhiều công việc nặng nhọc khác
như đi liên lạc, tải lương thực, súng
đạn và có khi cầm súng chiến đấu
như các chiến sĩ khác. Nếu so sánh
phụ nữ Việt Nam lúc này với quá khứ,
chúng ta thấy thực là khác biệt!

Song song với sự thay đổi của bầu
không khí xã hội lúc ấy, đời sống gia
đình cũng có nhiều biến chuyển. Cuộc
thoát ly của phụ nữ vốn mang một ý
nghĩa cao quý nên cha mẹ không còn
có lý do cấm cản; hoặc có cấm cản
thì cũng không lấy gì làm gắt gao. Về
phía các cô các cậu, dĩ nhiên là đã
thoát ly gia đình với một ý hướng
hoàn toàn lành mạnh và tốt đẹp. Nhưng
hoàn cảnh bấy giờ cũng đem đến cho

họ nhiều thuận lợi về tình cảm riêng tây.
Những cuộc mít-tinh, biểu tình, những
buổi học tập, những lúc công tác chung
khiến họ có dịp gần nhau thường
xuyên và tự nhiên hơn. Lắm lúc tình
đồng đội, đồng chí hướng, tình quê
hương dân tộc lại lay lắt trong họ cả
thứ tình trai gái.

Phụ nữ lúc này tuy vẫn đóng vai trò
phụ thuộc nhưng đã có phần bình đẳng
với nam giới hơn. Sau khi lập gia đình,
họ có quyền xin ra « ở riêng » với chồng
để sống đời tự lập. Cảnh mẹ chồng khác
nghiệt với nàng dâu hiếm thấy dần.
Chuyện vợ lớn vợ bé cũng không còn
thịnh hành. Xã hội không còn lên án gay
gắt các góa phụ son trẻ tái giá. Và đạo
tam tòng, tứ đức nay chỉ có tác động một
cách mềm dẻo. Lúc này tiếng nói của phụ
nữ đã được lắng nghe hơn và có giá
trị hơn. Trong những buổi hội họp công
cộng người ta đã lưu tâm đến những ý
kiến của phụ nữ. Ta cũng có thể thấy
một thiếu nữ cắt tiếng trong treo hô một
khẩu hiệu và đám đông — dĩ nhiên là
có cả các đảng này râu — rập một lượt
« hoan hô » hay « đả đảo » theo. Phụ nữ
cũng đứng ra đảm nhận những vai trò
xã hội (trước kia chỉ dành cho đàn ông)
càng ngày càng nhiều.

Nhưng trong mười năm kháng chiến
chống Pháp, hướng tiến của phụ nữ trên
toàn cõi Việt Nam xem ra không đồng
nhất. Đặc biệt là nếu so sánh đời sống
của giới phụ nữ ở « khu » (vùng kháng
chiến) và ở « thành » (vùng Pháp kiểm
soát) thì lại càng khác biệt. Đành rằng
đàn bà con gái thường phải theo cha
mẹ và chồng con, nhưng nếu xét trên

căn bản yêu nước thì khó lòng có thể bảo tất cả phụ nữ ở thành đều là những người yêu nước. Làm sao có thể yêu nước khi sống giữa một vùng đất bình yên xa hoa, giữa vòng tay bảo bọc của ngoại bang? Yêu nước làm sao được khi họ chấp nhận sự thống trị của kẻ xâm lược, bằng lòng sống yên vui hoặc tiếp tay với guồng máy cai trị của thực dân?

Sau hiệp định Genève, đất nước bị chia đôi và phụ nữ Việt Nam cũng tiến theo hai hướng khác nhau. Chúng ta lấy làm tiếc là hoàn cảnh không cho phép cung như không có tài liệu để có thể phác một cái nhìn đầy đủ về phụ nữ Việt Nam ở hai miền. Cho nên trong những dòng sau đây, khi mô tả và phân tích phụ nữ Việt Nam, mong quý vị độc giả hiểu cho là chúng tôi muốn nhằm đến phụ nữ ở miền Nam này.

Trên miền đất tự do...

Du khách đến Việt-Nam, một trong những điều hấp dẫn đối với họ có lẽ là tìm hiểu phụ nữ ở đây. Thông thường, họ sẽ lướt qua các phố để quan sát. Cái cảm tưởng đầu tiên đối với họ chắc hẳn là đẹp. Chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam vốn đã nổi tiếng là tha thướt và quyến rũ nay lại càng hấp dẫn hơn nữa với đủ kiểu và đủ màu. Nào áo dài mini mặc với « pat », áo dài Ragland sọc ngang sọc dọc, loè loẹt đủ màu. Kia là một cô gái mặc chiếc Tea-Shirt sặc sỡ hoa hoè và chiếc quần « pan », nịt da ở bụng lủng lẳng đủ thứ phụ tùng. Đây là một thiếu nữ với chiếc Maxi xê đăng trước bày nguyên cả cặp đùi nõn nà. Rồi nào là áo tuy-níc sặc sỡ, áo Boléro Gipsy, áo Gitane, áo dày, áo mỏng.

Áo bày cả ngực, quần jean, quần « pat » quần « pan », quần « pi-lốt »... đủ cả.

Du khách ắt sẽ nghĩ: « Phụ nữ Việt-Nam ăn mặc hấp dẫn đấy chứ. Đời sống của họ thật là vui tươi và thanh bình. Thế mà cứ bảo chiến tranh ở đây ghê gớm lắm! »

Nhưng dần dà, nếu có dịp dừng chân ở đây lâu, du khách sẽ hiểu là họ đã lầm. Cái vẻ thanh bình thoáng thấy lúc ban đầu chỉ có tính cách giả tạo và những hình ảnh phụ nữ Việt Nam mà họ gặp nhợt nhạt trên hè phố hoặc ở các chốn ăn chơi chỉ là lớp bèo bọt phù phiếm đang trôi bèo bọt trên quê hương tang tóc đau thương này. Cái đám bèo bọt ấy nổi trôi về nhiều hướng khác nhau. Khi thì nỉ non dưới ánh đèn màu, trong tiếng nhạc mê hoặc ở các ca lâu tửu quán. Khi thì trần trỗng điên loạn trong tiếng nhạc giật gân ở các chốn văn nghệ trăm phần trăm. Khi thì nhẩy nhụa trong cảnh trụy lạc thâu đêm suốt sáng ở các « ao tù trưởng giả ». Khi thì rời rã nhàn cư thừa tiền thừa bạc bơm vú bơm mông ở các mỹ viện.

Nhưng dù mang màu sắc nào, những đám bèo bọt ấy cũng cùng chung một đặc điểm là mất gốc, mất nguồn, sa đọa. Không bắt rễ được với lòng sông, những đám bèo bọt kia còn là một thứ căn bã thừa thãi, một thứ phản bội dịu dàng, một thứ ma túy ru ngủ và nặng hơn nữa, phải nói đó là thứ hương sắc vô-trách-nhiệm và thù nghịch với cội nguồn.

Sau khi xua gạt lớp bèo bọt trên mặt rồi, bây giờ dòng sông hiện ra. Giòng sông cuộn cuộn sức đấu tranh, vang vọng tiếng sóng Bạch đằng, Hát giang, Đà giang, Lô giang... Những đợt sóng tiếp nối, ngọn sau đùn ngọn trước vỗ thành sức mạnh bất khuất của dân tộc qua mấy nghìn năm Bắc thuộc, Pháp thuộc và tiếp tục cho đến ngày nay. Suốt trong cuộc trường kỳ kháng chiến anh dũng ấy, lúc nào phụ nữ Việt-Nam cũng tỏ ra xứng đáng trong việc dựng nước và giữ nước.

Bây giờ chúng ta còn gặp những bà mẹ tuổi từ bốn mươi trở lên, tuy con cháu đầy đàn nhưng vẫn còn nuôi trong lòng đầy kỷ niệm phần khởi của thời kháng chiến. Lớp phụ nữ từ ba mươi trở xuống thì đang giáp mặt với cuộc chiến từ 25 năm qua. Họ có thể là học sinh, sinh viên, công chức, tiểu thương ở các phố, các chợ nhưng đã từng có dịp sát cánh bên nhau trong những cuộc xuống đường biểu tình, đình công, bãi thị. Hiện họ đang chống chiến tranh quấy nhiễu và đang khao khát hòa bình một cách tha thiết.

Dĩ nhiên ở đây cũng có hạng phụ nữ từ xưa chỉ sống đời xa hoa ở «thành», con họ lớn lên ở thành thị rồi cháu họ cũng lớn lên trong đời sống xa hoa trường giả. Họ là hạng *mất gốc có truyền thống*. Đối với họ thì người Việt-Nam, người Pháp hay bất cứ đế quốc nào cai trị ở xứ này cũng thế, miễn là họ được sống giàu sang, phè phỡn. Cho nên họ cũng chính là một trong những đám bèo bọt mà chúng ta vừa kể trên kia.

Thiên nhiên, nếu tìm hiểu phụ nữ miền Nam theo kiểu «chụp hình các thực tại xã hội» thì thật là khó và phức tạp. Ở miền đất này có những khuôn mặt mỹ miều no đủ, lại có những khuôn mặt hốc hác xanh xao vì đói khổ bệnh hoạn. Có phụ nữ bán bar, phụ nữ sô Mỹ, phụ nữ chạy áp-phe, lại có phụ nữ ở phòng trà, ở thanh lâu, ở mỹ viện, ở công sở, ở trường học, ở nhà tù. Có phụ nữ yêu nước, thao thức, nhiệt thành, phụ nữ Quách thị Trang, phụ nữ Nhất Chi Mai, lại có phụ nữ sa đoạ, lai căng, vong bản, phản bội, mất gốc. Cho nên trong đám hỗn mang đó chúng ta chỉ còn có thể phân biệt được một bên là những phụ nữ trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực đang bảo vệ quê hương xứ sở và một bên là những phụ nữ đang ở ngoài lề của cộng đồng dân tộc. Họ có cái bề ngoài của một phụ nữ Việt-Nam nhưng lại mang trong lòng một con người ngoại quốc. Không thể gọi họ là phụ nữ Việt-Nam vì hoặc họ không mấy tha thiết, hoặc họ không có công lao gì trong việc bảo vệ cái quốc hiệu mà họ không muốn có.

Khách quan mà nói, cái xã hội ở miền Nam Việt-Nam hiện nay đối với phụ nữ không phải là một xã hội lành mạnh. Đa số phụ nữ ở thành thị vẫn chưa đủ khả năng để đảm nhận các công việc xã hội như nam giới. Họ còn mang nhiều mặc cảm và sống phụ thuộc vào người khác. Cô gái nào lớn lên cũng muốn có một tấm chồng. Và để được thành công, họ phải uốn nắn tư cách theo lý tưởng của đàn ông nghĩa là phải nhu mì, ngoan

nết, biết chiều chồng. Những cô phóng túng, tinh nghịch, bạo dạn tuy được đàn ông thích săn đuổi nhưng lại không mấy ai muốn rước về nhà. Cho nên rút cục chỉ hạng phụ nữ đoan trang, đứng đắn, đảm đang là dễ có gia đình và dễ tạo được hạnh phúc.

Bởi thực trạng xã hội như thế nên nền giáo dục phụ nữ hiện nay đang có khuynh hướng dạy cho họ cách trau dồi sắc đẹp, làm bếp, may vá, thêu thùa hơn là dạy cho họ trở thành một con người có đầy đủ nhân cách. Các tạp chí phụ nữ cũng đua nhau dạy cách làm đẹp, cách lấy lòng đàn ông, cách chinh phục đàn ông và tệ hơn nữa là cách khai thác triệt để thân xác của họ. Kết quả họ chỉ là một món đồ chơi của đàn ông. Mà đã tự nguyện làm đồ chơi thì đòi bình đẳng với đàn ông là chuyện khôi hài. Bởi vì muốn bình đẳng, giới phụ nữ phải tự tạo cho mình một sức mạnh về trí tuệ, tinh thần, tình cảm và thân xác. Nữ giới phải tỏ ra có khả năng chu tất những dịch vụ xã hội không kém gì đàn ông. Họ phải tự lập được, không phụ thuộc quá đáng vào đàn ông nữa. Bao lâu chưa thoát khỏi tình trạng như hiện nay, phụ nữ Việt Nam chưa thể nào cải thiện được thân phận bèo lem của mình.

Sau bao nhiêu năm tự giải phóng để thoát khỏi tình trạng nô lệ, giới phụ nữ ở đây đang làm vào tình trạng bế tắc trầm trọng. Đa số các bà các cô chỉ còn biết trông cậy vào cái vốn làm khéo, làm đẹp cho đàn ông ham muốn, thương yêu, tuyển chọn. Họ dùng tấm nhan sắc để quyến rũ, mời mọc, kích thích đàn ông.

Trong chiều hướng đó họ lại cho rằng phụ nữ Việt Nam đang bước vào một cuộc cách mạng tình dục như các phụ nữ Tây phương. Họ bảo ngày nay các bà các cô đã biết áp dụng phương pháp Ogino - Knaus, đã chịu đặt vòng xoắn, hoặc uống thuốc ngừa thai.

Đó là điều có thực. Nhưng khác với phụ nữ Tây phương, đa số phụ nữ Việt-Nam (nhất là giới lao động) hạn chế sinh sản không phải là để khỏi sinh đẻ, rảnh tay, không phụ thuộc đàn ông và được buông thả tự do. Trái lại họ hạn chế sinh sản là vì nghèo quá, để con không có người chăm nom và không có phương tiện để nuôi nấng dạy dỗ. Chúng ta cũng cần thấy rằng cuộc cách mạng tình dục ở Tây phương mang ý nghĩa như một cuộc giải phóng phụ nữ. Trái lại sự hô hào buông thả tình dục ở Việt Nam có thể là một cuộc đầu độc đối với dân tộc. Tạo được một « phong trào Play Boy » là cách hay nhất để làm sụp đổ những giá trị cổ truyền, làm tan rã những truyền thống tốt đẹp, làm suy nhược sức đấu tranh, quên lãng thân phận nô lệ và đắm mình trong những thú vui thấp hèn đầy quyền rũ.

Cho nên bên cạnh những người có tinh thần cấp tiến chân thật về khoa tình học (sexologie), sự kiện mà người ta gọi là cuộc cách mạng tình dục ở xứ này biết đâu lại chẳng phải là một cuộc phá hoại của lớp trưởng giả, đồi trụy, mất gốc, tay sai ngoại bang ?

Phụ nữ Việt Nam thực sự chưa tiến đến mức no nê thừa thãi, dư thì giờ

để lo nghĩ đến một cuộc cách mạng như thế. Sự sa đọa nhầy nhụa trong đời sống xác thịt của một số phụ nữ giàu sang và thiếu căn bản đạo đức ở các đô thị, dĩ nhiên không đủ tư cách để đại diện cho phụ nữ Việt Nam, không thể bảo đó là dấu hiệu của sự tiến bộ.

oOo

Nhìn lại đoạn đường đã đi qua trong ngót hai mươi thế kỷ, chúng ta thấy phụ nữ Việt-Nam đã phải sống trong cảnh nô dịch lầm than cùng cực. Dưới sự tảo chiết của chế độ phụ quyền, họ là thứ tôi mọi phải nhận chịu đủ thứ bất công. Họ đã dùng nam giới kiến tạo cộng đồng dân tộc nhưng lại không được đối xử công bằng và nhân đạo. Mãi khi chịu ảnh hưởng nền văn hóa tự do, phóng khoáng và nhân bản của Tây phương chị em phụ nữ mới có dịp giải phóng đời sống của họ phần nào. Đến lúc bùng nổ cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của toàn dân, bên cạnh cuộc giải phóng đời sống cá nhân, phụ nữ Việt-Nam còn theo đuổi cuộc giải phóng đất nước. Chính sự kiện đó đã làm cho phong trào giải phóng phụ nữ ở Việt-Nam mang một sắc thái hoàn toàn đặc biệt không giống với bất cứ một cuộc giải phóng phụ nữ nào trên thế giới.

Hiện nay ở miền Nam Việt-Nam, hướng tiến của phụ nữ xem ra rất phức

tạp. Tuy nhiên nếu nhìn xuyên qua bản chất của nó, chúng ta vẫn có thể phân biệt được hai hạng phụ nữ. Một bên gồm đông đảo cái bà các cô từ thành thị đến thôn quê đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh. Họ là những người con, người mẹ, người vợ đang đau khổ, thiếu thốn, nghèo đói, đầu tắt mặt tối, lo mưu sinh nhưng vẫn tỏ ra nhẫn nại, kiên trì, tha thiết với sự tồn vong của dân tộc. Còn hạng phụ nữ thứ hai là một thiểu số giàu sang nhờ chiến tranh. Họ là những khuôn mặt no nê, phê phỡn, toại nguyện với đời sống vật chất hời hợt, dễ dãi. Suốt ngày họ chỉ lo trau chuốt nhan sắc, ăn chơi cho thoả thuê. Chiến tranh hay hòa bình chẳng quan hệ gì đối với họ. Có lẽ phải nói là họ thích chiến tranh hơn. Bởi vì bao lâu còn chiến tranh thì cha mẹ, chồng con, anh em họ còn được thủ lợi đủ điều và họ cũng được trực tiếp chia sớt cuộc sống trưỡng giả, xa hoa và ích kỷ.

Với cái nhìn theo chiều hướng đó, thiển nghĩ chúng ta mới dễ phân biệt được những ai còn xứng danh là phụ nữ Việt - Nam trong cộng đồng dân tộc.

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

(hạn khang 04.XII-71

Sự biến chuyển của đồng Mỹ-kim

từ năm 1934 tới ngày nay

Trước cuộc thế chiến thứ nhất tiền tệ của hầu hết các quốc gia thế giới đều dựa trên căn bản vàng nên đồng Mỹ kim không có một qui chế đặc biệt nào trong nền tài chánh quốc tế. Bắt đầu từ năm 1919, vì bị chiến tranh tàn phá cũng như phải đối phó với các nỗ lực tái thiết, các quốc-gia trên thế-giới đã phải in số giấy bạc quá lớn so với số vàng dự trữ. Vì vậy họ dần dần phải đi tới chỗ tách rời tiền tệ quốc-gia khỏi căn-bản vàng. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vào năm 1929, ngoại trừ đồng Mỹ-kim, không một loại tiền tệ nào còn có thể được đổi sang vàng được nữa. Do đó đồng Mỹ-kim đã đóng vai trò của một loại tiền-tệ quốc-tế.

Nhưng từ khi cuộc chiến tranh thế-giới thứ hai chấm dứt tới nay, vì Hoa-kỳ càng ngày càng phải đối phó với những trách nhiệm ở bên ngoài, nên song song với những chi-tiêu ở ngoại-quốc cán cân chi phó của nước này mỗi ngày thêm thiếu hụt. Ngày 15-8-1971, Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon quyết định đình chỉ việc đổi Mỹ kim lấy vàng và ngày 13-12-1971, sau khi hội kiến với Tổng-thống Pháp tại quần đảo Açores, ông đã công bố phá giá đồng Mỹ-kim 8,57%. Những quyết định này đã đánh dấu một giai-đoạn mới trong lịch-sử tiền-tệ thế-

giới vì từ qui chế một tiền-tệ quốc-tế đồng Mỹ-kim đã trở thành một tiền-tệ quốc gia như những tiền-tệ quốc gia khác, nghĩa là cũng thăng trầm không khác gì các loại tiền-tệ của các nước trên thế giới.

Đồng Mỹ-kim' một tiền-tệ quốc-tế

Trước khi thế chiến thứ nhất bùng nổ hầu hết các quốc gia trên thế giới đều ấn định trị-giá tiền-tệ của họ so với vàng. Nhưng khi chiến tranh bùng nổ các quốc-gia Âu-châu như Anh, Pháp, Đức v.v... đã phải luôn luôn in thêm giấy bạc để đối phó với số quân phí càng ngày càng gia tăng. Năm 1919 khi chiến tranh chấm dứt, số nợ của nhà nước đã lên tới những tỷ-lệ vĩ đại. Thêm vào đó, nhu cầu tái thiết đòi hỏi nhiều phương-tiện tài-chánh quá mức. Nạn lạm - phát càng ngày càng trở nên trầm trọng. Dân chúng trong nước mất tin tưởng vào tiền-tệ trong nước đã đua nhau tìm cách đổi lấy vàng. Trước tình-trạng này lần lượt các nước Đức bại trận cũng như Pháp và Anh chiến thắng đã phải ngưng đổi vàng.

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới bùng nổ vào năm 1929 làm lung lay hệ-thống tư-bản và không còn một nước nào còn có thể đặt tiền-tệ của họ trên căn-bản vàng nữa. Nền

thương-mại quốc-tế bị đình trệ và không có tiền nào được đổi ra vàng nên người ta thiếu phương-tiện chi phó quốc-tế. Muốn mua hàng ngoại quốc, một quốc gia phải tìm cách bán hàng của mình ra để có ngoại-tệ. Và với ngoại-tệ này người ta mới có thể thanh toán được những món nợ quốc tế.

Trên thế-giới chỉ có Hoa-kỳ là giữ nguyên hệ-thống kim-bản vị (etalon-or). Năm 1934, chính phủ Hoa-kỳ ấn định tỷ-lệ giữa vàng và đồng Mỹ-kim là 1 lượng vàng (ounce) trị giá 35 Mỹ-kim. Tỷ-lệ này được giữ nguyên không thay đổi cho tới tận đầu tháng 12-1971.

Thị đồng Mỹ-kim ổn định và cũng vì trị giá đồng Mỹ-kim được ấn định bằng vàng nên tiền này đã được cả thế-giới tư-bản xử dụng như một tiền quốc-tế. Các quốc-gia trên thế-giới trang trải công nợ bằng Mỹ-kim. Họ ấn định giá trị tiền của họ theo Mỹ-kim. Mỗi khi nước nào phá giá tiền của mình thì họ hạ giá trị tiền này theo một tỷ lệ nào đó đối với đồng Mỹ-kim. Đồng Mỹ kim do đó trở thành một loại chỉ tệ cho hệ-thống tiền-tệ của thế-giới tư-bản.

Vì các quốc gia thanh toán nợ nần với nhau bằng Mỹ-kim và ký thác tiền tại các ngân hàng Mỹ nên Hoa-kỳ không những cung cấp cho thế-giới phương tiện chi phó mà còn là một ngân hàng quốc-tế nữa.

Vai trò chủ ngân-hàng của Hoa-kỳ đã làm cho quốc gia này có một địa

lợi ưu đãi trên trường quốc-tế. Vì vậy mà các quốc-gia Âu-châu tuy được hưởng những lợi điểm của đồng Mỹ-kim mà vẫn tìm cách phá hệ thống tiền tệ Mỹ. Nhất là từ năm 1950 trở đi Hoa-kỳ với vai trò lãnh tụ thế giới tự do đã tung tiền ra tiêu trên thế-giới... Thật vậy năm 1950, kế hoạch Marshall được đưa ra để tái thiết Âu-châu. Khi áp dụng kế hoạch này Hoa-kỳ đã viện trợ rất nhiều cho Âu-châu.

Từ năm 1958 trở đi, khi Âu-châu phần thịnh trở lại, Hoa-kỳ đã bắt đầu một chính-sách kinh-tế mới là mua các xí nghiệp Âu-châu để nắm nền kinh tế ở lục địa này. Mua xí nghiệp Âu-châu đã thêm một lần nữa bắt Hoa-kỳ phải chi tiêu ở ngoại quốc khiến cán cân chi phó của Hoa-kỳ càng ngày càng thiếu hụt. Hoa-kỳ, do đó, nợ tiền Âu-châu rất nhiều, và các món nợ này đều tính bằng Mỹ-kim.

Sợ rằng Hoa-kỳ sẽ dần dần làm chủ nền kinh tế Âu-châu các nước của lục địa này đã tìm cách ngăn chặn chính sách mua xí nghiệp của Hoa-kỳ bằng cách đem số tiền Hoa-kỳ nợ đòi đổi ra vàng. Từ năm 1958 tới năm 1961 một số vàng trị giá 5 tỷ Mỹ-kim đã rời khỏi kho dự trữ Fort Knox để sang Âu-châu.

Người hung hãn nhất trong công cuộc phá chính sách «đế-quốc đô-la» là Tướng De Gaulle. De Gaulle phản đối địa vị ưu đãi của Hoa-kỳ. Ông nói rằng : «Không gì vô lý bằng việc Hoa-kỳ là con nợ của Âu-

châu mà lại có khả năng "truất hữu", người Âu-châu". Đề chấm dứt "chính sách đế-quốc đô-la", Tướng De Gaulle đòi đòi số ngoại-tệ Mỹ-kim của Pháp sang vàng và đề-nghị người ta thiết lập một loại tiền-tệ quốc-tế đặt trên căn-bản vàng thay vì là dùng Mỹ-kim.

Tháng 11-1967, đồng Bảng Anh bị phá giá, giá vàng trên thế-giới gia tăng. Vì giá vàng ở Mỹ bất di bất dịch từ năm 1934 nên người ta đua nhau dùng Mỹ-kim để mua vàng cho rẻ hơn. Trước phong trào đòi đòi vàng, kho dự trữ Fort Knox đã phải đóng cửa và chính-phủ Mỹ kêu cứu. Các quốc gia trên thế giới đã nhóm họp để tìm cách giúp Mỹ và tất cả, trừ Pháp, đã cam kết không đòi vàng.

Nhưng tình hình tài chánh của Hoa-kỳ vẫn không được cải thiện vì sự tham chiến của Hoa-kỳ ở Việt-nam tiếp tục gia tăng sự chi tiêu của Mỹ ở bên ngoài. Tình trạng này đã kéo dài tới năm 1971 khi mà không những cán cân chi phó mà cả cán cân thương mại của Hoa-kỳ cũng bị thiếu hụt. Ngày 15-8 1971 ông Nixon đột nhiên quyết định đình chỉ việc đòi vàng. Ngưng hoán-chuyển Mỹ-kim ra vàng, tiền của Hoa-kỳ đã trở thành một loại tiền-tệ như các loại tiền-tệ khác.

Đồng Mỹ-kim, trở lại thành tiền tệ quốc-gia của riêng Hoa-kỳ

Suốt trong 4 tháng cuối năm 1971

các giới kinh tài trên thế giới đã liên miên họp để giải quyết cuộc khủng hoảng tiền-tệ này. Thật vậy, tuy người ta không ngừng phá sự thống trị của đồng Mỹ-kim, nhưng khi mà tiền này không còn được bảo đảm bằng vàng nữa, thì nền thương mại quốc tế rơi vào một khoảng trống. Đồng Mỹ-kim không còn là một tiền-tệ quốc-tế nữa, mà sẽ thực sự thủng lỗ như các tiền-tệ quốc gia khác. Đồng Mỹ-kim sẽ lên giá hay xuống giá tùy theo tình hình phát triển kinh tế của Hoa-kỳ.

Trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề chi phó quốc-tế, các quốc-gia trên thế-giới chỉ còn biết cách là làm sao gia tăng xuất cảng để có ngoại-tệ hầu mua hàng ngoại quốc và giới hạn nhập cảng để bớt nợ ngoại quốc. Nếu quốc-gia nào cũng tính chuyện tăng xuất cảng, giảm nhập cảng thì một trận chiến tranh giá cả sẽ xảy ra và thương mại quốc-tế bị đình trệ. Với thương mại quốc-tế đình trệ, cả thế-giới tư bản sẽ rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, sản xuất quá mức mà không có đủ thị trường để tiêu thụ, kiểu như năm 1929.

Hoa-kỳ đã là nước đầu tiên áp dụng đường lối kinh tế mới này. Cùng một lúc với quyết định ngưng đòi vàng, ông Nixon đã ra lệnh hạn-chế nhập cảng bằng cách đặt thêm thuế phụ thu 10% đánh vào hàng ngoại quốc và "thả nổi" đồng Mỹ-kim để đồng này phá giá trá hình khiến giá sản-phẩm Mỹ trên thị-trường quốc-tế

giảm đi mà cạnh tranh với hàng các nước khác.

Để cho nền thương-mại quốc-tế có thể hoạt động trở lại, các Tổng-trưởng kinh tài của 10 quốc gia phần thịnh nhất thế-giới đã nhóm họp tại Genève vào cuối năm 1971. Muốn đạt tới mục tiêu này thì các nước phải nhượng bộ lẫn nhau. Hoa-kỳ phải chính thức phá giá đồng Mỹ-kim, nhưng các nước khác như Pháp, Nhật Tây-Đức cũng phải tăng giá tiền-tệ của họ để giá hàng của ba nước này trên trường quốc-tế cao hơn. Nhưng Hoa-kỳ phải phá giá đồng Mỹ kim theo tỷ-lệ nào, và các nước Âu-châu và Nhật phải tăng trị-giá tiền của họ theo tỷ-lệ nào? Đó là những vấn đề được bàn cãi sôi-nổi nhất giữa các lãnh-tụ thế-giới.

Sau cùng người ta đã đồng ý là Hoa-kỳ phá giá đồng Mỹ-kim 8,57% so với vàng; như vậy mỗi lượng vàng từ nay giá 38 Mỹ kim thay vì là 35 Mỹ-kim. Tuy nhiên dù có Mỹ-kim người ta cũng vẫn không được phép đổi lấy vàng. Trong khi đó Nhật cũng bằng lòng tăng giá đồng Yen lên 16% và Đức tăng đồng Mark lên 12%.

Ông Nixon đã chọn đúng lúc ông gặp Tổng-thống Pháp Pompidou tại đảo Açores để loan báo quyết định trên. Một ký giả đã nói: « Đây là lần đầu tiên trong lịch sử mà đồng Mỹ-kim bị phá giá khi mà Tổng-thống Mỹ đang ở ngoại quốc và sau khi hội đàm với một vị Tổng-thống ngoại-quốc ».

Như vậy những nước nào có cán cân quá thiếu hụt đã phải hạ giá tiền của mình và ngược lại nước nào có cán cân quá thặng dư phải lên giá tiền của mình. Nước Pháp vì có cán cân không thặng dư quá mức nên được miễn không phải có một biện pháp tiền-tệ nào. Những nhượng bộ hổ tương đã đưa nền thương mại quốc tế khỏi tình trạng bế tắc nhưng từ nay nền thương mại quốc-tế vì thiếu một hệ thống đo lường chung sẽ trở nên mong manh hơn.

Về phía Mỹ, khi chính thức phá giá đồng Mỹ-kim chính phủ này chỉ hợp-thức-hóa một tình trạng mà thôi vì trên thực tế khi Mỹ-kim được thả nổi giá đã hạ xuống rồi. Nhưng chính thức phá giá tức là chấm dứt một tình trạng bấp bênh khiến nhóm con buôn đầu cơ không còn hy vọng tung Mỹ-kim ra mua đồng Mark và đồng Yen để kiếm lợi nữa. Do đó, sau khi đào tẩu ra ngoại quốc một số lớn tư-bản đã trở về Hoa-kỳ gây lại niềm tin trong dân chúng. Hoạt-động kinh-tế Mỹ đã trở lại mức tiến bộ trước khiến các giới hữu-trách đã tin rằng trong năm 1972 tổng sản-lượng của nước này sẽ gia tăng khoảng từ 5 tới 6% và số thiếu hụt của cán cân chi phó sẽ giảm đi từ 2 tới 4 tỷ Mỹ kim.

oOo

Sau 37 năm ổn định, đồng Mỹ kim chính thức bị phá giá và tách khỏi sản bản vàng để giải quyết những khó khăn kinh-tài của Hoa-kỳ. Tuy giải quyết được những khó khăn kinh tài

nội bộ cũng như những trở ngại của nền thương mại quốc tế nhưng tiền tệ Hoa-kỳ đã vì vậy mà mất uy tín quốc tế và Hoa-kỳ cùng một lúc không còn một lợi khí để điều khiển nền kinh tế thế giới nữa. Tuy được đưa ra khỏi tình trạng bế tắc, nhưng nền thương mại quốc tế cũng đã trở nên mong manh và sẽ tùy thuộc nhiều vào nền kinh tế của mỗi nước. Sự vững chắc của thương mại quốc tế chỉ được

bảo đảm khi các nước tiền tiến cấp thời thiết lập một hệ-thống tiền-tệ quốc-tế để thay thế vai trò của đồng Mỹ-kim ngày trước

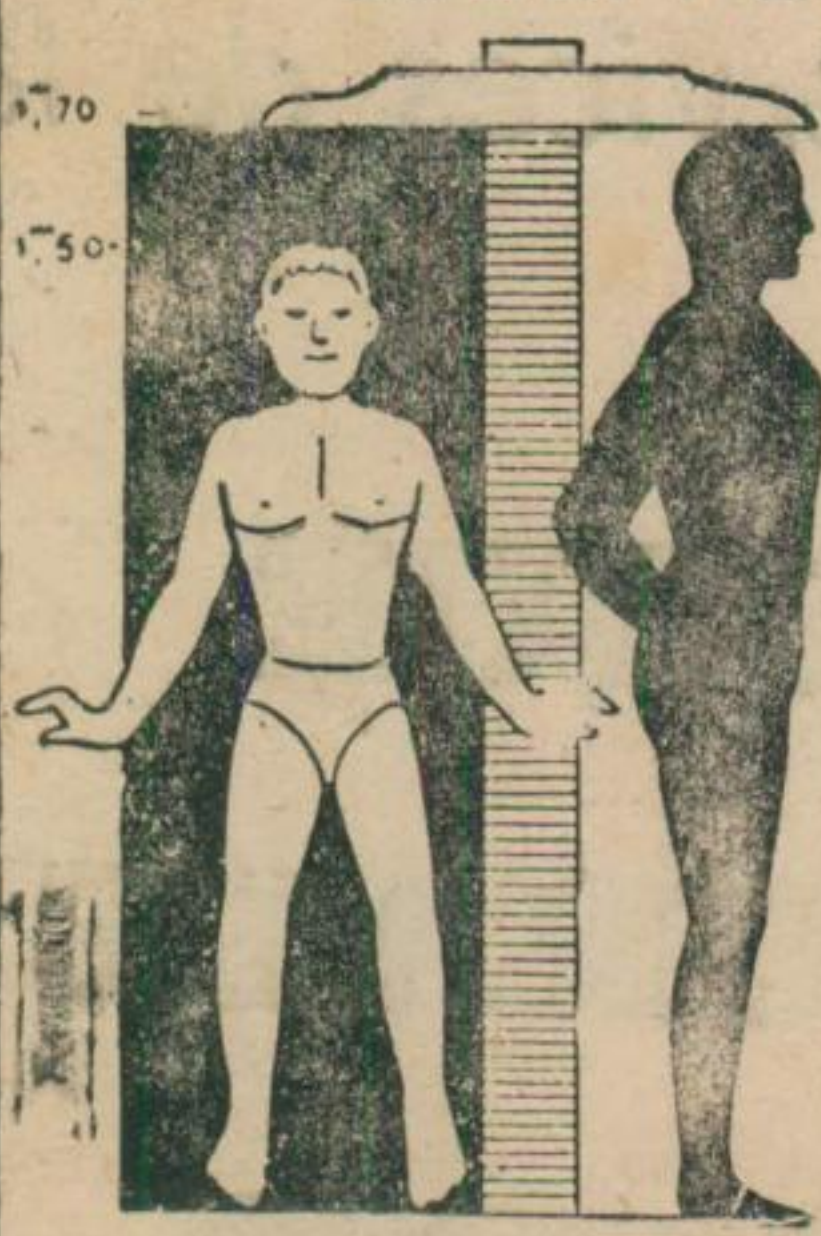
TỪ MINH TUYỀN

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Bộ Bách Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các số 1, 9, 12, 28 64, 70, 81, 88, 92, 95)—Hỏi tại Tòa soạn.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

כפל

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS



Mujib Rahman

Ông là ai?

Tuần báo Time số ngày 17-1-1972 có đăng hình ảnh ông trên trang bìa, một khuôn mặt vuông, râu rậm, với đôi vành tai lớn, với ánh mắt hiền từ mà cương-ng nghị qua cặp kính trắng. Tất cả con người giản dị của ông có một vẻ gì khả kính và hấp dẫn.

Chẳng thể mà toàn thể dân Bengali đã say mê ông, coi ông là vị lãnh tụ duy nhất của họ. vị cứu tinh dân tộc, người đã khai sinh ra nước Bangla Desh. Trong tất cả các khuôn mặt lãnh tụ Á Châu ông là một ngôi sao mới mọc nhưng sẽ sáng rực trên bầu trời Nam-Á. Trông khuôn mặt ông có một vẻ gì khoan dung và quảng đại, một khuôn mặt đáng mến mà nhiều lãnh tụ khác không có.

Năm nay ông mới 51 tuổi, cái tuổi mà ở cương vị lãnh đạo người ta còn làm được rất nhiều cho đất nước. Dĩ vãng trong sạch của ông là một đảm bảo chắc chắn cho tương lai. Trong 22 năm hoạt động chính trị, có tới 10 năm rưỡi ông bị cầm tù, lần cuối cùng lâu tới 9 tháng tưởng không còn trông thấy ánh mặt trời, vì cựu T.T. Hồi-quốc Yahya Khan đã cố tình chùm lên đầu ông một bản án treo cổ chỉ chờ ngày hành quyết. Ông là lãnh tụ của phong trào Awami thành lập từ năm 1949, một phong

trào chính trị ôn hòa, tranh thủ nền tự trị cho Đông Hồi. Cuối năm 1970, đảng của ông lượm được 167 trên số 169 ghế dành cho Đông Hồi. Ông đã tỏ ra là một chính trị gia can đảm, dẻo dai và được lòng dân. Nếu Yahya Khan khôn khéo một chút, không cố tình đàn áp phong trào tự trị Đông Hồi, thì có lẽ ông cũng đã sẵn sàng hợp tác (trong cương vị lãnh-tụ của đảng đa-số mà lẽ ra ông phải được mời làm Thủ tướng Hồi Quốc). Nhưng Yahya Khan chỉ là một tay quân phiệt đội lốt dân chủ. Đến khi hành sự, bộ mặt quân phiệt của ông mới lộ ra. Ông đã chọn phương pháp dìm dân Đông Hồi vào trong biển máu hy vọng bóp nát ý chí độc lập của họ. Nào ngờ chủ trương đó của ông đã gây hận thù dân tộc, và đẩy Mujib Rahman và phong trào của ông vào tay Ấn-độ. Thực vậy, ông không thể làm thế nào khác hơn. Ông không thể theo đường lối quá khích của nhóm cực tả, vì như vậy sẽ làm cho Ấn-độ Hoa-kỳ và các nước Tây phương khác cùng đồng minh của họ e ngại, mà chưa chắc gì Bắc-kinh sẽ tích cực ủng hộ. Bắc-kinh đã chẳng là đồng minh của tướng Yahya Khan rồi sao? Trong thế-kỷ 20 này, không một dân tộc nào có thể làm một cuộc nổi dậy ở bên trong mà không có sự giúp đỡ ở bên ngoài. Sự giúp đỡ ở bên ngoài đó, ông đã khôn khéo tìm được ở Ấn-độ vì Ấn-độ là

kẻ thù của Hồi quốc. Chỉ có Ấn-độ mới có thể giúp đỡ cho dân tộc ông ly khai khỏi Hồi quốc. Nhưng đi với Ấn-độ thì phải chấp nhận gạt bỏ mọi tị hiềm tôn giáo. Vì vậy mà phong trào Awami không có tính cách tôn giáo và quốc gia Bangla Desh là một quốc gia thế tục theo đường lối xã-hội cũng gần giống như đường lối của đảng Quốc-đại Ấn-độ, đảng của bà Gandhi chủ trương.

Có nhiều người đã vội nghĩ: như vậy chẳng hóa ra ông chỉ là một con cò của Ấn-độ sao? Ấn-độ đang muốn diệt trừ cái hiểm họa Hồi quốc. Cách diệt trừ hữu hiệu nhất là chia cắt nước này ra làm hai nước độc-lập với nhau. Ai cũng biết Mujib Rahman là một nhà ái quốc, thương dân thương nước. Lúc bị bắt giam cực khổ, ông cố gắng chịu đựng không bao giờ than thở nhưng ông đã khóc mùi khi hay tin đồng bào của ông bị tàn sát. Có thể ông cũng đã rõ là trong việc này thế nào Ấn-độ cũng có lợi, vì không có lợi thì họ giúp mình làm gì. Nhưng chắc chắn là dân tộc ông sẽ có lợi hơn khi được thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của Tây Hồi. Dân tộc ông đã tranh đấu nhiều, đau khổ nhiều, nếu không được sự tiếp sức của Ấn-độ, có Nga-sô ở đằng sau, chắc chắn sẽ còn bị chìm trong biển máu. Đó là cái giá phải trả cho nền độc lập của Bangla Desh. Vì chủ trương đó đúng mà nhân dân Đông Hồi, mặc dầu bị tàn sát tới 3 triệu người (theo sự ước đoán của chính Mujib Rahman) vẫn tin tưởng ở sự lãnh đạo của ông, kể cả những nhóm quá khích như quân du kích Mukti Bahini và cái ngày chiến thắng đã đến

rất nhanh.

Ông có giọng nói trầm trầm, chậm rãi và truyền cảm. Hàng triệu người nghe theo ông rầm rập. Ông có tư thế một nhà lãnh-tụ cách mạng đang lên, vì thế nhà cầm quyền Tây Hồi lo sợ mà phải bắt giữ ông và biệt giam ông tại một nơi ở Tây Hồi.

Mặc dầu không có ông, nhưng thời cuộc đã biến chuyển đúng như ông dự đoán và sắp xếp. Chính phủ Bangla Desh vừa lên cầm quyền đã đòi phải trả ngay cho họ vị lãnh tụ kính yêu.

Yahya Khan muốn giết ông để trả thù sự thất bại sâu cay vừa phải chịu. Nhưng số ông còn vượng. Ông Ali Bhutto, hồi đó còn là Ngoại trưởng, đã vội vàng can thiệp ngay, viện lẽ rằng nếu giết ông thì số phận hàng vạn tù binh Hồi còn trong tay Ấn-độ sẽ ra sao? Ông Bhutto quả thực có ý muốn cứu ông nên đã tìm cách dẫu ông đi. Đến khi lật đổ Yahya Khan, lên cầm quyền, chính Bhutto đã sai người đưa ông đến một biệt thự ở ngoại ô Rawalpindi (Tây Hồi), hai người mạn đàm cùng nhau trước khi Bhutto thân tiễn ông ra tận phi trường vào lúc nửa đêm và thả ông về cố quốc sau 9 tháng ông tưởng là không còn được thấy ánh mặt trời. Từ nhà tù đến vinh quang chỉ có một bước. Nhưng cái bước đó như là một bước đi trong mộng, có lẽ chính ông cũng phải bàng hoàng và cổ kim cũng ít có vị lãnh tụ nào được hưởng như vậy.

Do đó, có người cho rằng đã có một sự sắp xếp và trong sự sắp xếp này, người Mỹ có nhúng tay vào.

Người ta cho rằng ngay từ trước khi xảy ra cuộc chiến Ấn Hồi, người Mỹ đã vận động với nhà cầm quyền Hồi để cho Đông Hồi tự trị, nhằm phá vỡ âm mưu của người Ấn đang xúc tiến đẩy mạnh phong trào ly khai. Họ đã đi đến chỗ thỏa thuận là thả lãnh tụ Rahman để ông này trở về lãnh đạo phong trào tranh đấu Đông Hồi đi vào con đường tự trị. Như vậy việc ông Ali Bhutto thả Mujib Rahman chỉ nằm trong kế hoạch đã thỏa thuận trước với người Mỹ.

Nói như vậy thì chẳng hóa ra phù thủy Mỹ cao tay lắm sao và nhà lãnh tụ uy tín Rahman chỉ là một con bài của Mỹ ?

Nhưng Mujib Rahman quả xứng đáng là một lãnh tụ Đông Hồi. Ông đã không bán đứng dân tộc ông trước những chiêu đãi đặc biệt đối với cá nhân ông. Ông đã nói thẳng với ông Ali Bhutto là ông không thể hứa hẹn gì trước khi ông trực tiếp với sự việc hiểu rõ những gì đã xảy ra cho dân tộc ông và ông đã khóc ròng khi biết được rằng dân tộc ông đã bị sát hại tàn tệ. Đến khi trở về nước, lời đầu tiên mà ông tuyên bố là nước ông phải độc lập, không còn thể nào trở lại với Hồi quốc được nữa. Thái độ của ông thật là đàng hoàng thẳng thắn. Ali Bhutto không thể trách ông là vong ân, tráo trở vì Bhutto đã tự nguyện thả ông chứ ông có hứa hẹn gì đâu. Việc này cũng thanh minh luôn dư luận cho rằng ông là một quân cờ của Mỹ.

Uy tín của ông ở Đông Hồi thật quả

vô cùng lớn lao. Chính phủ lưu vong Bangla Desh thành lập ở Ấn-độ đã để trống ghế Chủ tịch dành cho ông. Đâu đâu người ta cũng nhắc đến tên ông như là một nhà lãnh tụ đáng kính nhất của dân tộc và Hồi quốc không thể nào cứ tiếp tục giữ ông nếu muốn chấm dứt chiến tranh. Ấn-độ đã dành cho ông một sự đón tiếp như là một vị quốc trưởng khi trên đường về Dacca, ông bay qua Luân-đôn và Tân Delhi. Nhưng ở Dacca sự đón tiếp mới thực là vĩ đại. Có thể nói là toàn dân đi đón vị lãnh tụ của họ. Có người vì sợ phải chờ lâu phải mang cả ghế đi để nằm. Lúc phi cơ sắp hạ cánh, ban trật tự phải dồn bớt người ra khỏi phi trường lấy chỗ cho máy bay xuống. Cả triệu người đã hoan hô ông ở phi trường và dọc theo con đường trở về thủ đô. Ông đã đứng trên một chiếc xe vận tải đầy nhóc những người đi đón ông, chạy rất chậm giữa rừng người và biểu ngữ. Tiếng hoan hô vang dậy đất. Rõ ràng là một cuộc đón tiếp nồng hậu và hồn nhiên, không hề có một mảy may bố trí. Ông đi giữa lòng dân, không hề có hàng rào cảnh sát, không hề có lính kín đứng trên các nóc nhà để đề phòng kẻ bắn trộm. Đã lâu lắm không thấy có một nhà lãnh tụ nào được dân chúng đón tiếp một cách nhiệt thành như vậy. Dân Bengali đặt hết lòng tin vào ông và ông cũng hết lòng thương yêu dân hơn cả chính bản thân ông và gia đình ông. Ông có một bà vợ rất mực trung thành mà ông đã lấy từ khi bà này mới 12 tuổi và ngày nay ông đã có 5 con. Người con gái đầu lòng

đã cho ông một đứa cháu ngoại mà ông đặt là Joy theo tiếng Bengali có nghĩa là chiến thắng vinh quang. Lúc ở Luân đôn ông có điện thoại về cho gia đình hỏi xem có còn sống sót cả không để cho ông yên tâm. Nhưng sau đó thì ông chỉ còn nghĩ đến việc nước.

Về đến nhà, ông bắt tay vào việc ngay không cần nghỉ ngơi. Uy tín của ông đã làm lu mờ tất cả những người xung quanh. Ông quyết định bỏ chế độ Tổng thống mà chính phủ Bangla Desh đã theo lúc ban đầu và thiết lập chế độ đại nghị. Ghế Tổng-thống ngồi chơi xơi nước ông nhường cho một người khác. Riêng ông giữ chức Thủ-tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng, Nội vụ và Thông tin. Người ta bảo ông có xu hướng độc tài vì thấy ông nắm trọn trong tay quân đội, cảnh sát và lực lượng phòng vệ dân sự. Nhưng một người đạo đức cách mạng như ông chắc không thể độc tài được. Ông phải quán xuyến nhiều việc để đem lại trật tự cho một nước vừa tuyên bố độc lập và còn đang bề bộn những khó khăn. Phải làm sao cho bộ đội du kích Mukti Bahini chịu nghe theo mệnh lệnh ông mà buông khí giới, đừng trả thù những kẻ hợp tác với Tây-Hồi? Phải làm sao thu xếp nơi ăn chốn ở cho cả triệu người tị nạn sang Ấn đang lục tục trở về? Phải làm sao giải quyết công ăn việc làm cho hàng triệu người thất nghiệp vì chiến tranh? Phải làm sao xây dựng lại nền kinh tế đã bị xụp đổ tan tành? Nước ông là một nước đất hẹp mà người đông yào bậc nhất thế giới (75 triệu người chen chúc trên

một khoảng đất không bằng một phần ba nước V.N.) và cũng nghèo nàn nhất thế giới cộng thêm với thiên tai và chiến tranh trong năm qua. Phải có một uy tín thật lớn lao, ông mới có thể đứng ra lèo lái con thuyền quốc gia trong lúc này. Ông phải làm việc đó với sự cộng tác của toàn dân, tất nhiên phải được dân tin và dân phục.

Nếu ông dở ngón độc tài ra thì chắc chắn ông sẽ thất bại vì những người hợp tác với ông dần dần xa ông. Dân chúng lãnh đạm với ông, thì ông lại rơi vào vết xe của bao nhà độc tài khác. Nhân qua tư cách và việc làm của ông từ trước, người ta thấy rõ ông là một nhà lãnh tụ nhân dân khác hẳn với những nhà lãnh tụ độc tài. Nước ông sẽ là một nước dân chủ xã hội và có lẽ sẽ là một nước dân chủ tiến bộ vào bậc nhất ở Á châu. Với một người như ông lãnh đạo, người ta có thể tin là những định chế dân chủ sẽ dần dần được thiết lập. Bangla Desh sẽ củng cố được nền độc lập của mình.

Ấn-độ là quốc gia đã giúp nước ông tách ra khỏi Tây Hôi chắc sẽ còn nhiều ảnh hưởng đối với nước ông nhất là về phương diện kinh tế. Nhưng với một dân tộc thông minh và chịu học như dân tộc Bengali lại có một nhà lãnh đạo chỉ biết đến dân đến nước như ông, chắc chắn Ấn-độ không thể biến nước ông thành một thuộc quốc. Việc đầu tiên là ông đã vận động để quân đội Ấn rút lui trong vòng 3 tháng.

Ông đã có một thái độ rất « chính trị » trong nhiều vấn đề quốc tế. Ví dụ

như ông đã tuyên bố chấp nhận Bangla Derh ở trong khối Liên-hiệp-Anh để tránh thủ sự thừa nhận của Anh quốc. Ông kêu gọi Liên Hiệp Quốc giúp đỡ nước ông tái thiết và ông sẵn sàng giao cho Liên Hiệp Quốc xét xử những kẻ chiến phạm. Nước ông chỉ đảm nhận công việc đó khi nào LHQ làm ngơ. Như vậy là ông đã gián tiếp nói cho LHQ biết là nước ông là một nước có đủ tư cách độc lập, đáng được LHQ thừa nhận và giúp đỡ.

Đối với Hoa-kỳ, ông cũng kêu gọi chính phủ Mỹ thừa nhận. Ông cũng phân biệt giữa chính phủ Mỹ và nhiều khi ông chê là xấu với nhân dân Mỹ mà ông khen là rất tốt. Ông đã làm cho chính phủ của ông không có màu sắc đỏ để cho người Mỹ khỏi hốt hoảng. Vì vậy cho tới nay đã cổ trên 20 quốc gia công nhận Bangla Desh trong có Ấn-độ, Nga-sô và các nước Cộng sản thân Nga-sô.

Như vậy là phe Cộng sản thân Nga sẽ lôi kéo ông trước tiên. Nhưng cái khó là làm sao giữ vững được thế quân bình: làm sao đừng để cho phe Cộng sản thân Bắc Kinh đả kích ông, coi chính phủ ông là bù nhìn của Ấn độ. Ông không cho một nhân vật khuynh tả nào vào trong nội các của ông nhưng ông cũng phải làm sao đừng để cho quân du kích tiếp tục võ trang chống đối ông. Ông cũng phải làm sao để cho phe Tư bản bằng lòng giúp vốn cho ông kiến thiết xứ sở. Hiện nay cũng đã có nhiều nước tư bản đứng đầu là Anh và Pháp rục rịch nghiên cứu việc thừa nhận Bangla Desh mặc dầu Hồi quốc đã lớn tiếng cảnh cáo là sẽ tuyệt giao với những nước nào làm như vậy.

Những khó khăn về ngoại giao chắc chắn sẽ còn nhiều nhưng với một con

người đã qua nhiều thử thách như ông, chắc không thể bị mua chuộc một cách dễ dàng để cam tâm làm tay sai cho ngoại bang. Một con người như ông chắc sẽ chỉ hành động theo quyền lợi tối thượng của dân tộc. Mà dân tộc ông nghèo đói, còn chậm tiến, còn nhiều đau khổ, còn cần phải có những lãnh tụ có tầm vóc như ông.

Ông là người tin tưởng rằng chính nghĩa và sự thực rồi sau cùng sẽ thắng sự bạo tàn và dối trá. Ông đã hành động theo chính nghĩa và sự thực. Ông có đằng sau ông cả một dân tộc đang vùng lên. Ông không cần đến những thủ đoạn xảo quyệt của những kẻ tham quyền cố vị. Ông không cần có cả một quân đội vĩ đại để bảo vệ an ninh. Vì toàn dân với ông chỉ là một. Những phóng viên ngoại quốc đến Dacca trong dịp đón ông trở về đều phải lấy làm ngạc nhiên thấy sự thương yêu của dân chúng đối với ông hiện lên vẻ mặt, hiện lên ánh mắt. Họ vui mừng như trong một ngày hội lớn. Ông nói lên một câu là dân nghe theo ông răm rắp, ông làm được những điều mà người khác làm không được. Nhưng ông chẳng làm gì cho riêng ông. Ông đã cố gắng tất cả cho dân chúng mà ông phục vụ.

Ta có thể nhận định không sai lầm rằng Sheikh Mujibur Rahman sẽ có tầm vóc của một Nehru, của một Soekarno, vượt xa những lãnh tụ khác thường dựa trên sức mạnh của ngoại bang. Ông sẽ dễ dàng vượt qua những khó khăn, mà người khác vượt không nổi để lãnh đạo dân tộc ông qua cơn sóng gió. Dân Đông Hồi đã may mắn có một khuôn mặt lãnh tụ như ông hiện nay đang thiếu như sao mai buổi sáng đối với nhiều dân tộc Đông Nam Á trên bước đường tranh đấu cho hòa bình và độc lập thật sự. Dân V.N. đã sống qua những năm 1945 nên đã hiểu rõ điều đó.

VIỆT PHƯƠNG

Nhà Xuất-bản LÁ-BỒI

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh
lô O số 121, Chung cư Minh Mạng — Saigon 10

SÁCH MỚI NĂM 1972

- *10 Khuôn mặt Văn Nghệ hôm nay*
biên khảo của Tạ Tỵ
- *Vô-Môn-Quan*
Thiền-sư Vô-Môn bình tụng, Trần
Tuấn Mẫn dịch chú.
- *Chinh Phụ Ngâm diễn âm Tân Khúc*
Phan Huy Ích diễn giải, Nguyễn
văn Xuân phát giác.

Kính Chúc

*Toàn thể độc giả, quý vị tác giả,
quý vị chủ nhân nhà sách toàn quốc,
một năm mới Khang an và thịnh vượng.*

Nhà xuất bản LÁ BỒI

Đường lên Berlin

(tiếp theo BK 363)

Tiếp-tục hành-trình, chúng tôi ghé xem cổ thành Spandauer Zitadelle và tháp Juliusturm, trước kia nguyên là pháo-lũy hành-cung của các vua Đức Thuộc khu cấm-địa nên xe chúng tôi chỉ chạy ở bên ngoài. Tháp và thành sơn màu đỏ, tháp xây vào thế-kỷ XIV và khu ngoại thành thế-kỷ XVI. Theo lời người hướng-dẫn, hiện thời tháp được dùng làm nhà giam Rudolph Hesse, phụ-tá của Hitler. Quân Đồng-minh thay phiên nhau canh-gác, hễ như mỗi nước phụ-trách một tháng. Rudolph Hesse bị tòa-án Nürnberg phạt tù chung-thân. Phiên tòa xử các chính-trị phạm Đức-quốc-xã do Lord Justice Lawrence của Anh làm chánh-thẩm, họp lúc 10 giờ ngày 20-11-1945. Bản cáo-trạng dài 24.000 chữ, do một hội-đồng của Liên-Hiệp-Quốc sưu-tầm, dưới sự điều-khiển của Lord Wright và được các chương-ly duyệt-ký ngày 6-10-1945 tại Berlin. Bản cáo-trạng kết tội Đức-quốc-xã đã giết hại 5.700.000 dân Do-Thái trên tổng-số 9.600.000 người sống trong khu-vực thống-trị của Đức-quốc-xã. Sắc-lệnh «Nacht und Nebel» (Đêm tối và mây mù) do Hitler ký đã cho phép lưu-đày và thủ-tiêu bất cứ một tập-thể chống-đối nào. Dựa vào đó, quân Đức đã làm cỏ cả ngôi làng Oradour sur Glane ở Pháp. Dân làng bị đập chết

chất vào nhà thờ hỏa thiêu. Trại tập trung Auschwitz đã giết bằng hơi độc 4 triệu người, Dachau 11.000 trong vòng ba tháng, Buchenwald 22.000., Maidanek 1.500.000. Bảy ngàn năm trăm đàn-bà, con-nít Ý bị bắn bỏ trước công-thành La-Mã và ở Civitella. Xác của các nạn-nhân bị đào lên nghiền-nát làm phân bón cho các nông-trường. Trước tòa Rudolph Hesse luôn luôn trả lời cụt ngùn bằng chữ «Nein ! » (không !). Các luật-sư của đương-sự nêu lên vấn-đề tiên-quyết : «Nullum crimen sine lege, nulla poena sine lege» đề cho rằng vụ án thiếu nguyên-tắc căn-bản Công-pháp quốc-tế. Và đối với thế-giới văn-minh, trừng phạt theo phương-cách ngoại-lệ ex post facto là dã-man. Nhưng tòa đã bác-bỏ mọi vấn-nạn của luật-sư và ngày 1-10-1946 tuyên-án 12 trên tổng số 22 bị can tử-hình, 7 án tù chung-thân hoặc hữu-hạn và 3 tha bổng (Hjalmar-Schlacht, Fritz von Papen và Hans Fritzsche). Đức-quốc-xã giết dân Do-thái thì bị kết-án, thế bọn Mác-xít và Thực-dân Tur bản hơn hai mươi năm nay đã giết trên ba triệu người Việt-Nam, trút bom đạn hủy hoại bao nhiêu phố-phủ, xóm làng, đất-đai căn-cháy, mả-mồ lãng-miêu tan-hoang mà sao chưa thấy một tòa-án quốc-tế nào nói đến, chưa thấy một lương-tri nhân loại

nào lên tiếng ! Hay tất cả lương-tri đều đã câm điếc vì mỗi bữa thơm ngon. Đức-quốc-xã chỉ đoạt mạng người, nhưng Thực - dân tư-bản và bọn Mác - xít tàn - phá cả một dân tộc, phá từ nền móng Văn-hóa đến tiềm năng kinh-tế. Nếu dân-tộc Việt không có một truyền-thống kiên-hùng, bất-khuất lâu đời thì có lẽ giờ này tên tuổi đã bị xóa bỏ trên bản-đồ thế-giới.

Tiến đường, chúng tôi đến viếng khu kỹ-nghệ khổng-lồ của hãng Siemens. Xe chạy hơn nửa tiếng đồng hồ vẫn còn thấy những ống khói ngùn ngụt, những bức tường xây cao ngăn cách và những dãy cư-xá của công nhân, khang trang, lịch sự. Chỉ riêng khu vực Berlin, hãng Siemens đã thu dùng gần 40 ngàn công nhân. Tưởng cũng nên biết, ở nước Đức nghề tay chân kiếm được nhiều tiền hơn làm thầy thông, thầy ký. Một giáo chức lương mỗi ngày trung bình từ 20 đến 30 DM, nhưng một người xúc tuyết mỗi giờ có thể lãnh 9 DM. Berlin là thành phố kỹ nghệ lớn nhất nước Đức với 300.000 nghiệp vụ lớn nhỏ. Đứng đầu là kỹ nghệ điện. Nổi tiếng nhất là các máy đo điện tử hết sức chính xác. Ngoài ra, Berlin còn chiếm giải quán quân về mức sản xuất cơ giới, thực phẩm, tơ nhân tạo, dụng cụ hóa học và có cả cơ sở nghiên cứu của hãng Zeiss chuyên cung cấp những ống kính lớn và tốt cho chương trình thám hiểm không gian của Mỹ. Những dụng cụ truyền hình đặt trên mặt trăng đều dùng ống kính của hãng

Zeiss. Và lẽ tất nhiên Von Braun, người đã đưa bước chân phàm-tục của Nhân loại dẫm lên mặt Nguyệt cầu lần đầu tiên cũng vốn là dân Đức. Kẻ viết bài này đã có dịp đến thăm ngôi làng Oberaudorf, nơi nhà bác học tài ba của thế giới cư ngụ rất lâu trước khi bị cưỡng bách sang Mỹ.

Rời Siemensstadt, xe chúng tôi chạy chậm chậm qua khu vực của người Pháp. Chiếc mũi tên lớn đặt ở ngã tư với chữ «Gendarmerie» to tướng làm tôi rung mình ớn gáy, nhớ lại thời kỳ móng vuốt của bọn Hiên binh này chụp xuống đầu bao nhiêu lương dân Việt-Nam vô tội, bao nhiêu liệt sĩ cách mạng sa cơ thất thế. Dưới tay bọn này còn có cả một màn lưới chớ sẵn do bọn khuyển mã trung thành với «Mẫu quốc Đại-Pháp» hoạt động. Và lịch sử cho thấy dân-tộc Việt-Nam đã ê chề điêu đứng vì bọn «bản xứ» này hơn là giặc Pháp. Ngày nay, bọn đầu trâu mặt ngựa đó đang vỗ ngực lớn tiếng nói đến yêu nước thương nòi dưới sự dẫn dắt của những chủ-nhân-ông mới. Chiến tranh tiếp diễn và con mồi Việt Nam khuyu dần xuống bãi chết. Năm 1806, Berlin (cách Paris 1070 cây số) cũng đã nếm mùi cay đắng dưới gót giày giặc Pháp trong suốt ba năm. Vào thế kỷ XVII, hơn 7000 người Pháp theo đạo Tin lành đến tị nạn ở Berlin để tránh sự bách hại của chính quyền đương thời. Chính con cháu của bọn này đã mở đường cho giặc Pháp tràn vào nơi nuôi dưỡng chúng.

Trên đường về khách-sạn, xe chạy qua những «xa-lô nổi» rộng thênh-thang xây cách mặt đất hàng mấy chục thước. Từ cao nhìn xuống, xe cộ vùn-vụt như tên bắn, bằng chỉ-dẫn chẳng-chịt như mắc cửi, tôi chóng cả mặt không phân-biệt nổi đường nào lại đường nào. Cái giòng thác-lũ muôn chiều đó cứ trôi xa mãi về tận Spandau. Giáo-sư Kunze bùi-ngùi cho chúng tôi biết, vùng này trước kia là mồ chôn dân Đức, khi quân Nga vào Berlin.

Quân Nga từ Stalingrad vượt 3000 cây-số tràn đến. Mặt Bắc, Joukov với 7 quân-đoàn, mặt Nam Koniev với 6 quân-đoàn, tổng-số lên đến hai triệu người cộng thêm 22.000 đại-bác, 6000 chiến-xa và 7000 máy-bay. Quân Nga ùn-ùn như nước vỡ bờ, không gì cản nổi, không một tắc đất bỏ sót, các sử-gia gọi chiến-thuật của họ là «rouleau compresseur» (máy cán). Lúc 3 giờ sáng ngày 30-4-1945 Hitler và tình-nhân Eva Braun tự-sát. Nửa triệu quân Đức nỗ-lực cầm-cự thêm một thời-gian rồi tất cả bị bắt làm tù-binh. Đám dân-sự chiến-đấu gồm đàn-bà con nít bị trưng-dụng để đào hầm, đắp mô, vỡ tan như đàn ong. Quân Nga khép chặt vòng vây, cắt Berlin làm hai mảnh ở khoảng Tiergarten. Nửa thành-phố chìm trong biển lửa ngùn-ngụt, ống dẫn hơi phát nổ, lửa bốc cao 10 thước, máy nước bề làm ngập các Keller (hầm rượu) dân Đức trốn trong đó phải ngóc đầu lên và bom đạn quét gục. Đám thường-dân tràn về phía Tây, định vượt qua

cầu Charlotte, Pichelsdorf, Spandau bị nghẽn lối, đâm đạp lên nhau mà chết, Xác trẻ em chà bầy cả mặt đường, máu nhuộm đỏ các giòng sông Spree, Landwehrkanal, Havel...

Các họng đại-bác và máy bay Nga xối đạn xuống đầu dân chạy nạn. Những dàn hỏa-tiên Katiushas (mỗi lần phóng 16 hỏa-tiên) vùn-vút như mưa bắc. Hai mươi ngàn dân Berlin chết cong queo ở các ngõ ra ngoại-ô và 100 ngàn khác gục ngã tính đến ngày quân Nga vào được Berlin. Những người bị thương đều bị bắn chết vì chữa tổn thuốc. Trước thảm cảnh đó, 6000 người đã quần-trí tự-vận. Lúc đến chơi Kassel, nghe dân vùng này kể chuyện, chỉ trong một đêm 4-10-1944, 21.000 dân Kassel đã bỏ mạng dưới trận mưa bom của các máy bay Đồng-Minh, tôi đã rừng mình ớn gáy, không ngờ Berlin lại thê-thảm nhiều hơn thế nữa. Ngày nay, những người dân Berlin đứng tuổi, mỗi khi nghe nhắc lại còn hãi-hùng khiếp-đảm. Họ tin là quả-báo do Chúa phạt vì trước đó vào năm 1940, quân Đức tấn-công vào Pháp, Bỉ... cũng đã tàn-sát ghê rợn như thế. Sau khi Berlin thất-thủ, viên thái thú đầu tiên Staline cử đến cai-trị Berlin là Berzarine, một tên tướng mặt sắt. Nga chiếm Berlin xong, hai tháng quân Đồng-Minh mới đến. Điềm này đã gây thắc-mắc cho các sử-gia không ít. Tại sao Đồng-Minh lại để Nga tung-hoành ở Berlin như thế? Phải chăng đã có một thỏa-thuận ngầm giữa Churchill, Staline, Roosevelt

ở Yalta vào tháng 2-1945 ? Vì khi quân Nga chưa vào Berlin thì 82 sư đoàn quân A h (gần 5 triệu người) và hơn một triệu quân Mỹ do Simpson chỉ-huy đã đến bên bờ sông Elbe, cách Berlin 60 cây-số, bỗng nhiên đột-ngột dừng lại ! Một điều lạ-lùng nữa là không biết Hitler đã chết chưa, vì khi Krebs (rất giỏi tiếng Nga) theo lệnh của Goebbels đến thương lượng với thống-chế Tchouikov, được Tchouikov cho biết có đến ba Hitler giống nhau như tạc năm chết. Do đó có thuyết cho rằng Hitler thực trước đó đã về Alpenfestung (pháo-lũy xây trong rặng núi Alpen ở Nam-Đức) rồi hành-tung mất-hút. Thực hư chưa biết thế nào, chỉ biết sau đó dân Berlin sống hết sức cùng khổ. Mỗi ngày từng đoàn người gầy-guộc đứng nối đuôi nhau chờ quân Nga phát - chần cháo và nước uống. Các cô gái Berlin đói quá phải bán rẻ tiết-trình lấy một thỏi súc-cù-là hay ít củ khoai tây. Toàn bộ tác-phẩm của Goethe, một sinh viên Đức mang đi không đến 10 điều thuốc. Văn-chương rẻ mạt ! Anh Mullet, người hướng-dẫn tâm-sự : — « Bọn lính Đồng Minh đặt ra những bài hát làm sỉ-nhục chúng tôi, rồi thuê gái Đức vừa hát vừa chuốc rượu. Không có gì ăn nên nhiều người phải nuốt nhục mà sống : « Giáo-sư Kunze đột-ngột hỏi tôi có biết một bài thơ Tàu rất nổi tiếng mà ông quên tên tác-giả, nói đến chuyện xướng xa sỉ-nhục đó không ? Tôi ngần mặt tò-te. Ông bèn tỉ-mỉ kể lại nội-dung tôi mới đoán ra là bài

« Dạ Bạc Tần Hoài » của Đỗ-Mục. Tôi khe-khẽ ngâm bằng tiếng Việt cho ông nghe !

« Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa ».

« Dạ bạc Tần Hoài cận tửu-gia ».

« Thương nữ bất tri vong quốc hận ».

« Cách giang do xướng Hậu-đình-hoa ».

(Nước giá lồng khói sóng,

Cát vàng dải trắng ngà,

Bến Tần màn đêm rữ,

Thuyền đậu sát tửu-gia.

Gái ca nào đâu biết,

Nguy vong hận nước nhà,

Cách sông còn vắng-vắng,

Khúc hát Hậu-Đình Hoa.)

Giáo-sư Kunze mỉm cười nói tiếp :

— « Cái cảnh ô-nhục trên bến Tần ngày xưa tưởng chỉ là sản-phẩm tưởng-tượng của văn-chương Trung Hoa, không ngờ đã thực-sự xảy đến với chúng tôi trên giòng Spree rồi đây ông Nguyễn ạ ! »

Cũng vì cảnh thống khổ ô nhục không thể quên đó mà dân Đức, với bất cứ giá nào không để mất Tây Bá Linh. Mấy năm trước, chủ tịch Ulbricht của Đông Đức lập đi lập lại mãi lời đòi hỏi từ năm 1967 : « West Berlin, das auf dem Territorium der DDR liegt, und rechtlich zu ihr gehört » (Tây Bá Linh nằm trong lãnh thổ Đông Đức, như vậy thuộc về Đông Đức là điều hợp lý). Hợp lý với Đông Đức, nhưng không hợp với Tây Đức. Từ chín năm trước đó

(1958), trong một phiên họp khoáng đại, Quốc hội Tây Đức đã khẳng định: «Berlin là một tiểu bang của Cộng Hòa Liên Bang Đức» (nguyên văn: Berlin ist ein Land der Bundesrepublik). Đó là tiểu bang thứ II (elftes Bundesland). (1) Và họ đồng thanh xem Berlin vẫn là thủ đô của nước Đức, Bonn chỉ là nơi làm việc tạm thời. Nhân viên chính phủ được đưa đến Berlin làm việc. Mỗi năm Quốc hội Đức đến họp ở Berlin hai lần và Tổng Thống Cộng Hòa Liên bang Đức có một «Amtssitz» (phòng làm việc) thứ hai ở Berlin. Trong Hạ viện (Bundestag), Tây Bá Linh có 22 đại diện trên tổng số 518 dân biểu của toàn quốc. Và trong Thượng viện (Bundesrat), có 4 trên tổng số 45 Nghị-Sĩ.

Trong những năm vừa qua, Thủ Tướng Willy Brandt (nguyên Thị trưởng Tây-Bá-Linh) mở rộng chính sách ngoại giao của ông nhằm nói chuyện trực tiếp với khối Cộng sản. Ngoại trưởng Walter Scheel sang Mạc-tư-khoa, Ba-Lan ký kết nhiều hiệp ước có lợi cho nước Đức (dù phải tạm thời hy sinh một phần lãnh thổ bị chiếm). Tại Kassel, Erfurt Willy Brandt đàm phán trực tiếp với Thủ tướng Willi Stoph của Đông Đức. Sinh viên biểu tình đánh lộn với cảnh sát, trưng biểu ngữ chữ bị không tiếc lời. Độ ấy tôi đọc thấy những câu chát chúa như «Zwei Willi zuviel» (Hai tên Willi nhiều quá), «Mauermörder ins Zuchthaus» (Tổng cò tên sát nhân xây tường ô nhục vào tù!), «Weg mit der Mauer!» (Cút

đi với bức tường!), «Wie lang noch Schiessbefehl» (Lệnh bắn bỏ còn kéo dài đến bao giờ?), «Willi Stoph und Willy Brandt verraten unser Vaterland» (Willi Stoph và Willy Brandt phản bội tổ quốc chúng ta). Kẻ khuynh tả thì lớn tiếng hô: «Hoch, hoch Willi Stoph» (Hoan hô, hoan hô Willi Stoph)... Nhưng đây cũng là một nét lạ lùng khác của người Đức. Đài Đông Đức chửi Tây Đức ra rả suốt ngày nhưng khi Thủ tướng Brandt bắt tay thẳng với Nga, có lợi chung cho nước Đức thì Đông Đức im lặng không nói một tiếng, dù sự kiện này gây bí mật cho mình. Điều ấy cũng đủ khiến cho các quốc gia khác lo sợ. Con sư tử Đức trong lúc thất thế giả vờ xích mích nhau, nhưng biết đâu, biết đâu ngày kia nó bứt xiềng vùng dậy!

Đêm ấy ngồi trong một rạp hát ở gần ngoại ô xem vở tuồng «Gespenter» của tác giả Thụy điển Henrik Ibsen, cảnh tượng hải hùng của Berlin năm 1945 nhảy múa trong trí tôi, át hẳn cả những màn hấp dẫn trên sân khấu.

(1) 10 tiểu bang khác là: — Schleswig — Holstein (rộng 15.658 csv, thủ phủ: Kiel dân số khoảng 2 triệu rưỡi) Hamburg (747 csv, ds khoảng 2 triệu), Niedersachsen (47.392 csv, tp Hanover, ds khoảng 7 triệu), Bremen (404 csv, ds gần 750 ngàn), Nordrhein - Westfalen (34.045 csv, tp Düsseldorf, ds khoảng 1 triệu), Hessen (21109 csv, tp Wiesbaden, ds khoảng 5 triệu rưỡi), Rheinland-Pfalz (19.831 csv, tp Minz ds gần 4 triệu), Saarland (2567 csv, tp Saarbrücken, ds khoảng 17 triệu 112) Bayaern (70.532 csv tp Munchen ds hơn 10 triệu), Baden Württemberg (35.750 csv, tp stuttgart ds 8 triệu rưỡi).

Nỗi thèm lương tiếp tục ám ảnh tôi trên xe Oberbus (hai tầng sơn màu vàng), trong tiệm giải khát và cả trong giấc ngủ mệt nhọc.

Những ngày kế tiếp chúng tôi tiếp tục thăm các thắng tích Berlin như viện bảo tàng Neue Nationalgalerie, lâu đài Charlottenburg, nhà thờ Kaiser Wilhelm Gedächtniskirche..., Viện bảo tàng Neue Nationalgalerie ở số 50 đại lộ Potsdamer Strasse, mới hoàn tất năm 1968, xây theo sơ đồ của Mies van der Rohe. Tầng dưới đất trưng bày nhiều bức tranh quý của những nhà danh họa như Picasso, Chagall, Renoir, Monet, bên trên nhiều tác phẩm điêu khắc bằng đồng rất lạ mắt của các nghệ sĩ hiện đại Đức. Nhưng đẹp hơn cả là loại tác phẩm điêu khắc bằng nhiều chất liệu khác nhau mà tiếng Đức gọi chung là Plastiken, ít được thấy ở các nơi khác. Có tác phẩm lắp toàn bằng chất nhựa nhân tạo kết thành ống, cứ hai phút lại đổi 6 màu liên tiếp khi dòng điện chạy vào. Ngoài vườn bảo tàng viện, cũng trưng bày nhiều tác phẩm bằng đồng, bằng đá rất đẹp, đứng trơ giữa tuyết sương.

Thủ đô Berlin còn có nhiều bảo tàng viện khác nữa như Verkehrsmuseum, Deutsche Luftfahrtsammlung... nhưng như thế cũng đã tạm đủ, chúng tôi dành thì giờ thăm các lâu đài. Lâu đài đẹp nhất là Charlottenburg Schloss ở Luisenplatz do kiến trúc sư J. A. Nering xây năm 1695. Trước kia là nơi nghỉ mát của Hoàng hậu Sophie Charlotte, về sau nói

rộng thêm để vua Friedrich đệ nhất và đệ tam ngự đến chơi. Cánh phía Đông hoàn tất năm 1743 do kiến trúc sư Knobelsdorff đảm trách, khu này hiện dùng làm bảo tàng viện. Muốn vào xem chúng tôi phải mang những đôi dép bằng lông rất lớn, đi lết lết trên mặt nền láng bóng. Phòng ốc thếp vàng lộng lẫy, bàn ghế phủ gấm vóc đủ màu, nhưng có vẻ chật chội nhỏ bé. So với các cung thất của vua Ludwig II ở Chiemsee còn thua xa chứ đừng nói đến Schönbrunn ở thành Wien hay điện Versailles ở Paris. Chúng tôi ra ngồi ở công viên lâu đài sưởi nắng. Hơi Thu hiu hắt, buốt và khô se, theo kinh nghiệm của dân địa phương, thời tiết báo hiệu một mùa Đông tê tái, dài hơn thường lệ.

Những buổi chiều kế tiếp, rảnh rỗi, ít bị chương trình chi phối, tôi tản bộ ra Kurfürstendamm xem các ông già đẩy xe hát rong. tiếng Đức gọi là Leierkastenmann. Dụng cụ hành nghề là một chiếc máy hát quay tay (orgue de la Barbarie) sơn phết sặc sỡ, có gắn bánh xe để di chuyển. Xe đậu bên đường phố, bọn con nít bu lại, mỗi đứa bỏ 50Pf và ông già bắt đầu quay. Tiếng nhạc êm tai vang lên, lôi cuốn mọi người dừng lại. Một người Đức nói với tôi rằng, Leierkastenmann là hình ảnh độc đáo của các thi sĩ hát dạo (Minnesänger) vào thời Trung-cổ còn sót lại. Ở Amsterdam, tôi cũng thấy có những chiếc xe hát rong này nhưng lớn và đẹp hơn, cũng như

tiếng nhạc rầm rộ thu hút hơn.

Nhưng thích nhất là dán mũi vào tủ kính xem hàng hóa. Phố xá Berlin thì không thể nói hết vẻ lộng lẫy, xem bao nhiêu cũng không biết chán. Ngoài các nhà bán hàng lớn như Exquisit, Fasetti, Fayencen, Hartog Praesent... hoặc quen thuộc như Bilka, Neckermann, Defaka mà du khách đến bất cứ tỉnh nào ở nước Đức cũng thấy, ở Berlin còn có một nhà bán hàng độc đáo khác mang tên KaDeWe, lớn nhất Berlin. KaDeWe là chữ viết tắt của Kaufhaus des Westens (nhà bán hàng của khu Tây). Mất hết một buổi chiều, chân mỏi rục, đầu choáng váng, mà tôi xem vẫn không hết hàng hóa trưng bày trong ngôi nhà hàng này. Chỉ việc lên, xuống thang cuốn cũng đủ mệt ngất và hết thời giờ. Từ một cây kim đến một chiếc máy giặt, một bộ xa lông, từ hộp sò Nhật bản đến gói bún tàu sản xuất ở Long Môn hay hộp trứng cá Caviar của Nga, mỗi đều không thiếu một thứ gì. Giá lại tương đối rẻ hơn bên ngoài. Người ra vào tấp nập chen chân không lọt. Nhà hàng có nhiều tầng lầu rộng mênh mông chứa ước đến mấy ngàn người, mỗi loại hàng chiếm một khu riêng biệt. Món nào cũng ghi sẵn giá cả hẳn hoi, khách chỉ việc lấy mang đến kết trả tiền, không có chuyện nói thách hay «cò kè bớt một thêm hai» như ở nhiều xứ khác. Người Đức rất khôn trong nghệ thuật chiêu khách, ít khi họ ghi giá bán bằng một con số chẵn. Ví dụ

một chiếc sơ mi giá 12DM, sẽ thấy ghi IIDM98. Đọc con số II khách hàng sẽ có cảm tưởng rẻ hơn rất nhiều, thực ra chẳng rẻ bao nhiêu. Mua hàng khách có thể trả góp nhiều kỳ hoặc mua trước cuối tháng lãnh lương trả sau. Trường hợp không đem theo tiền có thể đưa sổ chương-mục trả thẳng ở ngân hàng. Hàng hóa bất kỳ lớn nhỏ, nếu có lời yêu cầu, nhà hàng sẽ cho xe giao tận nhà. Một cách chiêu khách khác cũng rất hiệu nghiệm. Mỗi khi thối tiền, nhà hàng tặng luôn cho khách một số tem giống như loại tem đơn nhưng nhỏ, ghi rõ tên, địa chỉ của nhà hàng, nhiều ít tùy theo tỷ lệ số tiền khách mua hàng. Những con tem riêng ấy khách dồn lại, rồi mang đến cho nhà hàng đổi lấy một số tiền mặt. Một điều cần thiết phải nhớ là món nào, dù lớn dù nhỏ cũng đều có máy tính tự động xuất trình biên lai. Khách giữ biên lai để tránh rắc rối khi có việc khiếu-nại hoặc nghi-ngờ gian-lận. Không biết ng trời Đức có áp-dụng câu châm-ngôn «Kỹ-nghệ nuôi kỹ-nghệ» không, chứ theo cung cách bán hàng kèm nhau của họ, đủ thấy các nhà sản-xuất nương vào nhau mà sống. Tôi nghĩ rằng nhờ thế kỹ-nghệ của họ tiến mạnh và đều. Chẳng hạn mua một chiếc quần, thường có sẵn một giây thắt lưng, mua một chiếc áo vét có thêm một mắc áo, và những chiếc xắc ny-lông mà các bà ở Sài Gòn phải mua mỗi cái 20 đồng để đựng đồ, ở Đức họ chất từng tập lớn ngoài quầy hàng, khách muốn dùng bao

nhiều tùy ý, khách mua có cảm-tưởng như các vật ấy là những tặng-phẩm riêng, thực ra đã tính trong giá hàng từ trước. Hàng-hóa của Đức chế-tạo hàng loạt (en série) do đó mỗi năm nếu bán không hết thì cũng phải tổng-khứ theo lối hạ giá vì qua năm sau thị-trường sẽ tràn ngập những loại hàng mới và tất nhiên theo những "mode" mới. Ở Đức vì thế có hai dịp mua hàng rẻ. Dịp thứ nhất gọi là Sommer Schluss Verkauf (hàng bán cuối mùa hè) và Winter Schluss Verkauf (hàng bán cuối mùa Đông). Mỗi dịp chỉ kéo dài chừng một tuần hoặc mười ngày. Đây là những cơ-hội tốt cho con nhà nghèo mua sắm. Một chiếc sơ-mi bằng vải dày ấm, từ đầu mùa Đông giá 21 DM, bây giờ hạ còn 16 DM. Một đôi giày từ đầu mùa Hè giá cắt cổ 40 DM, giờ sụt còn 30 hoặc có khi 20 DM. Lẽ tất nhiên mua xong phải đề đến sang năm mới dùng, vì khi bán đồ cuối mùa Đông, mùa Hè đã đến kề, và bán đồ mùa Hè, thời tiết đã sắp vào Đông. Tuy nhiên chỉ hạ giá những món hàng "đáng hạ giá" hoặc đã không còn hợp-thời-trang, còn những loại hàng tốt giá cả chỉ hơi hơn chút ít. Giá thường đi đôi với phẩm, khách hàng không sợ mình mua lầm. Sách vở tranh ảnh cũng thế. Nếu gặp lúc bán "tổng khứ" thì giá cả chỉ còn khoảng 1/3. Chẳng hạn như loại sách bỏ túi của các nhà xuất-bản Ullstein-Bücher, dtv, Moewig-Taschenbücher, Heyne-Bücher... giá bình thường mỗi cuốn 2,8 DM nhưng có lúc bán đồng loạt mỗi cuốn 1 DM. Mỗi tấm

bưu ảnh thông-thường giá 30 Pf nhưng vào tiệm Karstad hay Bilka hạ còn 10 Pf. Mua nhiều đôi khi còn được "reduziert" (hạ giá) thêm nữa.

Buổi tối, tôi rủ cô Ess đến xem thánh đường Kaiser-Wilhelm-Gedächtniskirche nằm giữa Kurfürstendamm và đại-lộ Tauentzien. Ngôi thánh đường này trong đệ-nhị thế-chiến bị bom đạn tàn-phá chỉ còn trơ lại một chiếc lầu chuông. Kiến-trúc-sư Egon Eiermann đề nguyên chiếc tháp chuông tang-tóc, xây thêm hai bên hai cơ-sở thờ-phụng mới hình bát-giác, ghép bằng kính màu, cơ-sở bên trái nhỏ và cao, trên nóc dựng một thập-tự-giá màu vàng ánh, cơ-sở bên phải thấp và rộng. Nhờ vẻ độc-láo nửa tân nửa cựu ấy mà nó được chọn làm biểu-tượng (Wahrzeichen) của thành-phố Berlin. Vào xem nhà thờ ban ngày, chỉ thấy những bức bích-họa nổi bằng thạch-cao trắng toát, kể lại những sự-tích lịch-sử dưới thời Hoàng-đế Wilhelm, cầu thang lên tháp cao bị rào cản, nhưng ban đêm thật hết sức đẹp. Ánh-sáng tỏa qua khung kính màu tím, tạo nên một vẻ huyền-bí, diễm-ảo lạ-lùng. Tuy nhiên du-khách phải đề phòng bọn Hippy. Chúng thường quần tam tụ ngũ, đánh lộn nhau, xán đá bẻ cả cửa kính và làm u đầu nhiều người qua đường. Trên lề đường cạnh đấy, chúng bày bán những tác-phẩm do chúng vẽ, nhiều bức các bà thoáng nhìn đỏ cả mặt mày. Bọn Hippy da đen thì đeo gổ tạo những bức tượng đàn-bà Phi-châu rất mỹ-thuật

và bán với giá rẻ. Trong bọn Hippy có nhiều cô thật đẹp. Đi thêm một quãng, chúng tôi vào tòa nhà Europa-Center xem trượt Ski trên nước đá. Sân trượt do tư-nhân khai-khắc, giá biểu tùy theo thời khắc, hình như mỗi giờ 3 DM. Màu áo ngũ sắc lướt vèo dưới ánh-sáng neon, rực-rỡ như những cánh bướm trong vũ khúc Nghệ-thường. Trong đám, có rất nhiều giai-nhân Đông-Phương. Trên đường về ngang qua nhà bán đèn điện Lichthaus Mösch, chúng tôi bị chìm ngập giữa một rừng ánh-sáng. Tất cả những chiếc đèn đủ cỡ, đủ màu đặt trong mấy tầng lầu, chung quanh ngăn bằng kính, đều thấp sáng rực. Ánh-sáng tỏa rộng bao kín cả một góc phố.

Ngày cuối cùng, trước khi từ giã Berlin, phái-đoàn chúng tôi được ông Thị-trưởng mời dự một buổi tiếp-tân ở tòa Đô-chính. Giáo-sư Kunze muốn nhân dịp này cảm-tạ chính-quyền địa-phương đã tận-tình giúp-đỡ chúng tôi trong suốt thời gian thăm viếng. Vì những chuyến xe buýt chở chúng tôi du-ng ngoạn cũng như vé xem các tuồng hát đều do công-quỹ của Berlin đài-thọ. Vào giờ chót, ông Thị-trưởng Berlin bận họp khẩn, nên cử bà Hoppe, đại-diện cao-cấp đến đón chúng tôi tại phòng khánh-tiết. Bánh ngọt và thức uống dọn ra. Bồi bếp diện toàn đồ trắng, cổ thắt nơ lịch-sự, qua lại lãng-xăng. Trên tường phòng vẽ nhiều bức tranh lớn, di dỏm kể lại lịch sử nước Đức và lịch sử của thủ đô Berlin. Bà Hoppe đã đứng tuổi nhưng khuôn mặt có duyên,

niềm nở bắt tay chúng tôi. Những câu nói văn hoa của một nhà nghị-lễ ngoại-giao chuyên đặc-trách đón tiếp các chính khách quốc tế đến thăm Berlin, nở đều trên môi cùng với nụ cười cố hữu. Nụ cười ngoại-giao ấy gặp tính thích bông đùa của giáo sư Kunze, đã biến hàn tiệc thành một Hội Xuân bất tận. Bà Hoppe thắc lời nhân dân Berlin cảm ơn chúng tôi đã đến thăm thành phố này và không quên hỏi xem chúng tôi có cần gì bà sẽ hết lòng giúp đỡ. Cuối cùng bà vui vẻ nói: « Xin quý vị nhớ chụp một tấm hình kỷ niệm trước tòa đô chính này. Thành phố Berlin là kết tinh của một chuỗi dài biến cố. Mỗi khi một biến cố xảy đến cho Berlin thì trên mặt kính truyền hình ở khắp thế giới đều có hình tòa Đô chính này. Lúc đó quý vị sẽ nhớ lại kỷ niệm hôm nay và bảo: À ta đã đến thành phố này rồi! » Chúng tôi vỗ tay hoan hô và một đại diện sinh viên đứng lên nói mấy câu cảm tạ. Buổi tiệc trà chấm dứt sau hai giờ chủ khách thân mật chuyện trò.

Suốt một tuần ăn toàn thức ăn của Đức ngán ngấy, tôi thèm cơm, bèn rủ mấy cô Thái-Lan đi ăn cơm Tàu. Chúng tôi vào một tiệm Phở-ky ở trước Zoopalast. Quán đông người. Chúng tôi chọn một bàn gần cửa kính, ngồi đấy thấy rõ phố xá bên dưới. Món khai vị là một « bát » mì thập cẩm. Nghe nói chữ « bat » tôi thích quá, trí liên tưởng đến những tô phở bụi ở đường Hiền-Vương nhưng, khi bồi bưng lên thì

than ôi cái mà bọn « con trời » ở đây gọi là tô, bát chỉ là một chiếc chén tách uống nước. Tôi xúc chưa đến ba muống đã hết và giá mỗi bát 3,5 DM.

Đang ăn chợt thấy bốn người Á Đông đi vào, người nào người nấy tóc dài ngang vai, mặc blouson ngắn, vẽ mặt đen bệch. Cô Prathomrat ghé sát tai tôi nói: — « Có lẽ là Hippy Thái - Lan ». Tôi cũng nghĩ đen - điu như thế chắc là Thái Lan hoặc Phi Luật Tân. Một lát nghe một người nói :

— « Địt mẹ ! Kêu đĩa lớn ăn cho lại sức mày ! »

Một giọng khác nói thêm : — « Chơi đéo sướng ! Mệt thấy bà ! »

Tôi nhảy nhồm như bị điện giật, vừa mừng vừa sợ. Mừng vì lâu ngày gặp được người đồng hương cũng như « cứu hạn phùng cam vũ » nhưng sao gặp nhau trong cảnh éo le như thế này ! Bây giờ, nếu đến làm quen, bọn họ có bị mặt không ? Một phần tôi sợ thế nhưng phần lớn sợ nhục quốc - thể với mấy người Thái - Lan. Cuối cùng đành ngồi trơ như phỗng đá với một nỗi buồn bất tận.

Sáng hôm sau, không ai bảo ai, chúng tôi đều dậy thật sớm. Chỉ còn ba tiếng đồng hồ trên đất Berlin, phải tận hưởng cho kỳ hết. Giáo sư Kunze móc bóp trao cho tôi một tấm danh thiếp khăn khăn khoản dặn dò :

— « Hiện tôi không còn phụ trách việc giảng dạy sinh viên nữa, chỉ ở nhà viết sách giáo khoa cho nhà

trường, chắc ít có dịp trở lên Berlin nữa. Khi nào về München, anh nhớ đi tàu đến Krailling thăm tôi với ».

Tôi nắm tay ông, lòng run run cảm động. Chúng tôi tản - bộ qua những con đường còn phủ kín sương mai. Đi đề mà đi kéo sơ thời gian trôi qua uổng mất. Những đợt lá vàng vẫn tiếp - tục quay cuồng trong gió sớm. Giáo - sư Kunze khe khẽ thở dài.

10 giờ 15 xe buýt của tòa Đô - Chính chở chúng tôi lên phi trường. Đúng 11 giờ, chiếc Boeing 727 chở tôi ngược lên Hamburg, từ từ tén ra phi đạo. Qua khung cửa kính, tôi thấy giáo-sư Kurze và đoàn sinh viên đưa tay vẫy. Họ về München sau tôi 30 phút.

Nỗi buồn chợt tràn đến như thác lũ. Buồn thấm thía như một người tình nhớ một người tình. Tôi nhớ Berlin. Nhớ hương vị êm đềm của một thành phố mà các chính khách quốc-tế thường khen là « hiếm có nhất thế giới. Có lẽ vì sự « hiếm có » đó mà có người đã đề nghị nên dời tòa án quốc-tế Den Haag (La Haye) và diễn-đàn Liên-Hiệp-Quốc ở New York về Berlin. Đề nghị oái ăm kia kia suýt làm cho người Mỹ giận lây vì ganh tị.

— Paris, đêm đọc bản thỏa hiệp của Tứ-Cường liên-quan đến số phận Thủ đô Berlin.

TRẦN-LÊ NGUYỄN-VŨ

Tên đào ngũ

1. Chiếc GMC chở quan tài đậu sát vào mái tôn, quay đít gần cửa ra vào. Lá quốc kỳ bị gió bay, nên lệch sang một phía, để lộ hông quan tài gỗ tạc sơn một lớp dầu bóng đỏ ối. Người tài xế mở xe nhảy xuống, nói trống vào phía buồng lái :

— Xuống đi ! Phải ở lại đây tối nay rồi. Trời tối, ai dám qua truông. Bốn người lính ở phía sau nhanh nhẹn leo qua hông, đặt một chân lên bánh xe cao su, nhảy mạnh xuống nền xi măng. Bụi đỏ bay mù từ mấy bộ quần áo xốc xếch lem luốc. Có tiếng trẻ con khóc phía đầu xe. Người đàn bà mặt mày đờ gầy và lạc thần, đầu quấn khăn tang, thò đầu hướng về phía nhà tiền chế nói lớn :

— Mấy chú làm ơn mở cho cánh cửa. Nặng quá.

Một người lính đi lại phía bên phải xe, gắng hết sức mới mở bật được cánh cửa, rồi đưa tay dìu hai mẹ con xuống. Một tay ẵm đứa nhỏ độ một tuổi, một tay xách cái giỏ ni lông, người đàn bà phải đề mặc cho anh lính đỡ hai nách, cẩn thận bước xuống bậc thang. rồi chậm rãi vào trú dưới mái hiên. Đứa nhỏ ngo ngác nhìn chung quanh, nhận diện từng người, rồi lại khóc lên từng hồi. Người đàn bà ngồi bệt

trên nền trại, lấy bình sữa bằng nhựa núm vú vàng xin nhét vào miệng đứa bé. Nó núc vài ngụm, ậm ừ như muốn nghẹn nước, rồi quay đầu nhả vú ra khóc tiếp. Người đàn bà sợ làm phiền ông Chỉ-huy-trưởng, vội vã bồng con ra đứng dưới mấy gốc dương liễu lá rũ. Tân hỏi mấy người lính đang tiếp tục giữ bụi :

— Bị ở đâu đó ?

— Trên Phú Nhơn.

— Chở về đâu ?

— Miệt ngoài Bồng Sơn. Bây giờ đã sáu giờ chiều, qua truông sao nổi.

Toán lính trực thỏa mãn tò mò, lảng đi xa. Bốn người lính lạ hỏi Tân chỗ câu lạc bộ, rồi đi theo hướng Tân chỉ. Người tài xế mở nắp đầu máy kiểm soát dầu nhớt và bu gi, rồi cũng đi theo bốn người lính hộ tống. Một lúc sau, một người bung ra cho người đàn bà đĩa cơm và chai xá xị, xong vội vã quay trở lại câu lạc bộ. Đứa bé bây giờ đã hết khóc, nằm ngủ lả trên vai mẹ. Người đàn bà bồng con vào trong mái hiên, liếc nhìn lên quan tài thút thít khóc, rồi ngồi trên nền trại lơ đãng xúc cơm ăn. Gió bên ngoài bỗng thổi mạnh bốc bụi mù mịt, trong khi đêm chầm chậm trở về. Lúc ông Thượng sĩ nhẹ nhàng bước chậm cho ngọn nến khỏi tắt,

leo lên xe gắn lên nắp quan tài,
Tân hỏi :

— Tối nay toán nào gác cầu,
thượng sĩ ?

— Toán hai.

— Ủa, sao tụi nó không cho
tụi hay.

Ông thượng sĩ đứng trên xe,
không thèm quay lại, gắt gỏng :

— Mầy đi ghẹo gái cho đã rồi về
hỏi lời thôi. Có lấy đồ đạc ra lô cốt
mau lên không ? Cho mầy củ
bây giờ.

Tân chạy vội về phòng trực.
Người đàn bà vẫn ngồi chỗ cũ,
biếng nhác nhai cơm, hờ hững nhìn
mông lung về phía bóng tối trước
mặt. Phòng trực không còn ai. Bóng
đèn điện góc phòng lung lay theo
gió. Khẩu M 16, cái mũ sắt, và tấm
pon-cho của Tân còn bỏ lại trong
góc tối.

Tân đội mũ sắt lên, trí óc ràng
buộc vào cái rọ trách nhiệm. Sợi dây
nịt đạn quấn quanh bụng chặt chẽ
như quân kỷ. Đôi giày nặng bó cổ
chân, núu trĩu gân cốt như muốn chôn
sâu người lính đời đời kiếp kiếp
xuống giao thông hào, sau lỗ châu
lai, trong hầm lô cốt. Chỉ có khẩu
súng là nhẹ nhàng, đóng đưa trong
vòng ngón trỏ, tự do như chiều
đạn đạo.

Một mùi hôi gay gắt trộn lẫn
hương nhang thối vào chỗ Tân ngồi.
Bóng người đàn bà ôm con nôi hằn
trên nền sáng do ngọn đèn pha phía
bên kia trại. Tân lăm bằm :

— May tối nay mình ra cầu.
Không thì nằm đây lãnh đủ.

Lúc ra đến cổng trại, một trận gió
mạnh thổi ào ngăn cả bước Tân đi.
Tân đưa tay dụi mắt. Bên trong hàng
rào, có tiếng trẻ khóc. Khi nước mắt
chảy ra trôi hết bụi và mi mắt hết
còm còm xốn xang, nhìn trở vào
trong, Tân thấy ngọn nến trên nắp
quan tài đã tắt.

cOo

2. Tín chữi thề :

— Đ. M bây giờ mới ra. Lính
cậu hả ?

— Thôi mà người anh em. Lão
thượng sĩ đã cho anh lãnh đủ rồi.
Nỡ nào người anh em còn nặng tay.

Rồi chuyển sang giọng bình thường,
Tân bảo :

— Đã phân công chưa ?

— Rồi, mầy gác ca bốn.

— Với ai ?

— Tao không nhớ. À, hình như
với thằng Liễn.

— Tụi nó đâu rồi ?

— Giặt quần áo phía bên đò. Mày
làm gì cả buổi chiều nay không thấy
mặt.

— La cà lai rai vậy mà. Đầu tháng
dư tiền, không có sao.

— Nói giọng cha không. Sao không
nằm luôn trong trại cho bảnh ?

— Hôi không chịu nổi.

— Cái gì ?

— Cái xác. Có một con bị trận

Phú Nhơn, vợ lên lãnh về. Trời tối không dám qua truông, nên GMC chở vào gửi tạm đặng trại.

Tín liền thoảng hỏi :

— Con mẹ còn khá không ?

— Mầy liệu cái mồm. Cứ tưởng tượng mầy đang nằm trong hòm, nghe đũa khác hỏi vậy, xem mầy có nộ khí xung thiên đội nắp ngồi dậy không ?

— Cha chả, Sở Khanh nổi giận. Sở Khanh nổi giận. Chuyên viên bao thầu bây giờ bắt đầu sám hối.

Thấy Tân giận thực sự, Tín nói lảng sang chuyện khác :

— Tao mới mua được cái cát-xét Hitachi.

— Bao nhiêu ?

— Chín ngàn. Nghe thử không ?

Tín mở máy. Tiếng một nữ ca sĩ danh tiếng nỉ non, tha thiết :

— Các anh đi, ngày ấy đã lâu rồi. Các anh đi biết bao giờ trở lại. Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong. Làng tôi nghèo nho nhỏ bên sông. Gió bắc lạnh lùng thổi vào mái rạ. Làng tôi nghèo, nắng mưa tới tấp, trai gái trong làng vất vả ngược xuôi...

Tân đưa tay tắt máy :

— Nghe mùi quá. Nhưng đâu phải tụi mình. Nói chuyện tụi nó ngày trước mà.

Tín cãi :

— Thì áp dụng cho tụi mình cũng được, có sao đâu. Này này : Các anh về mái ấm nhà êm, câu nói tiếng cười

rộn rảng trước ngõ. Mình đi hành quân tảo thanh, đem lại an ninh cho đồng bào.

Tân xi một tiếng trước khi trả lời :

— Mầy đi lính mấy năm, mà như trên cung trăng rơi xuống. Khi m'nh tiến vô, nhà cửa cháy hết trơn, có ma nằm đó nhăn răng cười với mầy. Có bài nào nói chuyện tụi mình không ?

Có một bài mới. Mặt phía bên kia. Chờ một chút tao cuộn băng trở lại đã.

Tân lấy thuốc hút, nhìn xuống bãi cát chân cầu. Anh hỏi :

— Đêm nay có trăng không ?

— Có, mười bảy ta mà.

— Vậy là đỡ khờ rồi. Tao gác ca tư, trăng sáng quắc, đồ đũa nào dám bếng mắng tới châu cầu.

Tín đã sang băng xong, mở máy trở lại :

— Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời, xin trả lời mai mốt anh về... Anh trở về hàng cây nghiêng ngả, anh trở về có thể bằng hòm gỗ cài hoa. Anh trở về, trên chiếc băng ca, trên trục thặng sơn màu tang trắng...

Tân lại đưa tay tắt máy, lăm bằm :

— Thôi. Đề yên nghe nước chảy còn hơn.

Anh ra phía cầu, đá xuống dòng sông đen. Tín nói lớn :

— Mầy tục tĩu quá, không hiểu sao tụi con gái mê mầy.

Tân gài lại nút quần, trả lời :

— Tao khời đúng chỗ ngựa giấu kín sau cái mặt nạ ngoan ngoãn con nhà, sau cái vỏ mỏng ngây thơ. Còn tội bay thì cả tin, nên hồng hết.

Rồi không muốn dây dưa tranh luận, Tân bảo :

— Tao đi tắm một chút. Tội nó trở lại, mầy nói giùm là tao đã ra rồi.

oOo

3. Tân trở lại đầu cầu, giờ vòng dây thép gai chui qua bên kia. Con đường mòn dốc xuôi xuống bãi cát phía dưới. Lá dứa gai cứa vào ống quần vài dày, chỉ nghe rào rào. Thích thú, thách đố, an tâm, Tân dầm bừa lên gai góc, bước nhàu lên mấy bụi ốc mè, không thèm theo lối mòn quanh co mình rần. Mấy khóm dứa đen quì mọp dưới gót, sau lưng. Một cây gai ngang? ngạnh đâm thủng lần vài, Tân thót người đau đớn, tức giận quật mạnh báng súng lên bụi đen, rồi dầm mạnh gót giày trên đó mà đi. Vài nhành khô gãy rúm, dòn tan.

Qua hết khóm gai thì đến bờ cát. Đã quen lối đi, Tân dừng lại bên một khóm cây rậm. Anh lấy nắp nhựa đây họng súng M. 16 lại, rồi cắm súng giấu sâu vào bóng tối. Đôi bàn tay bắt chợt rảnh rang, trở thành ngượng nghịu. Theo thói quen, Tân đưa tay lên vai định gỡ dây súng trước khi ngồi lên mô đất cứng. Anh lăm bằm chửi thề, thấy mình lú lẫn quên trước quên sau. Đôi bàn tay vẫn còn vụng về, mấy ngón cử động láu táu không biết phải làm cái gì. Tội

nghiệp! Chúng nó không quen ở không. Cho nên bàn tay này nắm ngón tay bàn tay kia bẻ iếp rộp, rồi bàn tay kia bẻ trả.

Trước mặt, bãi cát vàng nhờ nhờ chạy dài ra đến tận bờ nước đen, và Tân nhớ rõ mặt cát mịn đến nỗi bước chân lên trên, làn da chân mỏng vẫn có cảm giác êm ái bình thường như được ấp ủ triu mến bằng lớp vải len dày. Tân ngồi xuống mô đất, dây nịt đạn chằng ngang bụng, cọ mạnh vào xương sườn. Cởi được đôi cùm nơi hai chân, vòng tù nơi thân người nhấc được khối đời nặng nề trên đầu, Tân cảm thấy rơi hẫng vào trong khoảng khinh khí lơ lửng không nơi bám víu.

Bỏ mặc quân trang và vũ khí gần khóm cây, Tân định đi xuống bờ cát, nhưng nghĩ sao, bèn quay trở lại. Trăng đã lên từ lúc nào, chiếu rõ cái mũ sắt, dây nịt đạn, đôi giày thô, và cả báng súng nhựa. Anh giấu đồ đạc cẩn thận hơn, cho bóng tối che khuất, rồi tiện tay cởi luôn bộ quần áo treillis nặng nề hơi hám. Tân chỉ còn mặc một cái quần đùi và cái áo lót. Gió lùa vào khe nách, ống quần, thối dậy niềm khoan khoái, bùng lên ước vọng tự do.

Tân nhảy xuống lòng cát, tung tăng chạy khắp mọi hướng. Trăng mỉm cười. Gió mơn man. Cát hôn ấm lòng chân. Trời cao và đất rộng mời gọi. Sự sống man rợ, điên cuồng ngay

ngắt đưa bước chân thoăn thoắt, đưa đôi tay vung mạnh lướt tới, nghiêng nghiêng mặt người để hứng thuận chiều gió. Bàn tay đưa ra trước mặt chờ đón mà không nắm bắt, hy vọng mà không tham lam, để gió mát và ánh vàng lọt qua mấy ngón. Tân chạy nhảy, không cảm thấy mệt nhọc thoả thuê, và lúc đứng dừng lại, vẫn còn thấy lòng mình trống không để tiếp tục góp thu cái diệu vợi vô cùng của đất trời vào lòng.

Anh chạy theo bờ nước trong. Chân đạp rào rắc trên sỏi nhỏ ven sông, nước bắn tung lên mát dịu ống chân và bắp vế. Lúc chạy về phía trăng lên, bọt nước tỏa sáng quanh mình, rơi văng trên bãi, như các tia nước phun trong công viên thành phố.

Tân chạy thẳng theo đường nước cạn, rồi lại uốn mình ngoằn ngoèo như hình rắn, hết dậm chân trên cát ẩm lại dậm chân xuống nước róc rách mát rượi. Trong một bước lơ đãng, anh bước vào một hố sâu. Tân ngã xuống, nước ngập nửa người. Trăng mờ đi vì một đám mây vô tình. Anh hốt hoảng nghĩ :

— Không biết có đũa nào thấy chỗ mình giấu súng không ? Đã tới ca gác của mình chưa ?

Anh ngồi xuống cát, và bây giờ mới cảm thấy mỏi rã khắp người. Gót chân rất vì bị chà xát quá nhiều. Gió tăng thêm lạnh trên bộ quần áo ướt. Bóng cầu đèn đuôi choàng tay qua hai bờ xa tít, tham lam trơ trên.

Một trái hỏa châu từ quận lý bắn lên, chiếu màu đỏ kè bệnh hoạn lên

mặt sông, rồi tắt lịm để lại một vệt khói lững lơ dưới trăng.

Có tiếng keng đôi ca từ trên cầu vọng xuống. Tân cố nhú mảy đọc mấy chữ số trên đồng hồ. Chưa tới phiên mình ! Gió lạnh lẽo. Trăng nhợt nhạt. Nước rên rĩ. Bóng tối ma quái. Trong một cử động đột ngột cương quyết, Tân quăng cái đồng hồ rơi tõm xuống dòng sông đen. Tiếng vọng khích động cảm giác, và anh bắt đầu chạy như điên trên bãi, lội mạnh xuống dòng sông cho đến lúc nước ngập quá gối và chạy trở lên tận bờ cỏ ướt dọc theo doi cát.

Khi chạy như thế đến vòng thứ ba, vừa từ bờ cát trở về con nước, Tân đã thấy có bóng người ngồi lặng ở đấy rồi.

Bóng một người con gái.

oOo

4. Trăng đã lên quá ngọn tre xóm Đông hơn một con sào. Ánh trăng viền khuôn mặt người con gái, cho Tân thấy đôi mắt mở lớn hướng về phía ánh sáng và đôi môi cười. Mái tóc dài chìm trong nền tối, nhưng dáng người in rõ trên mặt cát ướt. Hai bàn chân cô gái ngâm dưới nước sông, khuấy động róc rách. Gió vẫn dịu dàng. Cát vẫn ấm nín. Trăng cười lặng. Chỉ có nước nhột nhột vì bàn chân khuấy động, không thôi rúc rích thích thú. Nửa như chế giễu nửa như thúc giục. Mồ hôi loãng theo gió thổi, làm Tân

lạnh lạnh da cò và xương sống.

Tân hỏi:

— Làm gì ngồi đây?

Cô gái không trả lời, không quay lại. Một lúc sau, cô mới hỏi lại:

— Làm gì mà chạy như ngựa chứng? Có say không?

— Ra ngồi đây lâu rồi à? Sao tôi không thấy?

— Say rồi thấy sao được?

— Chiều nay tới phiên gác cầu, không dám nhậu.

— Thiếu gì thứ say. Đâu phải chỉ có rượu. Say hơi đất. Say hơi lá. Say trắng say mây. Say sưa hơi ẩm của cát, say cái rúc đầu nhột nhột của nước trên mặt da...

Tân ngăn lại:

— Nói thật hay nói giỡn đó?

— Thật chứ. Tân không thấy tôi ngâm chân xuống nước à?

Tân lạnh mình, há hốc mồm không nói được gì. Một lúc sau mới hỏi lắp lửng, e dè:

— Sao biết tên tôi?

— Dễ ợt. Chú ý tìm hỏi thì phải ra. Chỉ cần hỏi mấy cô thợ may ngoài chợ. Tân sợ thực sự. Xương sống ớn lạnh. Tân hỏi, giọng ấp úng:

— Cô ngồi chỗ nào? Bàn máy góc bắc hay gần bên nhà hát bộ?

— Ờ hơ, Em có làm thợ may đâu. Nhưng em có một con bạn làm thợ may biết anh nhiều...

Tân vội vàng hỏi:

— Tên gì?

— Thôi, nói chi thêm rắc rối. Gia đình em làm nghề câu gỗ. Sống cột dưới gốc cây lớn kia kia.

— Vậy cô lên đây ngồi làm gì?

— Bắt người ta bơi dưới nước hoài sao? Cho lên bờ một chút không được à?

— Sao không được. Ai dám cấm. Nhưng tôi muốn hỏi sao dám lên ngồi đây một mình.

— Cha đi lên bờ mua đá đèn. Với lại, đâu phải chỉ có một mình...

Tân dớn dác nhìn quanh, hối hận đã không mang súng đến tận bờ nước. Phải gắng bạo dạn lắm. Tân mới hỏi được:

— Sao các bạn cô không ra mặt? Sao không ra ngồi nói chuyện cho vui?

— Chuyện gì? Có nói anh cũng không hiểu.

— Sao vậy?

— Anh nghĩ bạn em là ai?

— Làm sao biết được. Mấy cô thợ may ngoài chợ này. Mấy cô bán cá này. Mấy cô hái rau muống trên cầu này.

— Không phải. Lâu lâu em mới lên bờ mua cước với nước mắm. Mỗi lần cha đi chợ, em phải ở lại giữ sống.

— Sao khi nãy bảo quen với mấy cô thợ may ngoài chợ?

Cô gái không trả lời, lấy chân quấy

động mặt nước. Tân đánh bạo hỏi :

— Bạn em đang ở trên sông dưới kia phải không ? Mời họ ra nói chuyện đi.

— Bạn em à ? Chúng nó đâu biết nói.

— Cái gì lạ vậy ?

— Cha làm lì cả ngày. Trừ những lúc nói giống một sai em gỡ lưới, gỡ cây, cha em không nói gì hết. Em buồn tìm bạn nói chuyện cho qua ngày. Em nói với mấy con cá này...

Tân cắt ngang :

— Nói với cá ?

— Chớ sao. Em an ủi nó. Trông cái bụng trắng phau, cái vảy óng ánh bạc, đôi mắt trong, dễ thương lắm, mà cũng tội nghiệp nữa. Nhiều lần em gặp mấy con cá nhỏ lưng xanh vây pha hồng dấy dựa trong lưới như van xin. Em lén cha thả lại xuống sông. Em không biết nó lội về hướng nào, nhưng chắc chắn nó biết ơn em nhiều, buổi trưa cha cột sòng dưới gốc cây ven bờ nằm ngủ. Em thả chân xuống nước chơi. Chú cá thoát nạn hôm trước trở lại mơn man gặm chân em. Chắc nó đến cảm ơn.

Tân tò mò thích thú, quên nỗi sợ hãi ban nãy, hỏi :

— Có bao giờ gặp Long-cung thái-tử không ?

— Anh nói sao ?

— Có gặp Long-cung thái-tử không ?

— Thái-tử nào đâu ?

— Em không hiểu à ? Dưới nước có một cung điện nguy nga, trong điện cũng có một ông vua nước trị vì, gọi là Long-vương. Con ông vua gọi là Thái-tử. Mỗi lần đi chơi đây đó ở bờ bên bến sông. Thái-tử mang hình con rùa mai xanh, con cua mu đỏ...

Cô gái vỗ tay cười, rồi hỏi mau :

— Thái-tử có hóa thành cá không ?

— Có.

— Như vậy là em đã gặp thái-tử rồi. Một hôm em gỡ lưới được con cá mình xanh biếc, vây màu đỏ và trắng. Cả cha cũng không biết tên cá gì. Hai cái râu trước mép dài như sợi tơ. Em thả nó xuống nước trở lại. Mãi đến con trăng sau, em đang ngồi nhúng chân xuống nước thế này thì có con cá nhỏ đến gặm chân nhột nhột. Em mê mãi nhìn trăng quá nên lúc nhìn xuống nước, mắt lòa đi, không trông thấy gì. Em chỉ thấy một giải vàng trải trước mặt như con đường đất trải giữa sông. Em đứng dậy, em bước tới, bước tới nữa. Hình như nước rẽ hai bên vì em không cảm thấy ướt át. Mãi đến khi nước ngập tới cổ, em mới tỉnh hẳn và vội vàng bơi lại phía sông. Chắc Thái-tử mời em đến Long-cung quá.

Tân vội ngồi xa hơn, nhìn chăm chăm vào mặt cô gái. Đôi mắt cô vẫn sáng long lanh dưới trăng. Cái miệng vẫn cười, và cả khuôn mặt trẻ thơ bộc lộ một trạng thái lơ lửng giữa đất

và trời, ánh sáng và bóng tối, cõi thực và cõi tưởng. Cảm thấy khoảng cách giữa hai người đã đủ an toàn, Tân mới hỏi tiếp :

— Hèn gì. Bây giờ anh mới hiểu. Em ngâm chân dưới nước đợi bạn về ?

— Đêm nay nó không tới. Nhưng không sao. Em nói chuyện với người khác ?

— Lỡ không có anh thì sao ?

— Thiếu gì bạn. Nước này. Cát này. Trăng này.

Tân không khỏi tò mò, chồm đến gần, hỏi thật rõ :

— Nước biết nói à ?

— Nó chỉ nói nhỏ thôi. Khi buồn thì thì thầm. Khi vui thì rúc rích. Chỉ có nước dưới chân cầu là ồn ào. Lính họ rào dây thép gai, rác rến bám vào làm thành cái đập. Nước chảy xiết, kêu ồ ồ. Không đời nào em thềm lên đến găm cầu.

Tâm nhớ đến nhiệm vụ :

— May dữ a. Đêm hôm mà em mon men đến đó, lạnh đủ có khi.

— Lính họ bắn à ?

— Sao không ? Họ tưởng em là Việt cộng phá cầu.

— Em có làm gì đâu ? Gặp em, anh có bắn không ?

— Lỡ xớ đến gần cầu, bắn liền.

— Ai thềm tới đó làm gì. Anh cũng ồn ào như nước dưới chân cầu.

Lúc bấy giờ, một áng mây làm mờ

bầu trời. Tân giật mình nhìn về phía tây. Bóng cầu vẫn đen điu, tham lam ôm hai bờ xa tít. Khi trăng sáng trở lại, ánh lửa trên sông che hẳn dấu cầu.

oOo

5. Trăng lên đến đỉnh đầu. Bóng hai người vẩy tròn chỗ ngồi. Trăng bót lóe sáng trên mặt nước, nhưng bãi cát vàng óng và trở nên mênh mông. Mặt nước sông trong xanh, có thể nhìn thấy tận đáy cát. Cô gái từ lâu cầm lấy tay Tân, và lần đầu anh cảm thấy hơi ấm chuyển sang từ năm đầu ngón tay mềm. Anh nhìn chăm chú hơn : cổ tay tròn, thân người mập lẳn, ống quần đen ướt dán chặt vào hai đùi, đôi bàn chân trắng. Cô gái tự nhiên lo sợ rút bàn tay về. Tân nói :

— Đừng chờ thái-tử nữa. Hãy nói chuyện với anh.

— Nói cái gì ?

— Chuyện làm ăn. Một ngày em lưới được bao nhiêu cá ? Bán được bao nhiêu tiền ?

— Không nói. Để anh nói trước.

— Nói cái gì ?

Cô gái cười thật ranh mãnh :

— Chuyện làm ăn. Anh đi lính thì nói chuyện lính.

— Đi lính đâu phải nghề làm ăn.

— Sao không ? Như nghề câu gỏi có khác gì đâu ? Lưới được bao nhiêu ? Bán được bao nhiêu ?

Tân nhìn thẳng vào mặt cô gái

xem muốn hỏi thật hay nói đùa. Nét mặt vẫn có cái vẻ trống vắng mà tham dự như trước. Tân chậm rãi trả lời :

— Nghề anh không có thả lưới rồi gõ cây rượt cá. Chỉ nhắm đích rồi bắn, bắn rồi lãnh tiền.

— Cha em cũng có làm vậy. Mấy hôm trời tối, ông lấy đèn đá soi xuống sông, dùng độc đâm cá. Em ngồi đầu sau lo chèo. Nhiều khi em vô ý chèo trệch một chút, sông xoay ngang. Cha đâm trật, ông la om sòm.

— Anh cũng vậy, đôi khi cái đích chạy ngò ngò trước mặt, mà rách lưới nhỏ nhoi quí, nên run tay, Bắn trật. Chỉ khác là sau đó các bạn anh bắn trúng liền, nên khỏi bị ai la rầy.

Tân trầm ngâm nhưng cô gái lại cười dòn dã. Tân bị lôi cuốn, cười theo.

Cô gái hỏi :

— Sao bây giờ không chạy như ngựa chững nữa đi ?

— Bỏ em ngồi một mình, thái-từ rước đi mất, uổng lắm.

— Anh ra đây giỡn trăng hay đi tắm ?

— Quên mất. Ra đi tắm.

— Sợ nước à ? Cho ướt luôn, chịu không ?

Không chờ trả lời, cô gái lội ra giữa dòng, tạt nước lên chỗ Tân ngồi. Hai người tạt nước nhau, tiếng cười làm rạng rỡ đêm khuya. Thông thạo hơn, cô gái tạt từng tia nước mạnh

đúng vào mặt Tân, khiến anh phải nhắm mắt thì giờ vuốt mặt. Nhưng anh vẫn theo tiếng cười đuổi theo. Cô gái quen chạy trên cát, luôn luôn vượt khỏi tầm tay Tân. Đôi lúc anh sắp chụp được bả vai, nhưng cô đã hạ mình xuống, luồn về phía khác, làm cho Tân quá đà ngã lên bờ nước.

Tân vẫn cố rượt theo. Nhờ bước hồng vào lũng cát sâu, cô gái ngã, Tân mới theo kịp. Gió và nước không làm nguội được sức nóng bừng bừng. Tân úp mặt lên cổ cô gái, dụi mặt vào trong tóc, ngửi mùi mồ hôi và rong rêu. Cô gái vẫn cười, hàm răng trắng óng ánh, đôi mắt long lanh, đôi tay trải dài trên cát làm phập phồng lồng ngực. Không nói năng gì, Tân ôm lấy thân thể ấm áp, sống trọn sự cuồng bạo dã thú. Miệng cô gái vẫn cười, nhưng đôi mắt nhắm nghiền, đôi tay chơi vơi. Cả gió cả nước cả trăng đồng lòng thúc giục, trong khi cát vàng ấp ủ nâng niu.

Khi ngồi lại trên cát nhìn khuôn mặt cô gái mắt vẫn còn nhắm nghiền như đứa bé ngủ say, Tân ngò ngò thấy quen. Nhưng không nhớ đã gặp cô ta lúc nào, ở đâu !

oOo

6. Lúc mấy người quân cảnh đầy lên xe, chiếc GMC vẫn còn đó chưa đi. Hai tay bị khóa quặt ra sau, nên phải chật vật lắm, Tân mới bước lên được cái bậc cấp, rồi cúi người luồn ra ngồi băng sau. Mấy người lính đứng bên ngoài không cần giữ ý. hỏi nhau :

— Bắt được thằng chả ở đâu đó ?

— Tận bãi cát gần khúc quanh của con sông.

— Chắc xuống dưới An ninh trả lời không xuôi đâu. Cả tiểu đội chết, cây cầu sập, chỉ còn có một mình chả đi tắm.

— Nghe mìn nổ trên cầu mà cứ tắm à ?

— Không. Toán tiếp viện theo đường sông vòng lên, gặp nó đang bắn quần áo và lấy súng chạy về.

Tân ngồi im không nói năng gì. Phía trước xe, một nhóm người đang tụ tập quanh mấy cái xác. Có tiếng khóc nỉ non và kẻ lẻ rên la. Bỗng nhiên đám đông dạt cả ra, tránh lối cho người lính khiêng một cái băng ca đi vào. Nhiều tiếng lao xao :

— Một người nữa hả ?

— Đâu phải lính. Xác đàn bà.

— Dễ sợ. Ngực bị vỡ toang hết. Lượm ở đâu đó, trung sĩ ?

— Bến Chài. Lúc tụi tui bọc hậu đón đầu dọn du kích, thì thấy nó hớt hái chạy từ phía cầu về. Hồ đứng lại, nó cũng cứ chạy, nên mới nổ súng. Nếu biết là nó, thì không giết làm gì.

— Vậy chó ai đó ?

— Con khùng xóm Chài.

— Con khùng xóm Chài hay con khùng ngoài chợ ?

— Cả hai đứa là một. Nó là con gái ông câu gỗ. Cha nó chết cách đây mấy năm. Nó xin ăn ngoài chợ, và hễ cứ đến mùa trăng là nổi cơn.

Tân nghe được câu chuyện, lịm người, không dám nhìn về phía trước. Bên cửa trái, người tài-xế xe GMC

đang xem lại mấy trước khi lên đường. Bốn người lính hô tổng đã lên ngồi hai bên quan tài. Người tài xế đây nấp ca bô, gọi với vào trong :

Ra đi cho sớm chị.

Người đàn bà ẵm đứa con ra xe. Mái tóc bù xù. Cái áo trắng vải thô và vành khăn tang nhàu nát, dơ dáy. Lúc đi ngang qua xe quân cảnh, người đàn bà vô tình nhìn vào phía Tân.

Anh không tin mắt mình. Cũng khuôn mặt ấy, cũng trạng thái lơ lửng giữa tưởng và thực, có và không, hững hờ tránh né mà mời gọi thúc giục, xa lạ với cõi sống mà cũng không gần bó với cõi chết. Người đàn bà bước đi một mõi, âm thầm, nhưng khi đến gần xe, gọi người tài xế một cách tỉnh táo :

— Xách giùm cái giỏ chút, chú. Khi hôm ngủ được không ?

— Đi đường mệt, nằm thẳng cẳng đến lúc nghe tiếng nổ trên cầu mới thức.

— Đêm qua trăng gọi sáng quá, tôi không ngủ được một khắc...

Đầu óc Tân quay cuồng. Anh thấy người quân cảnh phía trái sang một bên, hướng mặt về phía người đàn bà hỏi lớn :

— Ê, không ở lại, chờ thái-tử sao ?

Người quân cảnh kinh ngạc. Người đàn bà quay lại, mắt ngơ ngác, tưởng không phải người ta gọi mình nên tiếp tục leo lên ngồi trên buồng lái.

Người quân cảnh gay gắt :

— ĐM. Cha nội đã đến nước này rồi mà không chừa cái thói lẳng nhăng. Chồng người ta còn nằm một đồng trong hòm, đã chọc ghẹo.

Chiếc G M C rồ máy, từ từ ra khỏi cổng. Một lớp bụi vàng mỏng tỏa lên lơ lửng như ánh trăng.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Qui nhơn. 71.

Mùa Xuân, một người nào

Phượng đứng nhìn lũ học trò đi về cuối con dốc dẫn xuống cây cầu trắng, khuất hẳn một hồi mới thôi. Khác mọi hôm, Phượng băng qua khoảng đất trống trước Tòa Hành chánh. Gió lộng. Một không khí ngây ngấy lạnh. Trời xám và thấp. Khô ráo. Thị-trấn bỗng trở lạnh hơn mọi năm, một cơn bão rét thổi qua nghe đâu từ ngoài miền Trung. Phượng cầm chặt cánh áo dài, dọc theo con lộ dẫn về Chợ Mới. Từ đằng xa nàng nhìn thấy quán Càfé ở đầu dãy nhà của thương phế binh mới cất. Đánh dấu đầu và cuối là hai quán Càfé: Càfé Hưng, Càfé Mai. Tên một người con trai và một người con gái nào đó. Trước mặt dãy nhà những bạn hàng đang trả giá, dành giựt nhau những cần xẻ, ba de rau cải vừa được xe đồ chở từ Dalat xuống. Ngổn ngang khắp đường. Một vài cô bé học trò, tóc thề nón lá áo len tím thớ thẩn trong chợ ra. Phiên chợ chiều buồn hẳn đi. Quán cơm bình-dân ở góc chợ đầy những người lính, ăn nói ồn ào. Ngã tư, khuất sau một con đường cũ, quán kem, tường đầy hoa, cánh cửa gỗ khép hờ. Quán kem, dãy khác, Càfé, bánh ngọt của một giáo sư Trung học vừa đắc cử trong ngành Lập pháp, bày giờ nghỉ bán, hàng cổ mộc cao. Đàng trước dãy hoa violette, dãy bông 10 giờ. Ngã tư, bến xe Quân đội của Tiểu khu. Tấm biển đề «Bến xe Quân đội» bị lật ngược từ lâu không ai thèm để ý sửa lại. Những chiếc xe dodge của các Đại-

đội trú đóng ngoài Thị-trấn thường chở lính tráng, vợ con đi chợ, đậu ở đây. Địa điểm hẹn hò dễ tìm kiếm nhất. Mấy người đàn bà Thượng, theo chồng ở lính trong Quân đội, cũng thường theo xe về chợ mua sắm vật dụng, đổi măng tre, sơn vật, mua gạo còm, muối, mắm. Quần váy mang con, áo quần loè loẹt, đứng hút thuốc lá rê, đầy bến xe hằng ngày. Ngã tư, con đường chạy thẳng về phía sau chợ những hàng vàng tiệm giấy, hiệu buôn, tiệm trà. Mấy người con gái gói trà ngồi đầy ra cả hàng hiên. Khu Chợ Mới buổi mai náo nhiệt ồn ào, xe từ Đalat xuôi về, để rau cải cây trái hoa quả, rồi rời chợ cuay Saigon. Xe Saigon miền xuôi, lên hỏi hỏi quãng mấy tập báo, hàng hóa, lại vội vàng chạy cho hết quãng đường còn lại Blao-Đalat, Saigon-Đalat quãng đường ngót 300cs đường trường, xe chạy liên hồi. Khu chợ buổi mai náo nhiệt ồn ào bao nhiêu, buổi chiều buồn tẻ vắng lặng bấy nhiêu. Mấy cô bán hàng ngồi nhặt những cọng rau vàng úa. Những bà hàng khô, hàng nằm, ngồi ngáp dài trong sạp, buồn bã. Bên phải ngã tư đồn Cảnh-sát, vài ba chiếc xe nằm chờ vợ trong sân. Vọng gác, bao cát, miếng tôle che trên những thanh gỗ đứng cô đơn một mình trong vòng rào kẽm gai chẳng chịt. Quán Càfé Hưng mới mở, mấy chiếc ghế tròn, xanh, đỏ, tím, vàng. Quán xinh xắn dễ thương.

Ngã tư, Phượng chùn hước. Không như những lần trước Phượng liếc mắt

vào quán. Một tách cà phê, một gói thuốc, chiếc nón rùng rỗng vành, những vòng tròn khói thuốc, một người lính ngồi trầm ngâm. Tuần trước Phượng cùng mấy người bạn dạy chung trường, sau buổi dạy, ghé chợ mua trứng gà làm bánh để tổ-chức sinh nhật cho đứa cháu trong nhà trọ, Phượng bắt gặp người lính ngồi trong quán nhìn nàng chăm chú. Ban đầu Phượng không để ý, « con trai mà ». Nhưng hôm sau nể lời người bạn, Phượng lại tạt qua chợ cũng khoảng bài học năm, mười phút. Người lính ngồi đó. Cà phê, thuốc lá, chiếc nón rỗng vành. Và chăm chú nhìn nàng. Khi Phượng gần khuất ở bùng-bình người canh-sát chỉ đường đầu ngã tư đằng kia, nàng ngoái trông lại, người lính ngóng mắt nhìn theo. Bỗng dưng Phượng thấy trong người một chút khác lạ, một chút nhẹ nhàng vuốt ve, tự mãn.

oOo

Thị-trần sau một năm ở, không một giao động không một đổi thay, sống bình thản. Không tìm gặp một xúc cảm nào khác ngoài những công việc thường nhật. Nhà trọ, gia chủ là bạn với Ba của Phượng. Phượng sống trong khuôn khổ gia-đình người bạn ông cụ. Gọi bằng Bác. Người bác già khó tánh, cẩn thận và nghiêm khắc. Lắm lúc Phượng bức mình, nhưng nghĩ lại, nhờ vậy mình không hư hỏng khỏi làm phiền lòng Ba mẹ. Lũ học trò nhỏ ồn ào nghịch ngợm, hồn nhiên. Sau giờ dạy về nhà soạn bài, chấm bài, phụ giúp người trong nhà lo cơm nước. Thỉnh thoảng bạn bè lại rủ đi chơi một vòng quanh phố, vào quán nước... Chứa nhật ra chợ mua sắm hay lên đồi cùng nhau đi dạo đem theo đồ

ăn, tổ chức Picnic. Lễ lạc nghỉ năm ba hôm, mua ít quà địa phương. Ra bến xe thật sớm về nhà sống quây quần cùng Ba mẹ, mấy em, rồi hết những ngày nghỉ lại trở về nhà trọ tiếp tục sống, ngày hai buổi cùng bọn học trò ê, a. Và cảm tưởng như ngày chưa trở về nhà, bởi cuộc sống quá trầm lặng, quá đều đặn đến độ như gắn bó vào Thị trấn buồn hiu khuất kín này.

Hai buổi chiều tình cờ Phượng bắt gặp người lính ngồi bất động, im lặng buồn bã trong quán Cà phê. Buổi chiều thứ ba Phượng không đi ngã chợ, nàng đi bằng đường cầu trắng, về nhà, cảm thấy bức rứt khó chịu. Phượng tự nhủ « khéo ốm ở vợ vẫn, mấy ông con trai ngồi quán Cà phê là thường; nhìn chăm chú con gái lại là chuyện thường hơn, có gì phải để ý... » Nhưng Phượng không dứt bỏ được ý nghĩ người lính đã để ý đến nàng. Ngày sau đó Phượng cầu mong qua mau, trưa rồi chiều nàng lựa chiếc áo mới. Đẹp. Đến trường, giờ ra chơi của lũ học trò, nàng cảm thấy lâu hơn mọi hôm. Học trò vào học, Phượng chép bài lên bảng cho chúng và tựa cửa ngó mông lung. 5 giờ chiều, viên cai trường hiện ra ở cái kiềng báo hiệu. Phượng vội vã ra khỏi lớp, băng băng ra cổng, đến đường Phượng bỗng dưng tự thẹn: « biết người lính nào đó còn ngồi ở quán nữa không, mà có chắc ngồi chờ đợi mình hay chờ đợi ai ». Một bóng dáng học trò con gái áo tím trường Trung-học chẳng hạn. Biết đâu. Bọn học trò con gái trường bên xinh như mộng. Trẻ và vui đùa liến thoắng. Biết đâu anh

chàng không si một cô trong đám áo tím, nón lá tóc xanh kia. Ngã tư, Phượng cố tỉnh bơ đi qua. Vẫn dáng ngồi bất động, cà phê, thuốc lá, chiếc nón rộng vành, người lính ngồi đấy, dựa lưng vào tường, lẳng đàng mấy vòng khói thuốc chằm chú nhìn nàng. Phượng trở nên ngượng ngập. Qua khỏi quán, Phượng kín đáo nhìn lui. Người lính vẫn ngồi bất động đang chằm tiếp điếu thuốc. Phượng phân vân, không biết anh chàng chờ đợi ai. Chờ mình ư ? Sao không thấy đi theo. Chờ một cô học trò nào đó? Không phải. Mấy cô bé học trò qua mặt Phượng liền thoắt, xinh đẹp, riu rít chuyện trò, anh chàng vẫn ngồi tỉnh bơ. Không còn một người con gái học trò nào nữa cả. Thế thì anh chàng chờ ai ? Hay anh chàng chờ một cô bán hàng nào đó trong chợ, hoặc anh chàng vừa đổi đến chưa quen biết ai, thời giờ rảnh rồi không biết làm gì ra ngồi quán, nhưng sao lại ngồi vào lúc học trò bãi học. Ba buổi chiều 5 giờ 5, 5 giờ 10, qua ngã tư đã thấy anh chàng ngồi đó. Im lặng. Anh chàng chỉ ngồi nhìn như chờ một quả chín đợi nó rụng rồi mới nhặt. Nếu quả thật như vậy kể anh chàng cũng ghê gớm lắm. Nhưng chờ ai ? Bọn học trò Trung-học, chờ mình, hay chờ một người con gái nào khác. Tự nhiên Phượng lấy làm bức tức vì anh chàng lính xa lạ.

Hình ảnh người lính ám ảnh Phượng không dứt, Phượng định đem nói cho mấy người bạn hay, nhưng sợ chúng nó cười và đồn đãi ầm lên. Nghề nghiệp, cuộc sống ở cái thị trấn nhỏ bé này, hờ một tý, làm một điều gì hầu

như ai cũng biết. Những người bạn gái soi mói, ganh ghét nhau từng tiếng nói, từng cách đi đứng ăn mặc. Nhiều lúc đến trường giờ ra chơi, Phượng ngồi lì trong lớp, không tùm năm tùm ba nói chuyện, vì hễ nói chuyện là có chuyện xấu chuyện tốt của người này người nọ, từ chuyện gia đình con cái, đến chuyện tình cảm lằng nhằng, con này thế này, ông kia thế nọ, soi mói nhau, nhất là mấy cô gái Huế, lớn tuổi chưa chồng. Lắm lúc Phượng bức mình nhưng cũng đành chịu và thái độ xa lánh ấy cũng bị nói đến như một sự chia rẽ, làm cao, kênh kiệu. Ở trường, Phượng chỉ thân với Oanh. Oanh bạn học với Phượng ở Trung-học, vào Sư phạm cùng một lần, ở nội trú chung phòng. Ra trường tình cờ lại dạy cùng trường. Oanh ít nói, sống nội tâm nhiều. Hai đứa thường lui tới, thường tâm sự với nhau cách biệt hẳn với những người bạn đồng nghiệp khác.

oOo

Từ khu Chợ Mới, Phượng đi thẳng xuống bờ hồ, qua chiếc cầu nhỏ, băng một con dốc về nhà. Nàng tự nhủ : « Người lính ở quán Cà phê chỉ là một sự bất gặp tình cờ, đừng bận tâm vô ích, biết đâu người ta chẳng chờ đợi một hình bóng khác, cái con Phượng này thật vô duyên » và bỗng dưng nàng mỉm cười. Con dốc cao khuất kín, hàng cây âm u. Những căn nhà kín đáo, nghiêm trang, từ những cánh cửa hắt ra ánh sáng nhạt nhòa. Phượng vừa vô đến nhà đã nghe tiếng lao xao của mấy đứa nhỏ, Phượng chào người bác và nói :

— Cháu lại dâng con Oanh một tí nên về trễ.

Người bác gặt đầu không nói. Mấy đứa nhỏ và u già đã giọn bát đũa. Nàng thay vội áo quần ngồi vào bàn ăn, bàn chuyện cùng lũ nhỏ. Bọn nhỏ kể chuyện ở trường học, tiếng nói, cười lao xao làm Phượng vui lên. Sau bữa ăn Phượng dành lấy rửa bát, người u già không chịu.

— Cô nghỉ đi để đó u.

Phượng muốn làm một cái gì để chuộc lại sự về trễ hơn mọi ngày của nàng. Tiếng Bé Vân, con bé học lớp nhì trên trường nữ:

— Chị Phượng! Chỉ giúp em bài toán này một tý.

Phượng nói:

— Ờ để đó chị lên bây giờ.

Phượng giảng bài cho con bé, nghĩ thầm mình đang còn một bài toán kia ai giải giúp cho đây và liên tưởng đến người lính ở quán cà phê ngoài khu chợ.

Phượng đem theo hình ảnh của người lính, im lặng bất động, tách cà phê, gói thuốc lá, chiếc nón rộng vành vào giấc ngủ. Nửa đêm tỉnh giấc Phượng nghe những tiếng nổ xa thật xa, rồi tiếng đạn pháo-binh trong Tiểu-khu bắn ỉ oành, lâu lâu lại một tràng đại liên thanh nổ lên. Phượng ôm bé Vân vào lòng, con bé trở mình giọng ngái ngủ:

— Gì vậy chị Phượng?

— Có tiếng súng nổ, hình như đánh nhau ở đâu ngoài ngã Phi-trường.

— Thề bà chị Phượng! Trời lạnh

quá chị.

— Ờ ờ trời lạnh ghê, thôi ngủ đi Vân.

Phượng lại thao thức mãi, hình ảnh người lính cứ đeo đuổi nàng không dứt. Nàng cố ru giấc ngủ, nhưng giấc ngủ không đến, và có cảm tưởng trời trở lạnh, lạnh kinh khủng.

Một tuần lễ, sáu buổi chiều đi dạy về trở thành thói quen. Phượng đi về phía chợ, qua quán Cà phê. Người lính vẫn ngồi đó, như buổi chiều bắt gặp lần đầu. Ngồi đó. Im lặng. Im lặng đến độ kinh sợ. Phượng đi qua sáu buổi chiều, giờ giấc như cố định: 5 giờ 5, 5 giờ 10. Người lính ngược mắt nhìn nàng đắm đuối, đại khờ yêu đương. « Rõ khi cái con Phượng này, biết người ta có yêu mình không » Phượng tự trách mình và mỉm cười thú vị. « Để coi anh chàng ỉ đến đâu » Phượng hân hoan trong ý nghĩ đó, mỗi buổi chiều trở về nhà. Nàng vui hơn nhưng ngày trước, dễ dài hơn những ngày qua. Một cái gì len vào tim óc phơi phới vui tươi. Tình yêu! Hình như là tình yêu. Cuộc sống, khung cảnh đều đặn buồn hiu lạnh lẽo, ngày tháng sống nhịp nhàng buồn bã, đôi lúc Phượng cảm thấy cần thiết: một căn nhà nhỏ, đi về có nhau, một không khí đầm ấm, một mảnh vườn xinh xắn đầy hoa lá. Một ước vọng bình thường nhỏ nhoi.

Đã qua một khoảng thời gian mộng ước, đã dập tắt hết những nhen nhúm huy hoàng của thời con gái, áo trắng học trò, tóc thề ôm kín bờ vai. Đã lớn. đã khôn. Đã qua tuổi hai mươi, tóc thề nón lá, áo trắng. Đã qua những buổi

trả bài cho cô giáo trên bục gỗ. Trả lại hết cho đám em út ở nhà, lũ học trò mới lớn, tương lai đa đóng khung trong bốn bức tường lớp học, đã giới hạn như đoạn đường từ nhà đến trường. Rồi một ngày nào đó trôi về bên lạ, không biết vui hay buồn, đục hay trong. Một bên bờ nào đó cha mẹ định đoạt hay mình chọn lựa. Những cuộc tình học trò đã như những cánh áo dài ngắn, chật bỏ lại, trôi về đằng sau. Những hình ảnh cũ đã nhạt nhòa, lờ mờ trong ký ức. Thỉnh thoảng có nhớ lại trong một phút giây bất chợt rồi thôi

oOo

Buổi sáng thức giấc trời lạnh căm căm, người bác ngồi uống nước trà ở nhà trên. Tiếng bé Vân :

— Lạnh quá chị Phượng ơi ! Sao hôm nay lạnh quá này ?

— Mọi năm trời mùa này có lạnh không ?

— Đâu có, mọi năm đâu có lạnh như vậy.

— Mà cũng gần Tết rồi còn gì nữa.

Tiếng con bé thông thạo rành rỏi như một người lớn :

— Ừ nhỉ. Gần Tết rồi. Vui nghe Tết này chị Phượng có về Saigon không ?

— Chị phải về chứ, ăn Tết xa nhà buồn lắm.

— Thì chị ở lại ăn Tết với bọn em, chị nhớ lì xì cho em tiền mới đó nghe.

Phượng mỉm cười gật đầu, định nói với con bé: « Cho dù thế nào, ở đâu cũng không bằng nhà mình » nhưng nghĩ con bé còn nhỏ quá nên lại thôi.

Nàng vùng dậy sửa soạn những cần thiết hàng ngày. Bé Vân mặc áo len mới, cầm miếng bánh mì hấp tấp chạy ra cửa làm Phượng phải hét to :

— Từ từ Vân kéo té bây giờ.

Con bé nhoẻn miệng cười chạy ra ngõ, Phượng phì cười theo nó, rồi cúi đầu chào người bác, ôm tập sách đến trường. Một ngày lại bắt đầu, một ngày như mọi ngày.

oOo

Chiều lần thứ mười, Phượng qua ngã tư, quán cà phê, bỗng nàng hốt hoảng. Người lính không còn ngồi đó nữa. Bàn ghế trống vắng, thiếu thốn mát mắt đầu đó. « Chẳng lẽ mình yêu người lính xa lạ đó rồi sao ». Phượng nghĩ thầm và cảm nhận mình buồn. Buồn thật tình. Trời chiều như u ám hơn, mau tối hơn, vô tình Phượng nhìn quanh coi người lính xa lạ, đứng ở đâu đó không. Nàng thất vọng. Vẫn những cánh cửa quen thuộc, xe đồ đồ rau cải, những bạn hàng tranh giành mua bán. mấy bà bán hàng ngồi co ro trong sạp. Một vài chiếc xe gắn máy chạy vùn vụt, mọi người đang hối hả trở về nhà. Bóng tối đã ùn ngập. Bóng tối nhạt nhòa, con đường mọi ngày đi về trăm lượt bỗng nhiên dài ra. Người lính không quen đã bỏ đi về một nơi nào đó bất ngờ, đã bỏ đi hay đã chết ? Đã bỏ đi, để lại cho nàng quán Cà phê cô đơn lạnh lẽo của ngày tháng mùa Xuân sắp đến, để lại cho nàng bờ hồ buổi chiều lạc lõng trở về. Trả lại cho nàng những ngày vắng lạnh cô đơn trong thị trấn buồn hiu khuất kín này. Ngày mai có một chút nắng hanh vàng không ? Mùa xuân đã trở về, mùa xuân của một người nào đó. Cây cầu trắng chiều nay bỗng dài ra, rộng thênh thang.

TỔNG-CHÂU-ÂN

Blao — mùa lạnh

Bài về thứ nhất

Thơ ĐỖ NGHE

tôi xin làm một bài về
phải, một bài về
ca ngợi một ngày trọng đại
một ngày mà trên đất nước tôi người dân cây cỏ
chén cơm ăn

người thợ dệt có manh áo mặc
người vợ mừng giầu nhanh dòng nước mắt
người cha cười rung râu trắng đoàn viên
người mẹ vỗ về đưa con sống sót
ôi những ước mơ đơn giản tâm thường
bỗng một hôm trở thành sự thực...

tôi xin làm một bài về
phải, một bài về
ca ngợi một ngày trọng đại
một ngày mà trên khắp nước tôi
ùn ùn trẩy hội
những đoàn người đi không hò không hét
không súng không đao
những đoàn người đi trẻ già trai gái
cười khóc ghen ngào
tay siết tay nhau...

phải ngày hôm đó ngày hôm đó
anh Năm chị Ba bác Tư thiếu Sáu
anh Bắc chị Nam tôi Trung
em Cao nguyên thiếu số
không còn một ý nghĩa nào
ngoài ý nghĩa Việt nam
chúng tôi ôm nhau cười nói ngả nghiêng
kéo nhau đi thăm từng hàng cau ruộng mía
từng dòng sông hùng tráng từng gò đất vinh quang
từng ngôi trường đồ nát
rồi hôn lên từng mảnh đất
nước mắt ngọt ngào tưới mát quê hương
và những bàn tay san sát vung lên
dựng một ngày mai rực rỡ...

phải ngày hôm đó ngày hôm đó
trên khắp đất nước tôi
những ngọn cờ phất phơ trong gió
những ngọn cờ xanh đỏ tím vàng
phất phơ trong gió
không mang một ý nghĩa nào
ngoài ý nghĩa phất phơ
và tôi,
tôi sẽ bỏ làm thơ
để làm những bài về xếp vần xếp ý
đọc lên cho mọi người nghe
bởi những bài thơ
đã từ lâu không còn đủ nước mắt
không còn đủ mĩ mai cảm hờn oán ghét
(du chỉ để đọc cho muông thú nghe
chúng cũng không mấy may cảm xúc)
nên tôi xin làm một bài về
ca ngợi một ngày trọng đại
chắc không xa...

ôi những ước mơ đơn giản tầm thường
biết bao giờ trở thành sự thực ?

Xuân xa

Thơ HÀ VŨ GIANG CHÂU

mùa xuân đi qua
em nhìn hoa nở
mùa xuân đi qua
em nghĩ vẫn vơ

mùa xuân đi qua
tình em chợt đến
tình em hoan ca
tình em đổ bến

mùa xuân đi qua
em ngồi se tóc
mùa xuân chia xa
ta nhìn em khóc

mùa xuân mơ mộng
em chờ trong khung
ô hay hư không
mùa xuân tiêu tùng

ĐẠI-Á-NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-63, Hàm Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tổng Đốc Phương
ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin
ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia-Long
ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Cảnh
ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang-Long
ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

đàm thoại với Sơn-Nam

tác giả « Thiên-Địa-hội và cuộc Minh-Tân »



LTS. Nhà văn và ký giả chuyên nghiệp Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tày, sinh ngày 11-12-1926 tại làng Đông Thái, Gò Quao, Rạch Giá. Sơn Nam đi kháng chiến cho đến hiệp-định Genève thì về Sài-gon chuyển sống về cây viết. Anh đã cộng tác với rất nhiều tuần báo, nhật báo, tạp chí ở Saigon từ Nhân loại, (1956) cho tới Lễ sống, Quyết tiến, Tia sáng, Nghệ thuật v.v. Hiện nay anh viết truyện dài cho các nhật báo : Tia sáng, Tin sáng, Tiền tuyến, Chính luận, Độc lập. Anh đã cùng Ngọc Linh chủ trương nhà xuất bản « Phù Sa ».

Những tác phẩm đã xuất bản của Sơn Nam là : Chuyện xưa tích cũ, Tìm hiểu đất Hậu giang, Nguyễn Trung Trực anh hùng dân chài, Hương rừng Cà-mau, Chim quyền xuống đất, Hình bóng cũ, Hai cõi u minh, Vọc nước giỡn trăng, Bà Chúa hòn, Nói về Miền Nam. Người Việt có dân tộc tính không ? Văn minh Miệt Vườn, và cuốn mới nhất là Thiên Địa hội và cuộc Minh Tân. Bách Khoa đàm thoại với Sơn Nam nhân dịp anh cho phát hành cuốn sách mới này.

...Kỷ luật của Thiên-Địa-hội mới là yếu tố quyết-định để giải thích máu anh chị, cái thói báo ơn báo oán... Các chiến sĩ Minh-Tân đã nêu vấn đề sửa đổi niêm luật Đường Thi, vấn đề « điển chế văn tự », việc tập nhu đạo...Không phải cách đây 15 năm, mà cách đây 10 năm đã là chuyện « cổ tích kinh tế » rồi !

—BÁCH KHOA: Trong năm qua, anh viết nhiều tiểu thuyết đăng báo, tại sao anh không cho xuất bản một truyện dài nào đó mà lại cho ra đời một quyển sách biên-khảo là cuốn « Thiên Địa hội và cuộc Minh Tân » ?

—SƠN NAM: Tiểu thuyết đăng báo tôi viết không đều tay, lạm phát vì sanh kế. Quyển này nhập đề gọn

nhưng phần giữa quá yếu ; quyền kia cốt truyện hay, hấp dẫn nhưng vấp nhằm khuyết điểm là kết thúc đột ngột. Thời giờ rảnh, tôi lo học thêm về lịch sử, phong tục nước nhà. Chắc anh cũng thấy rằng mấy năm qua, tôi biên-soạn một loạt sách về miền Nam : « Nói về miền Nam », « Người Việt có dân tộc tính không ? » « Đồng

bằng sông Cửu long hay là Văn minh Miệt Vườn ». Đặc biệt là hai quyển sau bán khá chạy, tôi thấy phần khởi thêm. Thật ra, đó là những bước dò dẫm, tôi chưa đền đáp được sự tin cậy của độc-giả. Lịch sử của miền « Nam-kỳ Lục-tĩnh » vẫn ám ảnh tôi. Một lần đó, dường như là anh Nguyễn trọng-Văn hay Giáo sư Nguyễn-văn-Trung đã nói với tôi, « Ở miền Nam, còn một vài vấn-đề về lịch-sử, về cá-tính chưa được giải đáp. Người sanh trưởng ở miền Nam phải lên tiếng tự giải-đáp trước ». Với quyển « Đồng bằng sông Cửu-long... » tôi đã giải đáp một vài điểm « ăn ở cho đúng điệu nghệ, đúng đạo nghĩa »; nay với cuốn « Thiên Địa-hội và cuộc Minh-Tân » tôi lại thử giải đáp thêm một vài điểm khác nữa (phong trào Duy Tân ở miền Nam).

— B.K : Các cuốn « Đông kinh Nghĩa-thục » của Nguyễn Hiến-Lê và « Phong trào Duy Tân » của Nguyễn-văn-Xuân đã đề cập đến phong trào Duy Tân. Lại còn quyển Chi sĩ Nguyễn-quan Diêu của Nguyễn-văn-Hữu nữa. Những cuốn này có cung cấp ít nhiều tài liệu cho cuốn sách mới ra của anh không ?

— S.N. : Những tác phẩm trên đã gợi hứng cho tôi từ lâu. Và quyển nào cũng nhắc tới tên ông Trần Chánh Chiêu và các cơ sở của phong trào ở miền Nam như Minh-Tân khách sạn, Minh-Tân công nghệ. Chỉ nhắc sơ qua thôi, vì thiếu tài liệu — tôi tin như thế. Cái tật của người miền Nam bấy lâu nay là ít chịu ghi chép, cứ làm cho hăng rồi bỏ qua. Thân nhân của người trong cuộc, luôn cả người

trong cuộc, ít khi chịu gìn giữ tài liệu cũ. Bởi vậy, khi muốn viết thì không có bằng chứng cụ thể, thường sai lạc về năm tháng. Đáng trách nhất là Giáo-sư G. Coulet, trong quyển sách nói về những hội kín ở Việt-nam — dường như là Luận-án Tiến-sĩ Văn-chương của ông ta, nhưng không được chấm dấu. Tác giả này dùng nhiều tài liệu của mật thám nhưng có nhiều chi tiết sai lầm khó tha thứ được. Thí dụ như Công-ty xà-bông Minh-Tân lập ở Mỹ-tho, mà ông ta lại ghi ở Chợ lớn, trong vòng có 17 năm (từ 1908 đến 1926) mà đã ghi sai lạc như vậy rồi, mặc dầu bấy giờ trong tay ông ta có nhiều phương-tiện để làm việc.

Riêng về ông Trần-Chánh-Chiêu thì lúc nhỏ ở Rạch-giá (nay là Kiên Giang) tôi được nghe mấy ông hương chức làng nhắc tới với thái độ kính phục. Người ta thuật lại rằng ông Chiêu sẽ là... Thừa tướng, nếu phen đó ông Cường-Đề về nước làm vua.

— B.K : Anh cho biết là anh soạn Thiên-Địa-hội và cuộc Minh-Tân để giải đáp thói cư xử « đúng điệu nghệ, đúng đạo nghĩa giang hồ » và phong trào Duy Tân ở Miền Nam. Vậy tại sao hai vấn đề này lại gom vào một quyển ? Trong tiểu thuyết chương Kim Dung hay nói về đạo nghĩa giang hồ, vậy đạo nghĩa giang hồ này có phải là thứ anh nói trong cuốn sách mới ra của anh không ?

— S.N : Đúng vậy. « Thiên-Địa-hội »

từ bên Trung hoa du nhập sang Việt nam, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu long, từ lâu rồi. Nhưng phong trào chỉ trở nên mạnh mẽ khi Nghĩa Hòa đoàn bên Trung hoa nổi lên chống người Tây phương. Tôi gom vào một quyển sách vì về thời gian, hai phong trào đi song song nhau, mặc dầu phong trào Minh-Tân đến trễ hơn. Thiên-Địa-hội thu hút đa số nông dân, tiểu điền chủ, lớp nghèo thành thị, trong khi cuộc Minh Tân thu hút giới đại điền chủ, giới công tư chức. Đây là hai phong trào thật mạnh, mãi đến nay còn ảnh hưởng rõ rệt. Thiên-Địa-hội là cái chìa khóa để giải thích tại sao vùng Thất-sơn mãi đến nay còn là.... huyền bí, với những ông đạo sĩ khó hiểu! Các ông này tu hành, làm điều lành, thờ Trời Phật, nói đến nhơn-nghĩa, nhưng khi thanh toán nhau thì dùng đến võ lực, dùng thủ đoạn tàn nhẫn. Theo ý tôi, đó là các ông dùng kỷ luật của Thiên Địa-hội. Thiên-Địa-hội đã một thời gây ảnh hưởng mạnh trong giới bình dân và trung lưu, đó là máu «anh chị», «ninh thọt tử bất ninh thọt nhục». Đó là «anh em trên hết» «bạn bè trọng hơn vợ con trong nhà». Đã là bạn với nhau thì cứ bình vực nhau vô điều kiện. Không bình vực bạn, mặc dầu bạn làm bậy, là phản bạn. Còn phong trào Duy Tân lúc ấy gọi là cuộc Minh Tân. Cuộc là công cuộc. Minh-Tân là Minh-đức, Tân-dân. Giới điền chủ Nam-kỳ hâm mộ ông Cường-Đề, vì ông này là người nổi dõng chánh thức của vua Gia Long. Vua Gia Long khi tâu quốc ở miền Nam đã được dân chúng ủng

hộ triệt để. Điền chủ miền Nam lúc ấy dư tiền bạc, rất bức tức khi bị thương gia Hoa kiều và chủ nợ Ấn kiều lấn hiếp. Họ muốn đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Thiên Địa-hội giải đáp phần nào sự thành hình của vài nhóm tu sĩ ở Thất sơn, hồi đầu thế kỷ. Phong trào Duy Tân gọi lại khung cảnh lịch sử khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xuất hiện. Đây là giả thuyết, tôi thành khẩn mong được sự chỉ dạy của các bậc cao minh. Đức Quyền Giáo Tông trước kia là người tích cực trong cuộc Minh-Tân.

— B.K : Trong những cuốn sách trước đây, như «Tìm hiểu đất Hậu giang» và «Văn minh miệt Vườn», anh cho rằng nguyên nhân kinh tế quyết định nếp sống của con người. Trong cuốn sách mới xuất bản này, anh lại cho rằng chánh trị là nguyên nhân chánh. Tại sao lại có sự khác biệt về nhận định như vậy?

— S.N. : Xin nói rõ đây là trường hợp riêng của từng vấn đề riêng. Kinh tế và chánh trị vốn tương quan với nhau, khi thì chặt chẽ, khi thì gián tiếp. Thí dụ như về trường hợp người dân khẩn hoang thích ăn nhậu, hiếu khách, bình vực nhau lúc hoạn nạn. Trước kia, vì đánh giá Thiên-Địa-hội không đúng mức nên tôi cho rằng thói ăn nhậu, hiếu khách... là do hoàn cảnh sanh sống quá dễ dãi mà ra. Còn việc bình vực bạn bè là do hoàn cảnh khẩn hoang ở nơi xứ lạ quê người, phải đoàn kết để ứng phó với nạn cướp sấu, với bọn cướp. Kỷ luật của Thiên-Địa-hội mới là yếu tố quyết định để giải thích cái máu anh chị, cái thói báo ơn báo oán, không riêng gì

ở từng lớp người đi khải hoang. Phong trào Duy-Tân ở Lục tỉnh sẽ yếu, nếu không có yếu-tố lịch sử (miền Nam thành hình nhờ công lao chúa Nguyễn và vua Gia Long), và vai trò của các lãnh tụ, như cuộc viếng thăm miền Lục-tỉnh của ông Pham-Bội-Châu, ông Cường-Đề. Và thái độ khôn ngoan của ông Trần-Chánh Chiếu.

—B.K : Phần trích lục dày 143 trang, chiếm nửa cuốn sách, lại in chữ nhỏ nữa. Anh có thấy là hơi dài so với cuốn sách không? Nghe nói phần này trích trong 52 số Lục tỉnh Tân văn anh mượn được của ông Vương Hồng Sển?

— S.N. : In chữ nhỏ ở đoạn sau, suốt mấy chục trang liên tiếp, đó là lỗi của tôi về kỹ thuật nhưng xin anh thông cảm vì sách in vào lúc giấy lên giá hơn trăm phàm trăm ! In được hai phần ba quyển sách là giấy lên giá mà tôi lại không mua giấy để dự trữ trước được. Trước đó, tôi định in ra hai quyển mỏng, một cuốn về Thiên Địa-hội và một về cuộc Minh Tân đề độc-giả dễ mua hơn. Nhưng tôi muốn trao phứt cái gánh nặng cho những vị thức-giả khác, nhất là những thanh niên hiếu học. Tôi đã đọc kỹ 52 số Lục-tỉnh Tân Văn và chỉ trích lục bao nhiêu đó mà thôi. Trích lục phải dài dòng, vì nếu chỉ trích vài câu rồi suy luận thì dễ xuyên tạc sự thật, nhất là khi bị óc địa-phương cảm dỗ. Cuộc Minh-Tân là phong trào ồ ạt, xuất hiện công khai được một năm. Kẻ sĩ thời ấy đã hăng hái tham gia ý kiến, với tinh thần sáng tạo. Lúc bấy

giờ, đưa ra ý-kiến tức là hành động. Tôi thích nhiều đoạn với dụng ý giới thiệu khung cảnh lúc bấy giờ : nạn cờ bạc, nạn á phiện, sanh hoạt hằng ngày. Vài bài được trích ra đề độc giả thấy rằng thuở ấy các chiến sĩ Minh-Tân đã nêu vấn đề sửa đổi niêm luật Đường-thi, vấn đề « điền-chế văn tự », việc tập thể thao, tập nhu đạo, túc cầu, việc mẹ chồng lấn hiếp nàng dâu. Đúng là cuộc thay đổi toàn diện, không đóng khung trong phạm vi nhỏ hẹp. Mong rằng tài liệu này sẽ giúp cho những ai muốn biên soạn một quyển sách về phong trào Duy Tân của toàn quốc đầy đủ hơn. Về lịch sử văn học, như đã nói ở lời nói đầu, tôi muốn tranh đấu cho sự hiện diện của nhóm Nòng Cò Mìn Đàm, đặc biệt là nhóm Lục Tỉnh Tân Văn (hoặc nhóm Minh-Tân). Trước kia, có lẽ ông Dương Quảng Hàm không nói tới Lục Tỉnh Tân Văn vì không được đọc (giao thông khó khăn, đường tàu thủy từ Nam ra Bắc), hoặc vì lý do chánh trị. Nhiều bài của ông G. Chiếu viết khá gọn gàng, không mang hình thức biên ngẫu quá nặng như ông Lương Khắc Ninh.

Trong sách, tôi đã ngỏ lời tri ân ông Vương Hồng Sển. Tôi không dám nói thêm lời tri ân này một lần nữa vì tạp chí Bách Khoa được ông sưu tập đầy đủ, và đọc khá kỹ. Đôi ba ngày, tôi gặp ông một lần. Ông không muốn được ai khen ngợi trên báo chí. Hằng ngày, ông âm thầm biên soạn về thú chơi cờ ngoạn, theo dự định thì bộ này gồm đến 8 quyển.

Ông khuyến khích tôi rất nhiều trên đường học vấn. Người sưu tập đồ cổ thì luôn luôn có nhiều tánh tốt và nhiều tật cần thiết, mà người không ở trong nghề cho là tật xấu : gìn giữ tài liệu cẩn thận, hơi khó tánh với người chưa là tri âm v.v... Tôi cho rằng một nước có văn hiến cao hay thấp, tùy theo nước ấy có nhiều hay ít người sưu tập đồ cổ. Tôi nói «đồ cổ» theo nghĩa rộng, gồm những tài liệu khác, ngoài cái tô, cái chén... Thư viện, văn khố, viện bảo tàng dầu cho hoàn bị đến đâu cũng vẫn còn thiếu, lắm khi thiếu tài liệu cần thiết. Tôi không dám nói nhiều, e hóa ra mách lẻo. Ông còn nhiều sở trường khác ; đồ gốm, đồ kiêu chỉ là một trong nhiều bộ môn mà ông đã và đang tiếp tục sưu tầm, mặc dầu tuổi đã cao...

B.K. Quyền sách này phát hành xong, thu được vốn chưa ? Anh còn dự định cho in quyển nào sau này nữa không ?

S.N. : Bán đợt đầu, trả xong tiền giấy, tiền in. Năm tới, chắc không dám tự xuất bản nữa, vì Cách mạng mùa Thu làm nhức đầu nhức óc quá, À, trong Bách Khoa số tất niên, tôi đọc bài Chuyện Cồ tích Kinh tế của Thế Nhân khá vui và khá chua cay. Tôi xin mạn phép thêm vài chi tiết về cồ tích kinh tế. Trước năm 1963, giá ghi ngoài bìa quyển sách rất thấp, 100 trang ghi 20 đồng là cao rồi, người mua lẽ mặc nhiên được bớt 15 hoặc 20 phần trăm, tức là chỉ trả có 16 hoặc 17 đồng. Ngày nay, trước «Cách mạng» sách 100 trang đề giá 100 đồng hoặc

120, hoặc 150, nếu là sách khổ lớn. Năm lần cao hơn ! Nhà xuất bản cố gắng cải tiến kỹ thuật in bìa, cái bìa sách ngày nay đẹp hơn lúc trước nhiều, chữ kẻ đẹp hơn, thường là in ốpsết, đề dễ bán hơn, đề độc giả tha thứ cho khi thấy quyển sách đề giá hơi cao, so với đồng lương tháng hay lương công nhật. Hồi đó, trước 1963, nói chắc là năm 1962, ở trọ, tắm rửa, cơm ngày hai bữa tại Saigon chỉ tốn mỗi tháng từ 600 đến 800 đồng mà thôi. Một cái gác trọ khá rộng cho mướn 400 hoặc 500 đồng. Tôi còn nhớ vào năm ấy, soạn giả Hà-Triều mướn căn nhà ở đường Nguyễn Cảnh-Chân đủ tiện nghi, với giá 1.000 một tháng, ở một mình, bạn bè cho rằng anh làm lếu, xài sang. Từ chợ Thái-Bình ra đại lộ Lê-Lợi, xích lô đạp ăn 5 đồng (khỏi trả giá), nếu trời mưa thì thêm một đồng. Tại quán bán chè ngọt, một ly hột gà trà (trộn cái trứng gà nấu đường) bán 5 đồng. Ăn sáng : cà phê đen 2 đồng, hai miếng bánh bò hai đồng, một cái bánh tiêu, một đồng. Năm đồng dư no. Hát bóng thường trực (tuồng cũ) năm đồng mà thôi, khán giả có thể ngồi từ 6 giờ sáng đến 12 giờ khuya, ngủ luôn trong rạp. Một đĩa cơm với trộn cái đùi gà, 20đ. Hát bóng tuồng mới, 20 đồng. Một tô mì 6 đồng. Ba người ăn cơm, coi hát rồi ăn mì khi ra khỏi rạp, tốn chưa đầy 200 đồng. Trở lại chuyện xuất bản sách cho vui. Một tập thơ cỡ 80 trang, in với giá 5.000 đồng, bìa đẹp, chỉ cần ứng trước 1.000 đồng. In xong, thi sĩ cứ lấy ra năm bảy trăm cuốn đề

bỏ mỗi ngoài tiệm sách, để tặng bạn bè rồi... trốn luôn, bỏ số sách còn lại cho nó nằm va-li, tại nhà in, không trả lại thanh toán. Ấy thế mà chủ nhà in không lỗ lã. Hồi đó, năm 1959, tôi in 2.000 quyển *Nguyễn Trung Trực* với giá 5.000 đồng. Quyển *Tìm hiểu đất Hậu-giang* in năm 1960, 3.000 cuốn, thêm 40 cuốn trên giấy đẹp chỉ tốn có 11.000 đồng, đưa trước 3.000 đồng là khởi công, in xong lấy hết sách ra, mãi đến 6 tháng sau mới trả tất cả số nợ nhà in, ấy thế mà chủ nhà in cảm ơn vô cùng, xem tôi là thân chủ đứng đắn. Hồi đó, một đồng bạc được 3 liều thuốc Bastos xanh, tại sạp thuốc luôn luôn có cây nhang cháy cho khách mỗi thuốc. Qua chuyện chơi đồ xưa

cho vui. Một cái tô đời Tống, làm ở Thanh-hóa năm 1962 bán với giá 6.000 đồng, năm nay cái tô đó trị giá trên 200.000 đồng ! Một bộ chén trà tốt, năm đó 600 đồng, năm nay 40.000 đồng sấp lên. Phải chi năm đó dư tiền, mua đồ xưa thì giờ đây tôi trở thành triệu phú. Nhưng làm sao dư tiền để chơi đồ xưa được ? Viết tiểu thuyết đăng báo năm đó, mỗi tháng từ 3 đến 5.000 đồng mỗi tiểu thuyết là nhiều. Báo ra rất ít, cả làng báo chỉ có một hai người viết 2 hoặc 3 tiểu thuyết. Cho tôi nói thêm : ở chợ Cũ, năm đó một con vịt quay 25 đồng và ở quán Bảy Hồ, Tám Lọ, một con gà quay 50 đồng !

BÁCH KHOA *ghi*



Nhức đầu

Đông

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/GCOP

VIỆT - NAM CÔNG - THƯƠNG NGÂN - HÀNG

93-95, Đại-lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại: 91.558 — 91.559 — 99.487

CHI-NHÁNH:

- | | | | |
|---------------|----------------------------|-------------------------------|-----------|
| — SAIGON | { | 209-213, đại lộ Trần Hưng Đạo | ĐT. 23262 |
| | | 6, đường Nguyễn Trung Trực | ĐT. 92627 |
| | | 217, đg. Trương Minh Giảng | ĐT. 40925 |
| | | 170, đường Trịnh Minh Thế | ĐT. 91915 |
| — ĐÀ NẴNG : | 71, đại lộ Độc Lập | ĐT. 2255 | |
| — CHOLON : | 402-404, đại lộ Đồng Khánh | ĐT. 37481 | |
| — MỸ THO : | 91, đường Trưng Trắc | ĐT. 2112 | |
| — KIẾN HÒA : | 1, đg. Trương Tấn Bửu | ĐT. 106 | |
| — QUI NHƠN : | 217, đường Gia Long | ĐT. 82 | |
| — PHANTHIẾT : | 3, đại lộ Trần Hưng Đạo | | |

Kính Chúc Quý Vị Thân Chủ Năm Mới

AN-KHƯƠNG và THỊNH-VƯỢNG



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Sự thành lập của « Âu châu 10 nước » hay là Thị-trường-chung nói rộng đã là một sự-kiện quan trọng đánh dấu đời sống chính trị thế-giới vào đầu năm 1972.

Cùng một lúc Âu-châu cũng còn được dư luận quốc-tế đặc biệt chú ý tới vì những cuộc đụng độ đồ máu giữa các cộng đồng Công-giáo và Tin-lành tại Ái-nhĩ-lan.

Một vài tiến triển tại Trung Đông đã cho người ta một chút hy vọng hoà-bình ở vùng này. Chính-phủ Do-thái đã tỏ thiện chí trong việc chấp nhận thương-thuyết với phe Ả-rập.

Sau hết là cuộc tấn công ngoại-giao ráo riết của Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon để nhằm chiếm được đa-số tại quốc nội trong cuộc bầu cử vào tháng 11/72

Sự nói rộng của Thị-trường chung Âu-châu

Ngày 22 - 1 - 1972 vừa qua tại Bruxelles 4 quốc-gia: Anh, Đan-mạch, Na-uy và Ái-nhĩ-lan đã chính thức gia nhập khối Thị-trường chung Âu-châu. Như vậy sau 11 năm thương thuyết cực nhọc, bị vấp phải quyền phủ-quyết của tướng De Gaulle hai lần, Anh-quốc đã đạt được mục-tiêu của mình.

Với sự gia nhập của 4 quốc-gia mới, khối Thị-trường chung đã từ một tổ-chức Âu-châu 6 nước trở thành một tổ chức Âu-châu 10 nước. Khối Âu-châu 10 nước hiện thời chiếm

một diện-tích là 1.851.000 cây số vuông, có một dân số là 257,2 triệu người và một sản lượng quốc-gia sồi (P N B) là 637,11 tỷ Mỹ-kim. Như vậy từ ngoài nhìn vào người ta thấy khối Âu-châu 10 nước là một lực lượng khá hùng hậu vì khối này có dân-số cao hơn cả Nga (242 triệu dân) lẫn Mỹ (205 triệu). Khối Âu-châu 10 nước lại sản xuất được hàng năm một khối lượng thép lớn hơn hai đại cường Nga-Mỹ. Riêng về tổng sản-lượng thì tổng sản-lượng của « Âu châu 10 nước » bằng 2/3 tổng sản-lượng của Mỹ.

Nhiều người đã tỏ ra hài lòng trước việc Anh, Na-uy, Đan-mạch và Ái-nhĩ-lan tham gia khối Thị-trường chung vì đó là một dấu hiệu của tiến bộ trong tư tưởng thống nhất Âu-châu. Tuy nhiên người ta thấy còn có rất nhiều người chống đối việc Anh-quốc gia nhập hàng ngũ Âu-châu. Những phần tử chống đối này được chia làm 2 loại: Những người bảo thủ từ trước tới nay không muốn hy sinh chủ-quyền quốc-gia cho một tổ chức quốc-tế và những người chủ trương đẩy mạnh phong-trào thống-nhất Âu châu.

Phe bảo-thủ, trong đó có Tướng De Gaulle khi ông còn sống, muốn bảo vệ chủ-quyền quốc-gia và chống đối mọi đề nghị hội nhập các quốc-gia vào trong lòng một tổ-chức Âu-châu rộng rãi. Đối với những người này

mở rộng Âu-châu thêm chỉ có nghĩa là giới hạn thêm chủ quyền quốc gia. Ngoài ra họ còn cho rằng Hoa-kỳ, qua trung gian của Anh, sẽ nắm nền kinh-tế Âu-châu.

Đối với phe chủ-trương thống nhất Âu-châu thì sự mở rộng Thị-trường chung cho thêm 4 quốc gia nữa là một thất bại của phong trào thống-nhất Âu-châu. Những người này muốn rằng trước khi nói rộng Thị-trường chung người ta nên hoàn tất khối này bằng cách thiết lập một chính-phủ liên-bang có tính cách siêu quốc-gia. Anh quốc không bao giờ chịu gia nhập một tổ chức loại này. Nếu giờ đây Anh-quốc gia nhập Thị-trường chung thì có nghĩa là không bao giờ khối này sẽ có một tổ-chức chính trị liên-bang.

Ngay tại Anh, thủ tướng Edward Heath cũng gặp rất nhiều sự chống đối. 48 tiếng đồng hồ trước khi sang Bruxelles ký kết hiệp-ước gia nhập Thị trường chung, ông Heath đã bị phe đối lập Lao động mạt sát thậm tệ tại Quốc hội. Lần đầu tiên trong lịch-sử Anh người ta thấy dân biểu hò hét la lối, nhẩy lên diễn đàn ngăn không cho Thủ tướng nói. Có lẽ khi chấp nhận tham gia đời sống Âu - châu, người dân Anh đang bắt đầu theo tục lệ chính trị của lục địa này !

Những bạo động tại Ái - nhĩ - lan

Không phải chỉ bị chống trong vấn đề gia nhập Thị - trường chung mà thôi, ông Heath còn đang hết sức lúng túng trong vấn đề Bắc Ái-nhĩ-lan

vì Bắc Ái - nhĩ - lan là một thành phần của Vương-quốc Anh. Ngày Chúa nhật 30-1-1972 khoảng 20.000 người đã biểu tình ở London derry để phản đối việc bắt giữ 600 người bị tình nghi là thuộc tổ chức khủng bố « Quân-đội Cộng-hòa Ái-nhĩ-lan » (I. R. A).

Quân đội Anh đàn áp đã phải dùng tới vũ khí trước sự hung hãn của đám biểu tình trẻ. Kết quả là 13 người biểu tình đã bị thiệt mạng và 17 người bị thương được chở vào bệnh viện. Sự công phẫn tràn ngập cộng - đồng Công giáo Ái-nhĩ-lan và lệnh trả đũa đã được tung ra trong cộng - đồng này.

Thủ tướng Edward Heath đã phải đối phó với một vấn-đề tế-nhị nhất mà trên 40 năm qua chưa vị Thủ-tướng Anh nào gặp phải. Ông cố gắng đưa ra một kế-hoạch dựa trên 2 điểm chính : 1-) Ái-nhĩ-lan không thể tách rời khỏi Anh-cát-lợi nếu dân chúng vùng này không chấp thuận ; 2-) Thiết lập một chính phủ trong đó cộng-đồng Công-giáo có một số ghế Tổng-trưởng.

Về điểm thứ nhất thì chắc chắn là Anh-quốc nắm phần thắng, vì 3/4 dân số theo đạo Tin-lành nên đều muốn giữ nguyên qui chế liên hiệp với Anh. Còn điểm thứ hai thì tương đối khó thực hiện trong bầu không khí thù hận hiện thời. Cộng đồng Công-giáo càng ngày càng cứng rắn, không còn đòi cải tổ mà đòi hủy bỏ hẳn chính quyền Bắc Ái-nhĩ-lan vì chính quyền này nằm trong tay phe Tin-lành. Tại Nam Ái-nhĩ-lan, một quốc-gia độc lập,

người ta còn đòi thống nhất cả hai miền Bắc và Nam. Nhưng các người theo đạo Tin-lành thì nhất quyết chống đối biện pháp này. Theo họ thì Bắc Ai phải tiếp tục liên-hiệp với Anh dù bằng giá một cuộc nội chiến.

Một vài tiến-bộ hòa-bình tại Trung-Đông

Trong suốt năm 1971, bang-giao giữa Do-thái và Hoa-kỳ càng ngày càng trở nên căng thẳng. Hoa kỳ luôn luôn trách chính-phủ Tel Aviv đã làm thất bại kế-hoạch hòa bình của ông Rogers. Thật vậy, thái độ cứng rắn của Do-thái đã khiến cho mọi nhượng bộ của Tổng-thống Ai-cập Anwar Sadat trở thành vô ích.

Bước sang năm 1972, tình hình Trung Đông bỗng trở nên khác hẳn. Người ta thấy Do-thái trở nên ôn hòa trong khi Ai-cập ngược lại, tỏ ra cứng rắn hơn.

Cuối tháng 12-1971 Bà Golda Meir Thủ-tướng Do-thái, đã sang Hoa-kỳ để tìm cách hàn gắn bang giao giữa hai nước. Cuộc du hành của bà hoàn toàn thành công và chỉ một tháng

sau chính-phủ Hoa-kỳ đã quyết định bán cho Do-thái 18 chiếc phản-lực-cơ chiến đấu Phantom F-4 và đồng thời chính-phủ Tel Aviv tuyên bố sẵn sàng « cận đàm » (Proximity talk) với Ai-cập để mở lại kinh Suez. « Cận đàm » là một công thức đàm thoại mà hai phe đối nghịch không giáp mặt nhau. Cả hai phái đoàn đều đến cùng một căn nhà hay một thành phố. Một quốc gia thứ ba hay một nhân vật trung-gian sẽ lãnh vai trò trung gian, bảo đảm liên lạc giữa hai bên. Khi Do-thái bằng lòng cận đàm thì Hoa-kỳ đương nhiên đóng vai trò trung-gian này.

Quyết-định của Do-thái được công bố vào đầu tháng 2 đúng vào lúc Tổng-thống Ai-cập, Anwar Sadat, đang ở trên đường sang Mạc-tư-khoa cầu viện. Tuy được chính phủ Nga đón tiếp lịch-sự nhưng ông Sadat đã không được Nga hứa tặng viện trợ quân sự. Từ tháng 10-1971 tới nay ông Sadat luôn luôn đòi cận đàm. Nhưng khi Do-thái bằng lòng thì lại đến lúc ông Sadat ngần ngại. Thật vậy

PHÂN ƯU

Được tin Ô. HOÀNG-NHẬT-TẶNG, bào huynh Ô. HOÀNG-MINH-TUYNH và thân phụ Ô. HOÀNG-ANH-TÚ đã mệnh chung tại Saigon ngày 16-2-1972 (2 tháng Giêng Nhâm Tý), hưởng thọ 64 tuổi.

Chúng tôi trân trọng chia buồn cùng Ô. Hoàng-Minh-Tuynh, Ô. Hoàng-Anh-Tú và tang quyến, và cầu nguyện anh hồn người quá cố sớm về nơi an nghỉ đời đời.

VÕ PHIẾN, VŨ HẠNH, CÔ LIÊU, NGUYỄN HỮU NGU, TỪ TRÌ, NGUYỄN HUY NHÂN, TÔN THẮT HÀM, LÊ NGỘ CHÀU

trong tháng 1-1972 vừa qua dư luận trong nước càng ngày càng tỏ ra hiểu chiến. đòi ông Sadat phải tái chiến với Do-thái. Hàng ngàn sinh viên đã biểu tình đòi Sadat chấm dứt các nỗ lực đi tìm hòa-bình bằng thương thuyết. Muốn chiều ý dân chúng ông Sadat phải có sự ủng-hộ của Nga. Nhưng Nga lại tỏ ra hoài nghi trước khả năng quân sự của Ai-cập nên ông Sadat đang ở trong một tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Khước từ cận đàm với Do-thái tức là tự mâu thuẫn với chính mình và bị mất thiện cảm của thế-giới, nhưng chấp nhận đàm-thoại sẽ đưa tới một cuộc khủng hoảng nặng nề trong nội bộ Ai-cập.

Với một tình hình luôn luôn thay đổi như vậy hòa bình khó có thể được văn hồi tại Trung-Đông.

Tấn công chính trị của ông Nixon :

Nếu hòa bình khó thực hiện được ở Trung-Đông thì tại Việt-nam hòa bình lại còn là một điều khó khăn hơn nữa. Thật vậy, năm 1972 là năm bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ. Nếu muốn được tái đắc cử, Tổng-thống Nixon phải làm sao tìm được một giải-pháp nào đó, khả dĩ có thể giải tỏa sự bất mãn của dân chúng. Tuy cố gắng rút quân để đến ngày cuối năm nay vẫn để Việt-nam hết thành một đề-tài tranh cử nhưng các ứng-cử-viên đảng Dân-chủ vẫn tiếp tục tố cáo là ông Nixon tìm cách đánh lạc hướng dân chúng.

Vì vậy, đầu tháng 2-1972 ông Nixon đã quyết định tung ra một "chương" hết sức mạnh mẽ là đưa ra một kế-hoạch hòa-bình 8 điểm, như cam kết rút hết quân trong 6 tháng đòi lấy tù binh, tổ chức bầu cử Tổng-

thống mới tại Việt-nam... Trong kế-hoạch này ông Nixon tỏ ra là Hoa-kỳ đã đi tới nhượng bộ tối đa và không thể nào đi xa hơn nữa mà không phản bội một dân tộc đã "nhất mực tin cậy vào Hoa-kỳ".

Cùng một lúc với kế-hoạch hòa-bình, ông Nixon cũng tiết lộ một sự kiện vô cùng quan trọng là trong 30 tháng vừa qua, tức là bắt đầu từ cuối năm 1969, ông Kissinger đã từng bí mật gặp phe Cộng-sản Bắc Việt tới 12 lần.

Những hành động của ông Nixon đã làm cho các đối thủ của ông bị chói với. Ngay đến ông Edmund Muskie cũng phải công nhận rằng đây là một sáng-kiến đáng được chú ý. Sự lúng túng của các chuẩn ứng - cử - viên Dân-chủ đã thêm một lần nữa chứng minh là chương của ông Nixon lợi hại. Không những vậy, ông còn đưa các đối thủ của ông vào tư-thế khó xử khiến họ không thể chỉ trích ông mà không làm thiệt hại uy tín của chính họ. Bằng các cuộc phỏng vấn vô tuyến truyền-hình, các công - sự - viên của ông Nixon đã liên tiếp lên án những người chỉ trích ông là những kẻ tiếp tay với kẻ thù của Hoa - kỳ.

Ngày 21 - 2 - 1972 ông Nixon tới Bắc - kinh. Phần lớn các quan - sát - viên và bình - luận - gia đều không chờ đợi nhiều ở kết quả cuộc viếng thăm này. Chắc chắn là vấn đề Việt - nam sẽ được đề cập trong các cuộc hội đàm giữa ông Nixon với các lãnh tụ Trung - Cộng. Nhưng ảnh hưởng của chuyến đi này có lẽ chỉ xuất hiện vào cuối năm nghĩa là đứng trước bầu cử lâu quá để cử-tri còn nhớ mà dồn phiếu cho vị Tổng - thống mãn - nhiệm.

TỪ - MINH

Sách mới

— Phương pháp giải toán Đại số lớp Tám của Nguyễn văn Nhượng, Nguyễn Thanh Khiết. Nguyễn Ngọc Thả Lê xuân Toàn, Vũ Minh Cường, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 109 trang gồm có 13 bài cùng những đề và lời giải. Giá 160đ.

— Thương hoài ngàn năm tập truyện của Võ Phiến do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng, sách dày 126 trang gồm 3 truyện: Thương hoài ngàn năm, Viết thư buổi trưa. Đến khi ma chết. Phụ bản của Phạm Tăng và Ngọc Diệp. Giá 180đ.

— Giáo dục công dân lớp 11 của Bằng Giang, Minh Văn, Xuân Tước do Sống Mới xuất bản và Bằng Giang gửi tặng. Sách dày trên 290 trang gồm 6 chương về chánh sách kinh tế, yếu tố sản xuất, cơ quan sản xuất và mậu dịch w... ngoài bài học còn thêm bài đọc thêm và tài liệu. Giá 250đ.

— Mã-lai-Á và văn đề Trung-lập-hóa Đông-nam-Á của Vũ kim Toàn do Khởi Hành xuất bản và gửi tặng. Sách dày 270 trang, trình bày về lịch sử Mã-lai-Á và một văn đề thời sự nóng bỏng gồm 16 chương, có kèm theo nhiều bản đồ. Giá 320 đ.

SIÊU ĐẲNG THƯỢNG HẢO HẠNG

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
金
牌
煙
名
貴
大
方

NGON NHẤT VẺ LOẠI THUỐC ĐEN

ASPRO

PUB: TÂN-TRÍ



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 226.BYT

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Giải thưởng trẻ em

Cơ sở xuất bản Mây-Hồng là một nhà xuất bản sách thiếu nhi, mới hoạt động từ trên nửa năm nay mà đã ấn hành được mấy chục cuốn sách với sự góp mặt của rất nhiều nhà văn tên tuổi viết cho tuổi nhỏ.

6 giờ chiều chủ nhật ngày 23-1-1971, tại Hội quán Hội Văn Bút Việt Nam nhà xuất bản trên đã tổ chức một buổi lễ phát giải thưởng "Đổ vui Mây Hồng", do 3 câu đố trên những sách mới xuất bản gần đây của nhà Mây Hồng. Có 10 giải chính thức và mấy chục giải khuyến khích, mỗi giải đều có một phần tiền và một phần tặng phẩm, tổng số các giải trị giá khoảng 200.000 đ. Các em trúng giải đều ở khoảng tuổi từ 14 đến 17. Em trúng giải nhất ở Saigon và có nhiều em trúng giải ở các tỉnh về. Buổi lễ phát giải thưởng cho các em, có mặt rất đông các nhà văn của tuổi thơ và nhà phát hành sách, đã diễn ra rất thân mật và vui vẻ.

Giải thưởng người lớn

Lễ phát giải thưởng trẻ em trên đây được tổ chức vào ngày 8 tháng chạp thì, ngày 20 tháng chạp (4-2-72) người lớn cũng tổ chức lễ trao giải thưởng cho các vị bố-trẻ-em tại Dinh Độc - Lập do Tổng thống chủ tọa. Đó là "Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc 1971" với 23 thể-loại tác phẩm thuộc 9 bộ môn: Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh, Điện ảnh Cũng những bộ môn này, nhưng năm

trước chỉ phân ra có 12 thể loại. Năm 1971 bộ môn thơ chẳng hạn lại phân thành Thơ và Thơ truyện, Kịch lại có cả Hát bội, Hát chèo và Cải lương v.v.

Điểm đặc biệt của các giải năm nay là tuy phân thành nhiều thể-loại như vậy, mà lấy được 400.000đ (giải nhất) của nhà nước chỉ có 3 người: Ô. Nguyễn - Văn - Liên với tập "Chữ Nho tập giải", Nhạc sĩ Hùng - Lân với tập "Tìm hiểu Dân ca V.N." (trong bộ môn biên khảo) và nhà thơ Trần Dạ Từ với tập "Thuở làm thơ yêu em". Tất cả các bộ môn khác, quý vị giám khảo thấy tác phẩm dự thi chỉ đáng được giải khuyến khích mà thôi! Bộ môn hội họa thì giải khuyến khích cũng không được nữa.

Những nhà văn, nhà thơ quen thuộc được giải khuyến khích năm nay có: Lê Tất Điều với truyện *Những giọt mực*, Ngô Thế Vinh với *Vòng đai xanh*, Phạm Thiên Thư với *Truyện Cờ Phật giáo* (Thơ Truyện) Viên Linh với *Con đường ngựa chạy* (kịch)...

Cũng vì 2 chữ "khuyến khích" mà sau khi phát giải có vài vị giám khảo bị người trúng giải đập tơi bời .. trên báo. Cũng có cả một vài vụ chữ bới khác nữa trong hàng ngũ giám khảo và người dự thi nhưng anh em kịp thời can gián kịp. Đó là điểm khác biệt giữa giải người lớn và giải trẻ em.

Người thơ trẻ, Võ Phiến
và Phạm Duy

Trên báo Đời, số Xuân Nhâm Tý, Võ Phiến có viết một bài đọc thơ những "người thơ" trẻ, trong đó anh

trích một vài bài và nhận xét rằng :
«... có lẽ chỉ trong thi ca mới ghi
lại được cái phong thái riêng của lớp
trẻ chúng ta trong nỗi khổ đau, chán
nản của họ. Họ khổ cách riêng, chán
cách riêng. Vì chiến tranh, những
bạn trẻ ấy, người uống U Minh, kẻ
lên Pleiku, nằm ló cốt... Ai nấy đều
cô đơn giữa tuổi hoa niên, đều khao
khát yêu đương, đều mỗi mòn thương
nhớ. »

Phạm Duy đọc bài này, có lẽ cũng
đồng ý với Võ Phiến, vội bắt anh chép
lại các bài thơ mà anh đã trích đăng
trong đó. Thế là gần Tết Phạm Duy
phổ nhạc ngay một bài thơ về Pleiku
của Vũ Hữu Định :

«*phổ núi cao phổ núi đầy sương
phổ núi cây xanh trời thấp thật buồn...*»

Sau Tết, Phạm Duy lại mới phổ nhạc
thêm một bài thơ nữa về U Minh của
Nguyễn Tiến Cung :

«*mỗi con lạch là mỗi xót xa
mỗi giòng sông là mỗi tuổi già...*»

Tên hai bài thơ là «*Chút gì để nhớ*»
và «*U Minh*» thì khi thành 2 bản nhạc
chúng mang tên là : «*Còn chút gì để
nhớ*» và «*Ở miền U-Minh ta không thấy
em*».

Phạm Duy cho biết là anh còn
sẽ phổ nhạc vào nhiều bài thơ của các
nhà thơ trẻ khác nữa để thành một
tập nhạc đặc biệt.

Về việc phổ nhạc vào thơ thì trước
Tết Phạm Duy cũng còn sáng tác một
bài «*Đưa em tìm Động hoa vàng*» mà
anh nhặt một số câu trong tập thơ
«*Động hoa vàng*» của Phạm Thiên
Thư : «*rừng xưa có gã từ quan, lên
non tìm động hoa vàng ngủ say...*»

Đúng giao thừa anh lại phổ nhạc
vào một bài thơ nữa của Phạm Thiên
Thư «*Một thoáng hương qua*» mà anh
đổi tên thành : «*Em lẽ chùa này*». Trong
tháng Giêng đầu năm nay chắc
chắn chúng ta sẽ được nghe những
bản nhạc trên đây qua giọng ca của
Thái Thanh.

Khuôn mặt văn nghệ hôm nay

Năm 1970 Tạ-Tỵ đã cho ra một
cuốn sách biên khảo mang tên là
«*Mười khuôn mặt văn nghệ*» trong đó
anh nói đến các nhà văn Lãng Nhân,
Nguyễn Tuân, Vũ Bằng v.v... và một
nhạc sĩ : Văn Cao. Đầu năm 1972 Tạ
Tỵ lại cho ra một cuốn nữa : «*Mười
khuôn mặt văn nghệ hôm nay*» trong đó
anh cũng nói đến 9 nhà văn nam nữ
(Túy Hồng, Nguyễn thị Thụy Vũ,
Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn đình
Toàn, Nhật Tiến, Thế Uyên, Thế
Phong, Bùi Giáng, Võ Hồng) và 1
nhạc sĩ (Trịnh công Sơn). Cùng với
chiều hướng cuốn trước, trong cuốn
này người viết cũng chỉ tỏ bày cảm
nghĩ đối với các tác phẩm của 10 nhà
văn nghệ, mỗi người đều có 1 «*khuôn
mặt*» dưới nét bút vẽ và viết của họa
sĩ và nhà văn Tạ Tỵ, với những hàng
thủ bút và chữ ký của từng người.

Tác giả cho rằng «*nghệ thuật hôm
nay cách biệt hẳn với nghệ thuật tiền
chiến. Nó khỏe và sống hơn nhiều,
vì nhờ vào những yếu tố thực tế,
với bao nghịch cảnh tác động thẳng
vào tri giác, phản ứng cho mỗi suy
nghĩ. Chính vì suy nghĩ miên man,
nên sự tỏ bày tinh tiết trong tác
phẩm có phần nào rắc rối, và đôi khi
khép kín nữa, nhằm kích động tò mò
đồng thời cũng gây hứng thú cảm mỹ.
Người làm văn nghệ... muốn những
suy nghĩ ấy được trực tiếp truyền
cảm, không cần đi qua cánh cửa lý trí.*»

Với 700 trang trình bày tuyệt đẹp
(so với 270 trang cuốn trước) người
đọc như đi từ thế giới văn nghệ này
sang thế giới văn nghệ khác và kết quả
là phải tìm ngay những tác phẩm nói
trong sách để xem cho «*đã*» hơn. Cũng
may là sách dày như vậy, in vào đầu
mùa «*cách mạng*», nên chỉ bán giá
800 đ. nếu mà in vào giữa «*cách mạng*»
như bây giờ chẳng hạn, với giá giấy
lúc này, thì người đọc làm sao mua
nồi sách ?

THU THỦY